VĂN HỌC Nghệ thuật

SÁNG TÁC ● NHẬN ĐỊNH

TRONG SỐ NÀY :

NGHIÊM XUÂN HỒNG : NGƯỜI VIỆT TRÊN ĐẤT MỸ ● VÕ PHIẾN: ● NỤ CƯỜI Á ĐÔNG ● PHAN LẠC TIẾP : NGƯỜI ĐÀN BÀ XA LẠ ● HOÀNG DUNG : HŨ GẠO ĐỒNG TÂM ● ĐĂNG KHOA: TÌNH KHÚC BUỒN ● TRÚC CHI ● XUÂN HIẾN : THƠ ● HOÀNG MINH KÍNH: TÂN TRIẾT HỌC BA LÊ. ●

● SÁCH VIỆT NAM Ở HẢI NGOẠI ● VĂN NGHỆ KHẮP NƠI MỖI KỲ MỘT DANH PHẨM QUỐC TẾ RÚT NGẮN BẰNG VIỆT NGỮ ● MỖI KỲ MỘT TÁC PHẨM VIỆT NAM CHUYỂN SANG ANH NGỮ

SỐ 3 THÁNG SÁU NĂM 1978

● tạp chí văn nghệ đầu tiên của người việt hải ngoại

VĂN HỌC NGHỆ THUẬT
Chủ nhiệm: Võ - Phiến
Chủ bút: Lê - tất - Điều
Giám đốc Trị sự-Mỹ thuật : Lâm Triết
Giám đốc kỹ thuật: Trần đình Long

Tòa soạn: P.O. Box 19555 San Diego Ca. 92119 U.S.A.

MỤC LỤC

● *THƯ TÒA SOẠN* 3

● *NHẬN ĐỊNH*
Người Việt trên đất Mỹ — *NGHIÊM XUÂN HỒNG* 5
Nụ cười Á đông — *VÕ PHIẾN* 9

● *SÁNG TÁC*
Người đàn bà xa lạ — *PHAN LẠC TIẾP* 14
Hũ gạo Đồng Tâm — *HOÀNG DUNG* 20
Tình khúc buồn — *ĐĂNG KHOA* 35
Thơ: — *XUÂN HIẾN – TRÚC CHI – TN-V2* 45

● *TÌM HIỂU*
Tân Triết học Ba-Lê — *HOÀNG MINH KÍNH* 48

● *VIỆT NAM VÀ THẾ GIỚI*
Con hẻm Mạc-tư-Khoa — *ILYA EHRENBOURG* 59
The neighbor across the garden — *VÕ PHIẾN* 82

● *THỜI SỰ VĂN HỌC NGHỆ THUẬT*
Sách Việt ngữ hải ngoại — *LÂM CHI* 89
Văn nghệ khắp nơi — *THẠCH TÂM* 90

● *BẠN ĐỌC VÀ CHÚNG TÔI*
Bạn đọc viết 94

◉ THƯ TOA SOẠN

Trong một lá thư gửi đến chúng tôi, nhà văn Mặc Đỗ viết : "điều nặng lòng nhất đối với tôi là mong sao ươm được nhiều tên tuổi mới từ những lứa trẻ". Trong đám tí ngọc chúng ta thiếu gì những chàng trai mới lớn lên ta lừa vào quân nhà với một nhàm thứ khổ và nay giờ đang ở chế nơi đất lạ, từ cái vườn [illegible] đếm được bao nhiêu cây bút có hữu hiệu.

Mặc dù cách [illegible] đường nhà văn Mặc Đỗ [illegible] VHNT ngay từ trong buổi đầu [illegible] những người sáng lập, [illegible] Mặc Đỗ [illegible] điều nặng lòng có [illegible] chúng tôi.

Từ ba năm qua, bàn ai nấy đều nhận thấy trên các hàng sách Việt ngữ ở hai ngoài rất ít tác phẩm mới, trên các báo Việt ngữ rất ít sáng tác mới. Thậm chí, ở những [illegible] xuất bản vào các dịp kỷ niệm quan trọng một số đồng nghiệp đành in lại những văn phẩm đã đăng tải ở nam Việt nam trước mạng 5-1975.

Như thế không hẳn là điều đáng trách về phía các nhà xuất bản và nhà báo Việt ngữ ở nước ngoài, bởi vì ai đảm bảo các vị ấy không cố gắng. Vậy phải chăng lý do ở về phía giới cầm bút? Quả thật hoàn cảnh ly hương không thuận lợi cho sáng tác, càng không thuận lợi chút nào đối với lớp văn nghệ sĩ đã não nề cay đắng, mệt mỏi chán chường.

Người viết não nề thì buông tay, nhưng người đọc càng não nề có thể lại càng cần tìm đọc, cần tìm lại hơi hướng quê hương, dân tộc

trong văn phẩm. Đối với nhiều tập thể kiều dân khác – Thái lan, Trung hoa, Nhật bản, Phi luật tân v.v... – nhu cầu ấy thật dễ dàng thỏa mãn: sách báo từ chính quốc đến tay họ đều đều. Còn chúng ta, chúng ta bị cắt lìa với xứ sở, đành bơ vơ trong đời sống tinh thần. Cho nên dù muôn vàn khó khăn, chúng ta vẫn phải gầy dựng lấy một sinh hoạt văn nghệ tại chỗ, trong hoàn cảnh ly hương.

Văn nghệ là cái gì sống động; nó phản ảnh đời sống xã hội mỗi lúc, phản ảnh tâm hồn con người của mỗi thời. Dù trong dĩ vãng một dân tộc có một thời kỳ văn học nghệ thuật rực rỡ đến đâu, dân tộc ấy cũng không thể vì đó mà dừng lại nghỉ ngơi, và quay về thưởng thức kho tàng cũ đến mãi mãi. Không phải sau Tolstoï người Nga khỏi cần viết truyện, chỉ việc in lại truyện cũ để xem ; sau Nguyễn Du dân Việt nam khỏi cần làm thơ , chỉ lo tái bản cuốn KIỀU để ngâm nga là đủ. Tuy không mong làm hơn người trước, các lớp sau vẫn phải tiếp tục không ngừng.

Hoàn cảnh nào có văn nghệ ấy, giai đoạn nào có văn nghệ nấy; chúng tôi không quan niệm một tờ tạp chí văn nghệ như chỗ trồi trăn của một thế hệ đã đến hồi tàn tạ.

Chúng tôi dựng ra nó để nó cố đuổi theo những diễn biến của cuộc sống và của tâm hồn khối người Việt tự do từ đây về sau; dựng ra nó để nó làm điều kiện phát hiện những tài năng mới có thể tiếp nhau phản ảnh cuộc sống cộng đồng chúng ta theo thời gian. Do đó, chúng tôi dành ưu tiên cho bài vở của các cây bút mới. Mỗi lần gặp được tác phẩm có giá trị của một cây bút mới, chúng tôi vui mừng xem như một... thắng lợi.

Người mới có thể là "những chàng trai lớn lên bị lùa vào quân ngũ" từ xứ sở ra đi sau tháng 5-1975, có thể là những kẻ cả nam lẫn nữ có thừa khả năng nhưng ngày còn ở trong nước chưa đến tuổi, chưa đủ thời giờ để kịp xuất đầu lộ diện, lại có thể là những sinh viên đã xuất ngoại đi học từ trước : họ đeo đuổi các ngành học chuyên môn , ngụp lặn trong biển sách mênh mông Âu Mỹ để tìm kiến thức, nhưng trong những giờ phút dành cho đời sống tâm tình họ không thể không quay về với văn nghệ Việt nam v.v...

VHNT nặng lòng nhất đối với những người mới ấy. Chúng tôi cung ứng cho họ một diễn đàn , một sân khấu ra mắt. Sau một thời gian đôi ba năm , hi vọng trong ấy sẽ có một số tự tạo được cho mình một vị thế vững vàng trong sự tán thưởng của độc giả. Và họ mới chính là lớp người chủ động trong cái sinh hoạt văn nghệ của cộng đồng người Việt ly hương sau này.

VHNT

NÓI CHUYỆN VỚI GIÁO SƯ

Nghiêm xuân Hồng người Việt trên đất Mỹ

Nghiêm xuân Hồng là một nhân vật trong chính giới, từng giữ chức vụ quan trọng trong giai đoạn gay cấn nhất của thời cuộc nước nhà. Nghiêm xuân Hồng là một văn nghệ sĩ, tác giả nhiều văn phẩm thuộc nhiều thể loại khác nhau, tất cả đều có giá trị cao. Nghiêm xuân Hồng là một nhà tư tưởng mà các tác phẩm đã tạo cho ông địa vị vững chắc trong học giới. Nghiêm xuân Hồng cũng lại là một trong những người Việt nam có hiểu biết sâu xa nhất về Phật học hiện tại sống Mỹ.

Hôm nay, VHNT được ông cho biết những nhận xét về đời sống tại Mỹ , về tương lai của Việt kiều trên xứ này, về vấn đề dung hòa văn hóa Việt Mỹ v.v...

VHNT .— Ông có quan niệm sống riêng (quan niệm của Phật giáo) ; ông có tìm thấy ở xã hội Mỹ môi trường thích hợp để sống theo ý mình ? Người Mỹ có " tích cực " quá chăng? Đời sống Mỹ có bận rộn quá chăng?

NXH . — Sang đến đây, tôi thấy nỗi buồn quá man mác,

và hố thẳm của nó muôn trùng. Có những nỗi ưu tư ám ảnh mình : chợt thấy sự sống mênh mang, bịnh tật và tuổi đời cũng mênh mang, sự chết mênh mang, sự ly hương cũng mênh mang, số mệnh cùng mọi nỗi chia ly cũng rứa...

Ai giải đáp cho mình những ưu tư đó ? Đạo Khổng không giải đáp nổi, đạo Lão cũng không, khoa học cũng chẳng trả lời nổi, bạn bè cũng chỉ là một niềm an ủi tạm thời... Vì thế, tôi lựa chọn đọc kinh Phật, vì kinh Phật đem lại những đáp số thỏa đáng cho các câu hỏi đó.

Đời sống ở đây cũng như ở Âu châu, tôi thấy đều không thích hợp với tôi. Có lẽ tôi chỉ thích sống ở những nước hơi chậm tiến. Tuy nhiên, ở đây, ít nhất mình còn được một chút tự do về tinh thần, muốn sống ra sao thì sống, muốn nói gì cũng được.

Còn vấn đề môi trường, tôi thấy ở hoàn cảnh nào cũng có thể tạo cho mình ít nhiều môi trường, miễn là ít tham lam.

VHNT .– Trong số các nước có nền kỹ nghệ tiến bộ trên thế giới, Hoa kỳ có sinh hoạt tôn giáo mạnh mẽ nhất. Phần lớn người Mỹ đã có tín ngưỡng riêng; Việt kiều tỉ nạn theo Phật giáo khi đến đây có gặp khó khăn gì hay bất tiện gì cho việc tu hành ?

Gần đây Âu Mỹ có vẻ chú ý đến tư tưởng Đông phương, vậy ông nhận thấy tình hình nghiên cứu về Phật học tại Hoa kỳ như thế nào ? Các cộng đồng di dân Á châu (Hoa, Nhật, Ấn độ...)trên đất Mỹ có những cố gắng nào đang kể trong việc phát huy Phật học trên đất Mỹ?

NXH . – Hoa kỳ là một nước kỳ dị : rất duy lý để sản xuất, nhưng cũng rất thiên trọng về thần quyền và rất nhiều bả rả mê tín dị đoan. Rất nhiều tôn giáo nẩy nở, nhất là ở vùng California. Hình như Ấn độ giáo nảy nở nhiều hơn đạo Phật, vì Ấn độ giáo tương đối thấp và dễ hiểu hơn.

Tuy nhiên, trên đại cương, đa số người Mỹ chưa lãnh hội hội nổi truyền thống tâm linh của Đông phương, họ thường mới đi theo những hình thức tu tập . Vì văn minh của họ thường thiên trọng về thân xác (body) và sự nắm bắt ngoại giới.

[illegible] Phật và dịch kinh của người [illegible] những tiệm sách như Bodh, Tree ở Hollywood, có rất nhiều sách Phật được dịch, và mỗi tuần có sách mới. Sở dĩ nó dịch được nhiều, vì nhờ chế độ grant. Cũng có nhiều trường đại học lớn về Phật học, như ở California và Wisconsin. Điều kiện học Ph. D. về Phật học khá khó, vì người sinh viên cần phải biết hai thứ cổ ngữ như Pali, Sanskrit hoặc Tây tạng... Các vị sư Tây tạng, Trung hoa, Nhật, cùng các học giả cũng có một số dạy ở các đại học đó.

VHNT .— Sau ba năm sống tại Hoa kỳ, ông nghĩ thế nào về đời sống Mỹ?

NXH.— Riêng tôi nghĩ rằng đời sống ở đây chỉ được cái không đói, không rét, có một chút tự do về tinh thần. Ngoài ra, chẳng có một tí lạc thú nhân sinh nào hết. Nhưng ở thời buổi này, đời sống ở nhiều nơi đều thế cả, khó sao khác được.

VHNT .— Ông nghĩ sao về tương lai của Việt kiều trên đất Mỹ? Liệu cái gốc văn hóa cố hữu của dân tộc có thành một trở ngại lớn cho sự thích ứng của người Việt với đời sống Mỹ? Liệu có ngày về không?

NXH .— Về tương lai của Việt kiều trên đất này, tôi chắc là cũng sẽ tương đối khá. Vì người mình sinh sản nhiều và có khả năng học, chỉ phải một tội là thiếu đoàn kết...

Văn hóa cố hữu của dân tộc dĩ nhiên là một sự trở ngại cho sự thích ứng với đời sống Mỹ. Muốn dung hòa được cả hai thực là một điều [illegible].

Tôi nghĩ rằng chúng ta cũng có [illegible] có ngày trở về [illegible] dù như trong trường hợp [illegible] [illegible] sắp như một thứ Sodome và Gomorrhe trong những ngày

Apocalypse... Tôi mong rằng loài người sẽ còn đủ khôn ngoan và linh tính để tránh những tai họa lớn lao quá mức.

VHNT .— Được biết ông có hoàn thành một cuốn tiểu thuyết bằng tiếng Pháp . Các độc giả vẫn hâm mộ ông có thể biết về đề tài cuốn này và về lý do sáng tác?

NXH .— Sang đây, tôi có viết được một cuốn tiểu thuyết nhan đề là : "La sente du mirage " (Đường mòn của Ảo ảnh) Chuyện tả tâm trạng một người vào Đảng, rồi lại ra Đảng, vì muốn giã từ hành động và đi vào con đường tâm thức. Tôi có gởi cho một nhà xuất bản Pháp, nhưng họ trả lời đó là một câu chuyện tâm tư, sợ khó bán.

VHNT .— Xin được biết ông đang viết gì, và đang dự định viết thêm những gì?

NXH .— Tôi mới viết xongmột tiểu luận nhan đề :"Ảo nghĩa kinh Hoa nghiêm" . Bộ kinh này là bộ kinh dài nhất và vi diệu nhất của Phật giáo (dài 2500 trang), và chưa được dịch sang tiếng Anh. Kinh này còn rất ít bản tiếng Việt, tôi sợ rằng một ngày kia sẽ thất lạc hết nên cố viết để lưu lại một chút gì của kinh... Viết xong rồi cũng chưa biết in ở đâu. Nhưng trong mấy tháng viết, mình cũng được lời là thấy vui trong mấy tháng...

NỤ CƯỜI Á ĐÔNG

VÕ PHIẾN

Bạn hiền,

Kỳ trước chúng ta huênh hoang với nhau về chuyện gì nhỉ? Có phải về khóe mắt của người Việt nam ? Bẵng đi một thời gian dài không thấy bạn viết cho tôi chữ nào: Con người ta tự dưng phát ra cái khiếu triết lý nhắng nhít hẳn nhiên là một điềm gỡ; nhưng đang nhắng nhít bỗng tịt đi, ấy cũng là một triệu chứng không lành đó bạn ạ. Tôi ngờ rằng bạn đang thầm thía cái cảm tưởng đại khái tương tự cảm tưởng tôi: là sự trễn tràng.

Mình đã làm điều quá lố. Chuyện liếc mắt đưa tình, cái chuyện xảy ra chớp nhoáng, lén lút, tự thành rồi tự xóa trong khoảnh khắc , thiên biến vạn hóa như hình mây dáng khói, ai có thể bắt giữ để ghi nhận, phân tích hầu tìm ra cái chỗ khác biệt giữa Mỹ Việt, Đông Tây chứ ? Cái liếc da vàng với cái liếc da trắng, ôi chao, sự phân biệt chủng tộc có thể đi xa tới thế sao ? Đi quá xa e chỉ có lờ mờ mây khói, tìm đâu ra chứng cứ cụ thể để biện luận ? Ở cái xứ sở của thống kê này, mình nói làm chi những chuyện mơ hồ ấy ? Mình vừa trót biểu diễn một cái gì buồn cười chăng ?

Quả có trễn tràng. Nhưng thâm thía sự trễn tràng xong tôi lại đang rủ rê bạn tiếp tục trò chơi đây. Mơ hồ đến như khỏe mắt còn dám đề cập, chúng ta sợ gì cái ít mơ hồ hơn là nụ cười. Tôi tin rằng người Mỹ không cười như chúng ta cười; và giả có ai tìm hiểu tôi nơi tới chốn sự khác biệt ấy không chừng có thể phát giác ra một ý nghĩa hay ho.

oOo

Hồi đầu thế kỷ, một nhà văn của chúng ta viết rằng người Việt nam có thói hay cười, gặp chuyện gì cũng cười. Lời nói ấy rồi gây ra nhiều bàn tán dị nghị.

Sau này dần dần tôi nghiệm ra nhà văn tiền bối nọ là cả một đấng thiên tài: người ở nguyên trong nước mà thấy ngay cái điều tôi phải trả giá bằng cả một cuộc lưu lạc dảo điên mới nhận ra. Thật vậy, chỉ sau một thời gian ở Hoa Kỳ tôi mới chợt nhận thấy giữa đám đông người Mỹ thỉnh thoảng chúng ta bỗng cười không giống ai làm cho họ ngỡ ngàng ngạc nhiên.

Mà hình như ông thủ tướng Phạm văn Đồng, trong một cuộc họp báo ở Pháp năm ngoái cũng đã cười thế nào khiến báo chí Pháp lấy làm kỳ lạ, thắc mắc mãi về cái cười Á đông — "Cái cười Á đông", có thế chăng ? Nhiều lần trong các phòng họp đông đảo, tôi đã gặp những người Lào, người Thái lan trao đổi với tôi những cái cười y hệt như đồng bào mình. Trông hình dáng diện mạo những vị ấy giống Việt nam, kẻ đầu phòng người giữa phòng hay cuối phòng, tình cờ mắt chợt gặp nhau, chúng tôi cùng ngờ là đồng xứ và nhoẻn cười với nhau. Người Mỹ có thể tự hỏi: Ủa, họ có quen nhau bao giờ đâu ? Họ cười về cái gì vậy, xung quanh đâu có xảy ra chuyện gì đáng cười ? Đám này kỳ cục thật. Trông ngớ ngẩn thế nào v.v...

Quả xung quanh không xảy ra chuyện gì cả, và cái cười của chúng tôi cũng không có mục tiêu rõ rệt. Chẳng qua đại khái như những câu xã giao:

— Kìa, ông đấy à ?

— Ô hơ... Bà đấy hả ? Vui vẻ chứ ?

— Trông ông quen quen. Không chừng chúng mình cùng xứ sở đa.

Người Việt có lối nói bâng quơ bằng nụ cười ấy; người Thái lan, người Lào, và có lẽ người Miến, người Tàu, người Nhật cũng hiểu được, bắt được ý nghĩa qua nụ cười ấy. Có lẽ đây là chỗ gặp gỡ của nhiều dân tộc Á đông thật chăng ?

Qua nụ cười, chúng ta nói với nhau nhiều lắm. Có khi là

bày tỏ sự thông cảm, chia xẻ nhau một ý xót thương; có khi là thẹn thùng; có khi là trách móc; có khi muốn diễn tả một ý tưởng mệt mỏi chán chường: "Đời là thế, vui ít buồn nhiều; hỏi đâu lo nghĩ ? " ; lại cũng có khi là biểu lộ cay đắng; có khi khác cười là thách đố, hăm dọa, là khinh bỉ nhau v.v...

Tôi không biết có được mấy trăm pho sách triết học Tây phương chuyên luận về tiếng cười; duy dăm ba cuốn sách mình đọc chẳng qua chỉ đề cập tới cái cười vui mà thôi. Đáng tiếc thâm thúy như Bergson mà đi vào cái cười muôn dạng của Á đông thì đã tìm ra biết bao nhiêu điều mới lạ !

Dù sao, những người viết tiểu thuyết thì đã ghi nhận cái đặc điểm Á đông này. Trong cuốn :"The Three daughters of Madame Liang " bà Pearl Buck nhắc mãi đến nụ cười "thường lệ " của ông bộ trưởng Chao Chung: sau khi bảo cho người đàn bà mình yêu quí suốt đời biết rằng một kẻ đồng lõa trong vụ bà liên lạc ra ngoại quốc đã bị đâm chết, ông ta... mỉm cười; trước khi trình bày về một dự định đầu độc thường dân Hoa kỳ, ông ta lại mỉm cười. Còn bà Liang, chính bà cũng lại không khác; gặp một ông lão lạ hoắc trên bờ bể, ông lão cười chào "thái thái ", nói vài câu bâng quơ, thái thái lại mỉm cười với ông lão thay lời đáp (answering smile): bà muốn đáp lại gì trong nụ cười ấy ?

Bà Pearl Buck từ Mỹ sang Trung hoa bắt gặp nụ cười lạ, ông Lâm ngữ Đường từ Trung hoa sang Mỹ cũng lại nhớ về tiếng cười nơi quê cũ. Trong cuốn "The Flight of the Innocents" của ông, khi chàng James Thayer đến một viện đại học Bắc kinh thuyết giảng về nghệ thuật Âu tây thì một cô sinh viên cứ cười khúc kha khúc khích mãi chẳng ai biết vì đâu: Thực ra là Esu bắt đầu yêu đấy ! Rồi lại Laiwa, lúc tình nhân ấm ức kể lại câu chuyện ăn một con cá sông mà bị báo cáo, chị ta bèn cười. ...xả hỏi !

oOo

Người Á đông — trong đó có người Việt nam chúng ta— liếc nhiều, cười nhiều, hãy thử nghĩ xem tại sao vậy ? Về phần tôi, tôi ngờ rằng đó là vì chúng ta không chỉ liếc để thấy, không chỉ cười vì vui; chúng ta sử dụng cái liếc nụ cười như một thứ ngôn ngữ.

Đồng bào ta ra ngoài thường kêu Tây với Mỹ họ nói nhiều quá. Trong cuốn "Kiếp lưu đày " (1) , ông Ngự An sống ở Mỹ bèn chê Mỹ: *" Hình như không biết từ lúc nào, nó chán lắm với*

những câu đầu lưỡi. Cứ như lúc nào, gặp bất cứ ai nó cũng được nghe những lời đó. Và nó nhàm chán đến độ đôi lúc không buồn trả lời. Nó nhớ lũ bạn thân phương xa mà ngùi ngùi. "Tụi mình gặp nhau, câu chào hỏi chỉ cần biết qua ánh mắt thương mến, qua những cú đập vai muốn nhăn mặt chứ đâu như bọn chăn bò này phải không tụi mày ?" (trang 124).

Báo "Quê Mẹ" bày vẽ Việt kiều về kinh nghiệm "Sống trên đất Pháp "cũng dặn dò :"Không như bên mình, bên này người ta ưa chào hỏi (...) qua đây, mình lại phải tập tành vồn vã vã nói nhiều một chút"(số 17).

Hồi chưa qua Pháp qua Mỹ, đồng bào ta chưa kịp tập tành nói nhiều, vì vậy phải liếc nhiều và cười nhiều một chút. Liếc với cười là những cách nói.

Nguyên thuỷ chắc hẳn ta cũng liếc và cười như người Âu Mỹ, vừa phải thôi, để thấy nhanh và để tỏ sự vui khoái. Nhưng dần dà, ta xài nó như một ngôn ngữ phong phú.

Phong phú thật: thi sĩ Vũ hoàng Chương chỉ mới liếc ngang thôi. Chúng ta có cái liếc để khuyến khích, cái liếc để ngăn cản, cái liếc xót thương an ủi, cái liếc khiển trách phiền hà v.v...; có lối liếc trộm, liếc xéo, rồi đôi mắt chúng ta lại còn lườm, còn nguýt, còn háy, ối ! lung tung lắm cơ. Ông Nguyễn đình Hòa không phải là người xa lạ đối với ngôn ngữ và nếp sống Mỹ, thế nhưng trong cuốn tự điển của ông chúng ta không tìm được nhưững tiếng Mỹ tương đương với bấy nhiêu tiếng Việt mô tả sự hoạt động của đôi mắt.

Nói tiếng Việt chẳng qua chỉ có trên bốn chục triệu người. Còn như cái nhân số sử dụng Anh ngữ trên hoàn cầu đông hơn biết bao nhiêu; hàng ngày họ vận dụng hàng tỉ cặp mắt, mà không hề bồi bổ cho cái vốn danh từ diễn tả sự vận dụng ấy được mấy. Đâu phải họ thiếu sáng kiến, chỉ vì sự vận dụng ấy vốn nghèo nàn.

Nghĩ rằng hàng tỉ con người nọ không biết "háy " một cái, ta lấy làm tiếc. Háy một cái có thể thay cho cả câu nói tế nhị: nó nhẹ người mà giản dị hơn biết bao ! xã hội bớt ồn ào hơn biết bao !

Người Tây phương thường cho rằng dân Á đông kín đáo. Thực ra chúng ta cũng không hẳn ít lời, chẳng qua là vì chúng ta thường dùng thứ ngôn ngữ thầm lặng của môi mắt. Biết

---

(1) *Nhà xuất bản "Việt nam hải ngoại" ở Hoa kỳ , 1977.*

(2) Xem Võ Phiến "Cuối mắt đầu mày ", tạp chí VHNT số 2.

cách theo dõi thì trong cái im lặng của Đông phương lại quá nhiều trao đổi. Và về mặt này, người Tây phương lại có khi tỏ ra kín đáo đến kỳ lạ.

Thật vậy, có dịp đến Las Vegas, Reno, Lake Tahoe, lọt vào thế giới bài bạc của dân Hoa kỳ, điều trước tiên làm tôi chú ý là thái độ đánh bạc của họ: người nào người ấy lặng lẽ, hoặc kéo cây cần của các máy quay số, hoặc đặt tiền chơi bài v.v... Có kẻ một mình giữ luôn bốn năm cái máy, luôn tay kéo cần hết máy này đến máy khác. Họ không nói không rằng, không nhìn ngang ngó dọc, không cười cợt hay càu nhàu; ai nấy im lặng, chăm chỉ, như đang cặm cụi làm việc.

Trước cảnh tượng người người nghiêm chỉnh, hì hục như thế, tôi không hề có cảm tưởng là mình đang đứng giữa một khung cảnh chơi bời, một khu giải trí. Sòng bạc mở cửa suốt ngày đêm; và suốt hăm bốn giờ mỗi ngày người Mỹ hè hụi giải trí một cách cặm cụi. Vào một giờ sáng, ba bốn giờ sáng, vào các sòng bài vẫn gặp các người Mỹ nghiêm chỉnh đi chọn máy quay máy. Nhìn họ chỉ thấy sự chăm chỉ. Chăm chỉ như những phần tử bất hạnh, khám khổ, vì miếng cơm manh áo, bị bắt buộc phải lao động bất kể giờ giấc. Còn những háo hức khoái thích, mừng rỡ, thất vọng, những tình cảm liên tiếp dồn đến qua những rủi may của cuộc chơi; những cái đó không mảy may phản ảnh trên nét mặt hay vành môi của người Mỹ ở sòng bạc. Kỳ lạ là thế.

Cái ngôn ngữ của nhân thể, người Tây phương không phải không biết đến; trái lại, họ sử dụng tài tình lắm. Nghệ thuật khiêu vũ của họ rất phổ biến, phong phú và điêu luyện. Ở đây ai cũng nhảy được, ai cũng biết dùng các cử động thân xác để biểu lộ tình cảm. Thậm chí trong những trường hợp không nhạc không điệu, trưởng hợp nhảy nhót hồn nhiên họ vẫn hay đáo để. Trông những cô cô- vũ- viên nhảy tưng tưng trên sân vận động, trông những quảng cáo viên trên màn ảnh truyền hình: thân xác họ diễn tả sự tưng bừng sao mà hùng hồn thế. Đồng bào ta không sở trường về lối diễn tả ấy.

Nhưng trên cái nhân thể hùng hồn nọ, cặp mắt và đôi môi lặng lẽ của họ lại không linh động bằng của ta.

Có những dân tộc nói bằng tay chân, bằng mông với bụng; lại có những dân tộc khác khoái nói bằng môi bằng mắt ? Có thế chăng ? Vì sao vậy ? Bây giờ đến lượt bạn, bạn cắt nghĩa giùm tôi.

VÕ PHIẾN

người đàn bà xa lạ

● PHAN LẠC TIẾN

Khi tôi rời miền Bắc, vào Nam, tôi chưa đầy hai mươi tuổi. Hai đứa em gái tôi ở tại quê nhà, chúng mới mười lăm, mười bốn. Với tôi, suốt hơn hai mươi năm qua, chúng vẫn chỉ là những đứa em gái ngoan, hiền, đang ở tuổi phấn hương, mơ mộng. Sau này, khi còn ở miền nam, tôi được tin các em gái tôi đã lấy chồng. Chồng nó là người trong làng, tôi chỉ biết sơ qua vậy thôi. Mỗi khi Tết đến, hay những kỳ giỗ thầy mẹ tôi, tôi lại chạnh nhớ đến các em tôi. Tôi cứ ân hận mãi là trong ngày cưới của các em, tôi đã không thể nào có mặt, tôi cũng đã chẳng có một món quà gì, dù nhỏ nhặt, ngay cả một lời chúc mừng gửi đến các em. Thời gian cứ thế trôi qua. Cuộc chiến mỗi ngày mỗi thêm khốc liệt, bao phủ lên cả hai miền đất nước. Có những đêm lênh đênh ở ngoài khơi, trong cái vắng lặng của trời, của biển, ở bên này lằn ranh vĩ tuyến, tôi đã nhìn vào bên kia đất liền, tôi đã nghĩ đến các em tôi nhiều lắm. Tôi thì ở đây, trên con tàu này, ngày đêm tuần tiễu. Trong vùng rừng núi thâm u sừng sững của Trường sơn, biết đâu chồng của hai đứa em tôi đang miệt mài, lầm lũi di chuyển trên cái đường giây oan nghiệt Hồ Chí Minh. Và các em

tôi, chắc chúng đã có con, chúng đang sống thế nào. Khi cuộc chiến tranh ở mức độ tàn khốc nhất, trong vùng rừng núi thâm u đó, từng đoàn máy bay khổng lồ đã trút xuống hàng ngàn, hàng vạn tấn bom. Các đứa em rể của tôi, chúng có trong đoàn người khốn nạn đó không. Làm sao biết được : Có thể các em tôi đã là những người góa bụa. Rồi Tết Mậu Thân, rồi Mùa hè đỏ lửa, từng đoàn người cuồng tín, hay phải cúi đầu đi như người cuồng tín, xâm nhập các thành phố miền Nam. Là một quân nhân tôi đã nhìn thấy biết bao nhiêu người chết. Giữa đống xáclộn xộnđược vứt lên xe nhà binh, đem đi chôn, có các người thân của tôi không. Rồi từng đoàn, từng nhóm quân miền Bắc ra hồi chánh. Đài phát thanh loan tin, mừng rỡ. Có nhiều thanh niên đã tìm lại được cha mẹ, anh em ở miền Nam. Tôi đã lắng nghe đài loan báo về tin này. Tôi lúc nào cũng tự trấn an, đừng hối hả, khi thấy một trong các người thân của mình hồi chánh. Họ sẽ gọi tên tôi, để nhờ bảo lãnh, để giúp họ sống tại miền Nam, để được thoát ra khỏi cơn mê cuồng khốn khổ. Tôi mong lắm. Nhưng cho đến khi tàn cuộc chiến, niềm mong mỏi của tôi chỉ như một âm vang loãng ra ngoài biển rộng. Tôi chẳng thấy gì. Có lúc tôi lại nghĩ, mình sống ở bên này giới tuyến biết đâu chẳng là cái lợi cho những người thân sống ở bên kia. Vì nghe đâu, chỉ những cán bộ trung kiên, những người là thành phần cốt cán, không hề có thân nhân sinh sống ở miền Nam, mới được vào Nam. Điều đó, ngoài những cái thiệt thòi quyền lợi khi sống trong xã hội cùng khổ cọng sản, biết đâu chính là cái may, cái may khốn khổ là khỏi phải lùa đi chết vùi ở chiến trường khốc liệt miền Nam.

Nhưng bây giờ thì cuộc chiến đã tàn. Đã tàn từ ba năm qua. Cuộc chiến oan nghiệt đó đã hết, kéo theo biết bao nhiêu đắng cay, thù hận. Cuộc chiến hết một cách lảng nhách và tất tả không ngờ. Bây giờ tôi sống ở đây, ở nước Mỹ này. Nhìn lại quanh tôi, nghĩ lại thời gian hơn hai mươi năm đau khổ đó, tôi luôn luôn thấy mình như một kẻ mộng du. Tôi sống thật chăng. Những khốn khổ trùng trùng trong bao nhiêu năm đó, lẽ nào lại không phải là sự thật. Cuộc chiến đau thương đó hầu như đã thấm vào từng tế bào, từng hạt máu tôi. Có những chiều đi làm lao động về, ngồi ở hiên nhà, nhìn xuống

vùng núi non trùng trùng phía dưới, trời đất như giao thoa với nhau, chìm lẫn vào một màn sương mỏng. Êm đềm và yên tĩnh quá. Tôi mơ chăng: trong cái vắng lặng tột cùng đó, tôi như nghe thấy hết những âm thanh khốc liệt của hơn hai mươi năm cũ. Tôi nhắm mắt lại, mà thấy như toàn thể cuộc sống của tôi, của bạn bè tôi hiện về. Máu lửa, người chết, và những nỗi thương đau. Tôi thấy hai đứa em gái tôi, vẫn phấn hương, khờ dại của cái tuổi mười lăm, mười bốn... Tôi mở mắt ra, và nhìn thấy các con tôi. Chúng nhìn tôi. Trong những ánh mắt trong xanh thơ dại, tôi đọc thấy những nỗi ưu tư, thắc mắc của chúng về tôi. Tôi giang tay, ôm tất cả chúng vào lòng, và nói rằng: Bố đang nghĩ về hai cô của các con. Khi bố vào Nam các cô chỉ mới lớn hơn các con vài ba tuổi...Giờ bố đã ngoài bốn mươi. Bố đang bắt đầu già. Và bố nghĩ các cô của các con chắc cũng đã không còn là người trẻ nữa. Hơn hai mươi năm, lâu quá. Giờ các cô ra sao...

Các con tôi lắng nghe, im lặng lắng nghe. Mỗi điều tôi kể, đối với chúng như một bực thang dẫn đến những lâu đài huyền hoặc. Tôi biết thế, nhưng sự thực là thế, tôi biết làm sao hơn được. Tuy nhiên trong tôi, tôi cố vẽ ra hình ảnh hai người đàn bà giữa ba mươi và bốn mươi, cái tuổi đầy sức sống, đầy vui tươi, luôn bận rộn bên chồng, bên con. Cái tuổi giữa đàn bà và con gái. Chắc mắt các em tôi còn vẫn xanh, má các em tôi còn hồng, dáng các em tôi còn vui, tiếng nói các em tôi còn trong, riu rít những tiếng cười. Tôi nghĩ thế, và mong là như thế.

Con gái tôi hỏi:

—Các cô ấy đẹp không bố ?

Tôi lưỡng lự trả lời:

— Hồi bé các cô tuy không đẹp lắm, nhưng rất có duyên. Đặc biệt là tinh nhanh vui vẻ lắm.

— Các cô đẹp bằng mẹ không ?

Tôi cười, nói:

— Mẹ đẹp nhất nhưng các cô cũng có những nét đẹp riêng.

Các con tôi cười, vỗ tay:

— Nếu các cô ở đây, chắc là thích lắm. Các cô sẽ mặc jean. Các cô sẽ đi tắm biển với tụi con, với mẹ... Con sẽ dẫn các cô đi mua quần áo tắm...

Chúng vừa nói, vừa cười vui vẻ; trong niềm vui nhộn ấy, tôi cùng cười, vui với chúng. Và hình ảnh các em tôi,

hầu như được hình thành như thế. Trẻ như thế, vui tươi như thế...

☆

Mấy bữa nay trời bắt đầu nóng. Mùa xuân rực rỡ những hoa hầu như sắp qua. Đêm tôi không ngủ được, nên hay nằm nghĩ miên man, toàn những chuyện chẳng vui gì. Gặp những bè bạn Việt Nam, lại nhận được những tin lộn xộn ở Việt Nam. Lại đánh nhau. Một trận chiến mới lại mở ra giữa Việt Nam và Cam-bốt. Lại những ngày thống khổ cho những thanh niên còn kẹt ở quê nhà. Rồi tin người này vượt biển được, người kiabị bắt..., người này tự tử, người kia đi học tập chưa về, các gia đình tan nát... Chán quá. Sao lại thế. Mọi việc đổ ụp xuống nhanh quá, tàn khốc quá, ngoài sự tưởng tượng củamọi người.

Giữa những nỗi băn khoăn đau đớn này, tình cờ tôi nhận được một phong thư lạ. Lá thư có nhật ấn của nhà bưu điện Hà nội . Bì thư nhỏ, màu xanh lơ, có những con tem của nước Việt nam xã hội chủ nghĩa. Bên cạnh chữ MÁY BAY còn có những khẩu hiệu trơ tráo, kỳ cục. Phần ghi địa chỉ người gửi, là một người nào đó tôi chưa hề quen biết, chưa một lần gặp gỡ. Phong thư nặng, tôi cầm giữa hai ngón tay . Hình như có hình trong đó nữa. Tôi nghĩ đến thư của các đứa em tôi. Lẽ ra tôi phải cảm động lắm , tôi nghĩ thế, nhưng không hiểu sao, lòng tôibỗng như dửng dưng, vô giác thế nào.

Từ từ xé bao thư ra. Lá thư bị dính vào phong bì, khó lấy ra, nhưng mấy tấm ảnh thì rơi ra trước. Những tấm hình đen trắng, mờ nhạt. Tôi cầm lên xem. Xa lạ quá. Tôi vội vã lật sau tấm ảnh, có hàng chữ để ; Đây là em D. và các con em... Tôi lật lại tấm hình,giương to đôi mắt nhìn vào. Em gái tôi đấy ư. Các cháu của tôi đấy ư. Tôi bàng hoàng quá. Hình ảnh một ngườui đàn bà. Không thể nào lượng được tuổi, trông hom hem, yếu đuối và quê kệch đến kỳ cùng. Tôi nhìn mãi vào khuôn mặt em tôi. Đôi má hóp,gò má cao, mớ tóc thưa quấn vội vàng ra sau gáy ... Tôi nhìn sâu vào đôi mắt. Phải rồi, tuy đôi mắt đã nhan nheo , quáng nắng, nhưng đôi mắt này đúng là đôi mắt của em tôi. Chân tay tôi bủn rủn . Đầu óc tôi trống rỗng. Trong tôi như có một tiếng nổ vừa òa vỡ làm xô hẳn đi những hình ảnh của các đứa em tôi ngày cũ, xóa

vỡ luôn cả hình ảnh về chúng mà bố con tôi trong một lúc nhớ đến, tưởng tượng ra... Tất cả đều đã xa, đã mất. Trước mắt tôi chỉ còn là hình ảnh của một bà già yếu đuối, đói khổ và hèn hạ... Nhưng mà chính là em tôi đó. Nước mắt tôi trào ra. Tôi ngước nhìn lên, tôi bắt gặp những đôi mắt bàng hoàng của các con tôi, của vợ tôi. Hình như mặt tôi xanh đi vì xúc động. Vợ tôi bảo:

— Anh nằm nghỉ đi.

Tôi ngả lưng vào thành ghế, nhắm mắt lại. Tôi cố xua đuổi hình ảnh khốn khổ kia ra khỏi trí não tôi. Nhưng tôi càng muốn xóa, hình ảnh của em tôi, hình ảnh người đàn bà khốn khổ ấy, lại cứ đính chặt vào trí óc tôi. Đôi mắt nhiều cay vì già, vì nắng, của em như muốn nhìn vào mắt tôi, muốn nói với tôi biết bao nhiêu thương nhớ, bao nhiêu là tủi hờn, trông đợi, nhưng đồng thời cũng như nói lên biết bao nỗi tuyệt vọng không cùng. Hình ảnh của em gái tôi đó.

Tôi đã định thần, tỉnh lại. Tôi nhìn kỹ vào tấm hình kia. Tấm hình em tôi chụp với ba đứa con. Một đứa con trai khoảng mười tuổi và hai đứa con gái nhỏ. Nhìn vào những đứa trẻ này, ngoài cái quê mùa, nghèo đói ra, đích thực đó là các đứa cháu tôi. Đôi mắt sáng, nụ cười vui, cái mũi xinh xắn ... Tôi thấy đó là hình ảnh của các em tôi xưa. Tôi nhìn sâu vào tấm hình. Mẹ con của em tôi chụp cạnh một cây na, hay một cây gì đó. Sau cây na là ngôi nhà tranh, bạc đi dưới nắng. Tôi không nhận được đó là cảnh trí nơi nào. Nhà riêng của em chăng, hay đó là ngôi nhà mới được dựng lên trên nền nhà cũ. Cái nền nhà đã cháy xám sau một mùa Tây về thiêu đốt cả làng. Cái nền nhà mà khi còn bé tôi đã nằm lăn giữa những trưa hè oi ả, để thấm hơi mát tỏa ra, ôm ấp lấy lưng. Cái nền nhà mà khi Thầy mẹ tôi còn sống, khi nhà chưa cháy, đã là chỗ kê cái sập gụ, kê cái tủ chè, kê cái chõng tre. Ở đó, tôi đã có những lần nằm đong dưa trên võng, hát ru em ngủ, để rồi mình cũng ngủ vùi theo... Phải nơi đó không. Tôi không biết. Tất cả chỉ tỏa ra một nỗi niềm chua xót lạ lùng.

Tôi mở thư ra. Một tuồng chữ rắn rỏi, rất đẹp, và viết đặc cả hai trang giấy dài. « Thưa Anh. Em là Q. chồng của D. Nhân được địa chỉ của anh do bác Đ. gửi cho, hôm nay vợ chồng em và các cháu có mấy lời gửi thăm anh chị, và các cháu...

«Từ ngày anh đi đến nay , đã hơn hai mươi năm, gia đình ta đã có biết bao nhiêu thay đổi . Em lấy nhà em như thế cũng đã đến gần mười lăm năm . Hiện em có ba cháu, một trai hai gái, mà em có gửi ảnh để hai bác xem. Em nhờ có tốt nghiệp khoa văn, nên được hành nghề dạy học. Vợ chồng em có làm thì cũng có ăn, tùng tiệm cũng tạm đủ thôi. Em dạy học trên vùng Việt Bắc...

«Cứ mỗi lần đến ngày giỗ thày mẹ, chúng em lại nhớ đến các anh quá. Năm ngoái em cũng có được phép về thăm quê. Vợ chồng em có đi thăm mộ thày mẹ. Lâu ngày quá, hai nấm mộ đắp liền nhau, thiếu người trông nom, nên không còn được to tát như cũ. Vợ chồng em đã đắp lại. Khi thắp hương phần mộ, khấn thày mẹ, vợ em cứ khóc, và nhớ đến anh quá... Biết có khi nào anh em ta được sum họp với nhau không...»

Tôi đưa thư của em tôi cho vợ tôi đọc. Đưa ảnh của em tôi cho các con tôi xem. Chân tay tôi rời rã . Giữa cái không khí bồi hồi xúc động của gia đình tôi, tôi nói nhỏ vừa đủ cho vợ con tôi nghe :"Em của anh đó. Cô của các con đó... Chúng ta làm được gì để giúp họ bây giờ"

PHAN LẠC TIẾP
11-5-78

HỦ GẠO ĐỒNG TÂM

HOÀNG DUNG

Giữa trưa nắng mà gió thổi lồng lộng, mát rượi. Trường ở trên đồi cao, quay mặt ra vịnh Cam Ranh nên tha hồ đón gió. Những ngày nắng đẹp thế này đứng đầy nhìn ra biển thì nhất. Một vùng trời nước bao la, xanh biếc, hải đảo bến kia loang loáng những mái tôn sáng chói vì nắng. Gió tạt mở cổ đuôi chồn ở đầu dốc dập dồn như một tấm da chồn mướt mịn... Thế nhưng mà đứng một mình ở trên đồi vắng thế này cũng ...sởsợ. Thầy giáo, học trò, nhân viên nhà trường đã về cả, chỉ còn Ái, hà tiện tiền hai võng xe lam nên ở lại buổi trưa, đợi giờ dạy chiều.

Ái quay vào phòng giáo sư, khép bớt một cánh cửa, rồi mang cơm ra ăn. Bữa ăn đơn giản đựng trong hộp Guigoz, dấu dưới đáy giỏ xách, Ái gọi là ...cơm dã chiến, được thanh toán nhanh chóng. Bữa nào có thêm một vài đứa học trò ở lại trường thì phải cơm nước linh kinh, dọn lên bàn ăn đàng hoàng. Con nhỏ Trâm bực lắm, nó thường bảo lãm cỗ

giáo tỉnh lẻ cứ như là đi lăm dâu, khép nọ khép nép, giữ gìn ý tứ từng tý một. «Sốt ruột!» Trầm kết luận, sau mỗi lần đang ca kể lể hàng trăm thứ bà dằng các nỗi bực mình của cuộc đời cô giáo tỉnh lỵ, sốt cả ruột!»

Vừa dọn dẹp, Ái vừa nghĩ đến Trâm, và mỉm cười một mình. Con nhỏ láu táu dễ thương ấy hôm nay đòng tuốt lên Pleiku thăm người tình-lính-chiến của hắn rồi, mai này lại phải dạy thế cô nàng hai giờ toán. Chiều qua Trâm đến rủ nàng đi ăn bánh bèo Phan Chu Trinh, Ái đã chận ngay họng:

— Nãy, muốn gì nói ngay! Đừng giở trò hối lộ.

— Sao bà lạnh thế. Nè, mai dạy dùm hai giờ toán lục ba cái coi. Tui lính!

— Đi đâu? Sao không đợi cuối tuần?

— Ơ, nghỉ có hai ngày, đi đâu được. Em đòng lên Pleiku, chị Ái!

— Lại hát bài "Em đến thăm anh một chiều mưa". Con này nhảm! Tao nghe bà cụ phản đối dữ mã?

— Ờ, bả hát bài "Dần Thân Tỵ Hợi tứ hành xung" gì gì đó hoài! Mà bà già của "chả" cũng chỉ thuộc có mỗi bài đó, thế mới chết!

— Vậy mà nàng với chàng vẫn cương quyết giữ vững lập trường hả. Thôi được, đòng đi. Đưa bài đây.

— Nói bà nghe, bả không chịu tui cũng cứ đòng. Bài tui kẹp sẵn trong sổ điểm danh lớp lục ba. Tui biết học trò nó lạ ó là bà chịu không nổi, bà phải nhảo đô. Sức mấy mà bà để cha Hiệu Trưởng chả nhắn tui?

— Tâm lý gớm nhỉ! Đã thế hôm nay tui cho trả tiền bánh bèo bằng thích.

— Cứ việc. Em đã dặn Thanh mua mật ong. Nếu có em mang về biếu chị.

— Khỏi! Hối lộ nhiều quá không nên.

— Đừng có ham. Tui biếu bà lã để bà cho con nhỏ bà đó, tui nghe con nít xài mật ong tốt, phải không?

— Chẳng biết. Để hỏi bà cụ.

— Chán bà quá, con cái cả đàn mà cái gì cũng chẳng biết, chả biết, không biết. Thế bà biết cái gì?

— Không biết!

Chiều nay chỉ có hai giờ luận văn đệ thất, Ái lôi xấp bài chấm dở ra xem tiếp. Hình như học trò càng lúc càng dở môn Quốc Văn. Một lớp bốn mươi đứa thì chỉ có chừng hai đứa viết trôi chảy, mười đứa biết chấm câu đỡ đớ, còn bao nhiêu thì ôi thôi! văn bất thành cú, tả con chó ra con

mèo và bê bết lỗi chính tả. Xấp bài chấm đã quá nửa mà chưa có đứa nào được mười điểm.

— Hôm qua Lan đến chơi và có tặng em một đóa hoa. Đó là một cái hoa hồng. Hoa có năm cánh nở xòe, thơm ngát và có hai cái lá dài...

Bông hồng có năm cánh nở xòe và hai cái lá dài! Đứa nào đây? Lê thị Liên. Đề bài luận tả thực vật : em hãy tả một đóa hồng.

— Nhà bác em có trồng một bụi bông hồng. Thân cây to lớn, cành lá rậm rạp và có nhiều bông. Bông hồng có nhiều cánh nhỏ như bông vạn thọ, màu hồng và rất thơm.

Trần Tuấn. Nhà bác thằng này chắc có đất tốt dữ, bụi hồng phát triển "thân cây to lớn, cành lá rậm rạp" nhưng lại sinh ra loại hoa lạ "bông có nhiều cánh như bông vạn thọ".

Bài của đứa nào trông sạch sẽ quá vậy cà? Nguyễn thị Minh Nguyệt. Cha, cô nàng nhỏ thó trắng trẻo như búp bê này chắc đọc văn bà Tùng Long hơi sớm và hơi nhiều. Bài luận nào cô cũng ráng thuộng của nữ văn sĩ này một vài câu ông ả mướt rượt. Ái nhớ bài luận trước nó đã cóp nguyên văn câu "những con cò trắng điểm những chấm đen linh động trên nền trời" làm Ái kêu trời! Biết ngay mà, có đây:

— Em rất thích nâng niu những đóa hồng mỏng manh như sương khói...

Ái bực mình, gạch toẹt một đường mực đỏ. Ái lật xấp bài, kiếm bài của thằng Trịnh Luân, thằng bé giỏi luận văn nhất lớp. Ơ kìa, cái gì thế này :

— Thưa cô, em xin lỗi cô, em không thể làm bài luận này được: em chưa bao giờ nhìn thấy một cái bông hồng!

Ái buông bút . Chưa bao giờ nhìn thấy một cái bông hồng . Vô lý. Bông Hồng thì quý hóa gì, hiếm hoi gì? Nói là Lan thì còn nghe được. Lan thì ở xứ lạnh mới dễ trồng, ở miền này , chăm chút cho lắm lan cũng khó ra hoa, lại công phu, khó chăm bón nên ít ai dám chơi Lan.

Có tiếng gõ cửa , rồi một cái đầu thập thò trước cửa, Ái gọi :

— Vào đi.

— Thưa cô...

— Hội đó hả? Có gì không em?

— Dạ... má em gởi cô... mấy trái đầu mùa.

Con bé đặt lên bàn mấy quả ổi xanh bóng, Ái cảm động.

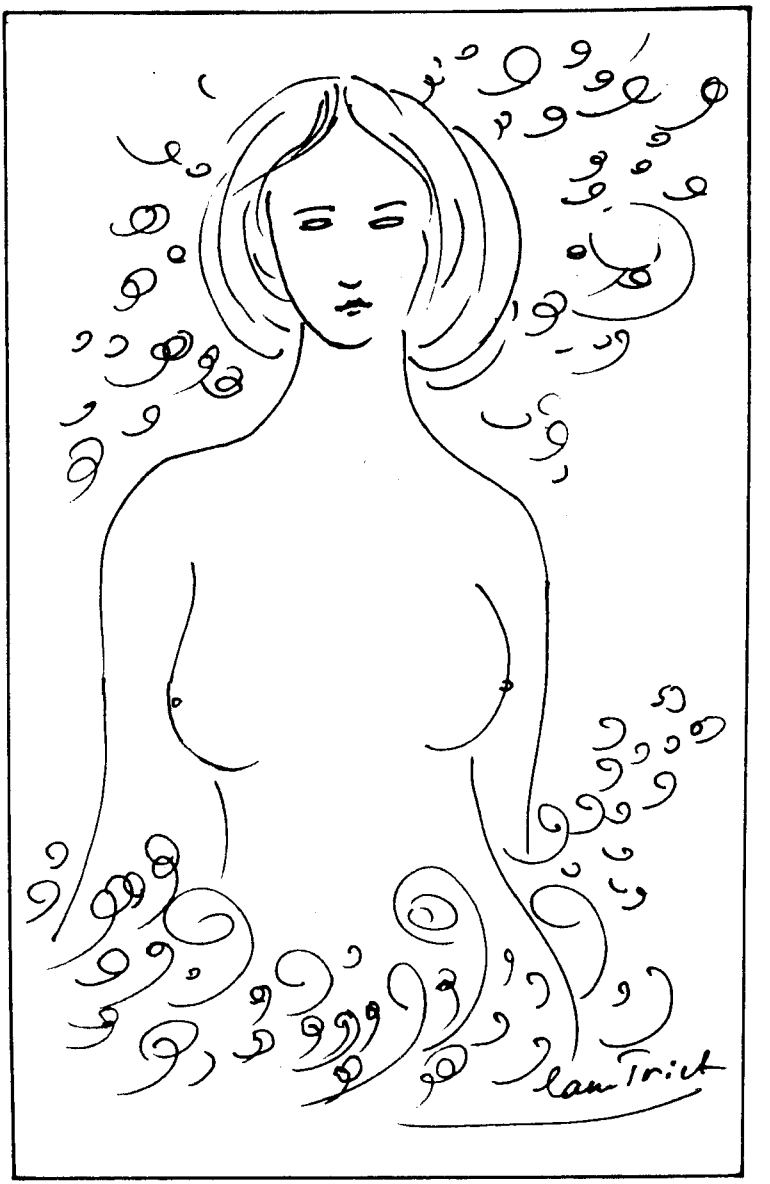
Nam Trick

— Cô cảm ơn Má. Năm nay ổi sai trái lắm sao?

— Dạ .. chưa biết được, mới đầu mùa. Ba em nói chắc nhiều, vì ba em nghĩ ra phương pháp mới để tưới cây.

— Hm?

— Dạ, ba em để mấy phuy nước lên thật cao, rồi bơm nước giếng lên. Ổng mua giây cao-su, loại giây nhỏ như giây chuyền sérum bắt từ phuy nước xuống gốc ổi, cho nước nhỏ giọt suốt ngày như chuyền nước biển vậy. Năm ngoái ba em đã thử mười gốc ổi, thấy tốt lắm, cô.

— Mấy trăm gốc ổi, tưới kiểu đó chịu gì thấu? Nội tiền mua giây đã nhiều rồi.

— Dạ ba em nói sắm lần. Ổi ăn được nhiều năm mà cô. Dạ ...mà thưa cô, em đánh kẻng được chưa?

— Ủa tới giờ rồi sao? Chưa thấy thầy cô nào đến cả mà?

— Dạ để em nói đội trực đánh kẻng. Chắc các thầy cũng sắp tới.

Con bé đi ra, bỗng nhớ ra, Ái gọi giật :

— Nè Hội, em có thấy bông hồng bao giờ chưa?

— Dạ... dạ..., con bé ngần ngại, không biết hồi nhỏ em được thấy chưa, nhưng bây giờ thì em không nhớ bông hồng ra làm sao. Tuần trước em có hỏi tụi nó mà không đứa nào nhớ.

— Cả trong sách? Chưa bao giờ em thấy hình?

— Dạ bị cô ra bài thình lình. Phải được làm ở nhà thì tụi em cũng kiếm được sách để coi.

Quả thật, lớp học bốn mươi đứa không một đứa nào biết cái bông hồng hình dáng ra làm sao. Ái giảng lải nhải hàng giờ, rằng thân hồng nhỏ, có nhiều gai, lá răng cưa, hoa đẹp, nhiều màu, nhiều loại...nhưng nàng biết chắc chắn rằng trong đầu óc học trò, đóa hoa hồng nàng tả cho chúng nghe đang lẫn lộn với những cái hoa "ơi-dê," hoa dâm bụt tàu... Đến lúc duyệt lại trong trí, xem có nhà nào quen ở đây trồng hồng để đến xin một đóa cho học trò xem, nàng mới nghĩ ra rằng ở đây, hồng quả là hiếm. Ái chép miệng:

— Hôm nào đi Nha Trang nhớ xin cho chúng nó vài cái Thiếu khôi!

— Lẩm nhẩm gì vậy, bà Ái?

— Khổ thân tụi học trò tôi, ông coi, không đứa nào biết cái bông hồng ra làm sao!

— Thật sao? Bông hồng biến thành một thứ xa xỉ phẩm rồi, hả?

— Ông làm ơn kiếm dùm sách báo nào đó, có cái hình hoa hồngcho tôi xin. Mệt quá! Giảng hai giờ muốn chết cái cổ họng mà xem chừng chẳng ra làm sao. Trông tụi nó ngơ ngơ ngác ngác thấy thương quá.

— Lỗi tại bã. Lần sau nhớ cho tụi nó tả cái bông mướp.

— Chúng nó làm tội nhớ vườn hoa nhà tôi quá!

Hồi gia đình Ái ở Tuy Hòa, nhà nàng có một vườn hoa thật rộng. Bố Ái cầu kỳ và nhiều đam mê; chơi hoa, sưu tầm sách, nghiện trà tàu, sưu tập ống điếu, bình trà, điếu thuốc lào và... làm chính trị.

Nội hai cái thứ uống trà và chơi hoa của ông là cả nhà đã mệt ngất ngư. Ông đi giang hồ luôn, mà hễ về nhà là có khách từ sáng cho đến tối. Chị em Ái phải thay phiên, có một đứa luôn túc trực để nấu nước, châm trà và rửa chén trà. Bởi vậy phải có hai,ba bộ chén tách, hễ bộ này rửa xong, úp vừa ráo nước là có khách mới, lại bê bộ nầy lên, mang bộ kia xuống rửa. Lò than cháy đỏ luôn để nấu nước.

Thế nhưng bộ chén trà độc ẩm của ông cụ thì chớ có đứa nào được dụng tới. Sáng tinh mơ, ông thận trọng bê bộ chén ra bờ giếng, múc gàu nước đầu tiên trong ngày lên, nhẹ nhàng kỳ cọ cái ấm gan gà, những chén hạt mít cầm lọt thỏm trong lòng tay... Xong đâu đấy, ông quay vào, đi ngang ngắt một nụ tường vi: chốc nữa ông sẽ bỏ nụ hoa vào ấm trà đầu ngày.

Ngày Tết có ông ở nhà, con cái chẳng đứa nào thích. Khách khứa tấp nập suốt ba ngày, khỏi có đứa nào ló mặt đi chơi được. Toán khách này vừa ra, lật đật quét sơ cái nhà chửa xong đã có toán khách khác đến, méo cả mặt.

Nhưng ngoài những ông khách áo quần bảnh bao, mặt mũi lúc nào cũng khẩn trương, suốt ngày chỉ nói chuyện đảng phái, cải tổ, cách mạng, bầu cử, ứng cử..., bố Ái có nhiều ông khách thật dễ thương, thường là các cụ già, chiều chiều chống ba-toong đến khề khà một chén trà thơm, than phiền năm nay chẳng có nụ quỳnh nào đậu hoa; rằng năm nay tôi xui quá, có củ thược dược màu hỏa hoàng bị chuột cắn nên mất giống; rằng kỳ này mầm cúc lên không mập, chắc hoa sẽ yếu ; rằng tiệm Hòa ký dạo này ủ trà không kỹ, mua lạng trà Thanh sơn về uống vô duyên...

Từ bé, Ái đã biết phân biệt các loại lan Nhật điểm , Đại điểm, Tố như... Ái nhớ giỏ lan trắng treo trên cành ổi,

mỗi lần nở hoa, trông giống hệt một đàn chim bồ câu trắng tỷ hon đang vểnh đuôi, nghiêng mỏ dựng xếp hàng trên chiếc cọng mảnh khảnh. Trên thềm, một chậu Điệp lan hình dạng xấu xí, nhưng hoa thì lại đẹp vô kể: hoa màu vàng nghệ, chỉ có hai cánh: một cánh nằm ngang, dáng tròn cong cong, cánh khác dựng thẳng trên nhụy hoa, hình dạng giống hệt một con bướm đang chúi đầu hút nhụy. Loại này hiếm hoi, họa hoằn lắm mới nở một hai hoa.

Những thứ phong lan khác, không rõ tên, có rất nhiều. Ai thường không thích hoa lan lắm, nhưng lại thích cái mầm của giò lan lúc mới nhú : cái mầm mập mạp, căng tròn nhựa tưởng như có thể nứt lớp da mỏng manh , như lớn lên từng giờ, trông mạnh khỏe lạ.

Đã nói ông bố Ái cầu kỳ, ông trồng đủ loại hoa, mà mỗi loại thì phải có đủ màu, đủ giống. Chẳng hạn cúc thì phải có cúc kim, cúc thường, cúc đại đóa. Mỗi thứ lại tìm đủ các màu: trắng, tím, hoa cà, vàng, vàng nâu... Chỉ riêng có loại hồng là đã mất mấy chục chậu : hồng tỷ muội, tường vi, hồng chùm - gọi là hồng Ấn độ - , v.v... Mà hồng thì... ôi thôi, có quá lắm màu : hồng bạch, vàng anh, vàng thẫm, đỏ tươi, đỏ bầm (hồng nhung), gạch cua, hồng ... Dạo ấy, loại hồng hai màu, trên màu hồng dưới màu vàng, hoặc trên đỏ dưới hồng, còn rất hiếm, bố Ái gởi mua hạt giống tận Pháp về ươm, rồi lại cặm cụi chiết cành, ghép cây để tạo giống mới.

Ái còn nhớ có một năm bố Ái ươm thuốc dược bị thiếu mất màu cỏ đồng, hai mươi chín Tết năm đó ông vào Nha trang chở ra trên chuyến xe lửa cuối năm một cặp thuốc dược cỏ đồng cho đủ bộ thuốc dược. Nhìn ông loay hoay cực khổ với mấy chậu kiểng, Ái ví ông với ông Thái tử trong Bông Cúc Đen của Khái Hưng. Có khi nào hồn hoa cảm động mà tạo cho ông một đóa hoa đen khác đời?

Chị em Ái thì ngán ngược, vì ông già trồng hoa chứ ổng đâu có tưới. Anh chị em Ái chiều nào cũng phải xách nước giếng lên tưới cây, mà có được tươi nhanh đâu? Vô ý mạnh tay mà tạt gàu nước làm gãy chồi hoa thì còn là mệt.

Ngán nhất là mùa lụt. Dạo trước ở Tuy Hòa cống rãnh chưa được hoàn hảo, năm nào cũng có lụt. Nước dâng ngập đường phố, ghe xuồng lên xuống tấp nập thay xe. Nhà Ái có nền nhà cao, không năm nào nước lên ngập, nhưng dưới vườn thì ngập sớm. Mà lụt thì thường có vào

tháng mười, tháng mười một ta; cúc, thuộc dược chơi Tết đã lên cao cả rồi, phải cứu chúng chứ không thì nước lụt giết cả; vậy thì phải khiêng các chậu cây lên thềm nhà. Chừng đó chậu cây của bố Ái thì thềm nào mà chứa hết? Bố Ái bèn bắt làm thế này : đặt hai chồng gạch cao, gác lên tấm gỗ, cho chậu cây lên, rồi lại gác gạch lên tấm gỗ, gác lên tấm gỗ khác.

Có một năm, nước lụt ngâm lâu quá, cây hoàng lan ở góc vườn thối gốc, lá úa vàng rồi chết, bố Ái ngẩn ngơ tiếc mãi. Cây hoàng lan đang độ lớn, trổ những hoa thật lớn, trắng nuột, thường hái hoàng lan xếp lên bàn Phật. Mỗi hái hoa Ái lại nhớ đến cô gái trong truyện Dưới Bóng Hoàng Lan, cô gái rửa hoa bên bể nước in đầy bóng lá, và ngắm nghía bóng mình...

Bị tưới cây hoài, bọn Ái đâm... ghét hoa. Bà chị Ái, mỗi sáng đi học, nhìn trước nhìn sau rồi ngắt một bông hồng đẹp nhất còn hàm tiếu. Ra khỏi cổng, chị giắt đóa hoa lên tóc. Thật ra không cần đóa hoa, chị đã đẹp: một dạo chị là hoa khôi Nguyễn Huệ. Trưa về, đóa hoa cũng đã héo, chị liệng trước khi đến cổng nhà.. Làm sao chia được cho tụi nhỏ những hình ảnh hoa cỏ xanh tươi rực rỡ trong tuổi thơ của Ái! Nàng bỗng hỏi con Hội vẫn đi bên cạnh nàng mỗi chiều cuốc bộ từ trường ra cổng – đoạn đường cả cây số–

— Năm nay ba em đã trồng hoa bán Tết chưa ?

— Dạ rồi. Năm nay ba em không trồng bông Đà Lạt, ông chỉ trồng vạn thọ với mồng gà. Năm ngoái ba em trồng vạn thọ bán được bộn tiền cô.

— Vậy sao? Bữa trước gặp cô ông cũng có khoe mùa khoai vừa rồi trúng dữ.

— Dạ, vậy mà ổng không vui. Ổng nói khoai sắn trúng thì lúa thất, đói chết cô ơi.

— Sao ba em làm rẫy mà không lãm ruộng ?

— Dạ bi thiếu nước, cô. Đất núi đào giếng ít nước quá. Mùa sau ba em trồng bắp, nghe nói Nhật họ thầu mua, củ làm đất, gieo bắp mọc lên là họ chồng tiền mua nguyên mẫu.

— Vậy tốt quá rồi. Tuần tới cho tụi bay tả cây bắp nghe ?

Con bé dạ liền, mắt sáng rỡ. Ái thầm mắng mình , học trò như vậy mà bắt tả bông hồng. Lỗi tại bà. Ông Chấn này nói đúng thiệt..

Lần nào cũng vậy, chấm một xấp luận văn bốn mươi bài là Ái phải chia làm hai lần . Những cái gạch đỏ chi chít làm Ái chóng mặt. Nhiều bài viết sai không còn cách sửa, hết giấy phê. Lớp Lục 3 này đã học qua văn thuật sự, và đang làm luận kể chuyện: "Hãy kể một tai nạn xảy ra làm em nhớ mãi." Đề luận trong sách Giảng văn, Ái lười kiếm đề khác, cho học trò làm, và kết quả tệ hại ; đứa thì nhớ mãi một lần tắm biển giẫm cái vỏ sò làm sưới dạ chân, đứa nhớ chuyện đá banh bị té , té nhẹ hều, không sưới đầu gối, không rách đũng quần mà nhớ mãi được. Có đứa thì óc tưởng tượng cao siêu hơn các ông Tàu viết kiếm hiệp: một chiếc xe lửa - có thằng bé ngồi trên - tông mạnh vào một chiếc xe hỏi chạy trái luật : chiếc xe hơi bẹp dúm, xe lửa muốn văng đầu máy. Nhưng rất may, không một ai xây xát. Thằng bé vốn có hậu và rất sợ đổ máu, có lẽ.

Ái đã muốn dẹp xấp bài đi ngủ, thì một tờ giấy mạnh chi chít chữ suốt bốn trang giấy làm Ái ngạc nhiên : hồi nào đến giờ có khi nào học trò làm được một bài luận dài đến thế ? Bài của thằng Lê Kháng Chiến. Nhập đề, nó viết:

—Tai nạn quá lớn, gần như một biến cố, đã làm thay đổi đời em. Làm sao em quên được cái tai nạn đã làm cho em không mồ côi mà thành mất mẹ.

Ái tính hẫn ngủ . Nàng mở tung cánh cửa sổ cho gió đêm lùa vào mát lạnh, đi rửa mặt rồi mới đọc tiếp. Thằng bé kể chuyện đời nó, một thằng bé quê Bình định, ở một làng nào đó xa xôi gần chân núi. Đạo quân giải phóng bắt đầu bỏ chuyện đêm ở ngày đi để thật sự ra mặt kiểm soát dân chúng, ba nó bỏ làng ra đi,để lại mẹ con nó tần tảo nuôi nhau. Mẹ nó giải thích rằng ba nó không thể đem mẹ con nó theo được , nhiều nguy hiểm quá.

Sống với quân giải phóng được hai năm , chưa khi nào mẹ Chiến ngỏ ý với con rằng muốn ra đi, nhưng Chiến hiểu rằng mẹ nó chỉ chờ cơ hội. Không biết nhờ liên lạc cách nào, mẹ Chiến cho nó biết ba nó hiện sống ở Cam ranh bằng nghề rẫy bái. Thằng bé chín tuổi hiểu rằng mẹ nó muốn bay về đó lắm.

Một ngày , lúc mẹ Chiến dẫn nó đi chợ, thì quân quốc gia tấn công làng . Mẹ Chiến bất kể tiếng súng, dẫn con chạy bừa qua dòng suối hẹp. Súng nổ, mẹ Chiến ngã xuống, nhưng dúi con chạy tới. Nấp vào bụi cây bên bờ suối cạn,

Chiến nhìn thấy hai cán bộ xốc nách mẹ Chiến dẫn ngược về làng, Chiến không dám gọi, nó biết mẹ nó muốn nó thoát. Chiến cắn răng ngồi trong bụi cây cho đến chiều tối mới vạch bụi mà đi. Không biết phép lạ nào để đưa thằng bé ra khỏi vùng giải phóng. Nó kể chuyện với người lơ xe đò, nằn nì cho nó quá giang vào Cam ranh. Người lơ xe cảm động, cho đi, cho ăn uống, đến Cam ranh dẫn nó vào gởi gắm với người chủ hảng xe đò ở đó. Chiến tìm được cha ngay ngày hôm sau: cha nó chở khoai ra chợ bán, và bến xe ở ngay chợ, ông cũng không thể tin được thằng con nhỏ xíu của ông lại chạy thóatđược một mình ra khỏi làng ông.

Thằng bé viết giản dị, cảm động. Câu kết:

—Em biết mẹ em còn sống , nhưng em không được gặp bà. Em nhớ má em quá .. Mỗi buổi sáng thức dậy nấu cơm sáng cho ba em ra đồng, em nhớ những buổi sángbên mẹ em, bà thức dậy lúc gà gáy, nhen bếp rồm nấu cơm. Bã bổ gạo vào hũ gạo Đồng tâm để cạnh bên...

Ái đặt bút định cho điểm, rồi bỗng ngần ngại. Cho nó mấy điểm bây giờ? Ái đọc lại lần nữa, rồi bất chột, nâng ửa nước mắt...

Ái biết đến cái tên gọi Hũ gạo Đồng Tâm năm Ái mười ba tuổi. Hôm đó con nhỏ Tình rủ nâng về quê nó chơi một ngày, ở lại đêm. Quê Tình ở Mỹ Lệ, cọn gái Mỹ Lệ, Phú Thứ đẹp nổi tiếng mà con nhỏ Tình lại xấu ỉnh. Trong lớp cố đến năm bảy đứa ở Mỹ Lệ xuống Tuy Hòa học, tụi nó nhao nhao dụ dỗ Ái:

— Tao dẫn mày đi bởi xuồng bẻ sen. Mùa này sen già rồi, ngon ác.

— Cho nó đi coi người ta tát đìa cá rô, mai nhà Bảy Hân tát đìa đó.

— Ủa, mai Phú Thứ có chợ phiên mà? Đi Ái, cho mày đi coi chợ phiên nhà quê.

— Cái này mới hấp dẫn : tụi mình dẫn con Ái đi hái dâu đở. Bảo đảm với mày nghe Ái, mày mà thấy cây dâu đỏ là hết đi nổi:

Bà má Ái vốn dễ tính, thấy lũ bạn của con đến xin phép, bà cho đi ngay. Sáng đó Ái theo chân lũ bạn ra bến xe Lam đi Mỹ Lệ. Qua khỏi Đồng Tác một đỗi xa, xe bỏ quốc lộ rẽ vào con đường trải đá, hai bên đồng ruộng chạy dài mút mắt, con đường ở phía xa như chìm

lẫn vào ruộng lúa. Rải rác hai bên đường, những ngôi nhà ngói khang trang kiến trúc giống hệt nhau : thềm cao, hàng hiên rộng, dài, và bốn hàng cau thẳng hàng như lính đứng thao diễn ngăn sân nhà với ruộng lúa bốn bề...

Xuống xe, lại phải đi men theo những bờ đê chênh vênh rợp bóng tre mới đến được nhà Tình, cũng hệt các căn nhà khang trang Ái vừa gặp trên đường đi. Con Tình đi thẳng đến lu nước lạnh trước hiên – người Phú Yên gọi là ảng nước – cầm cái gáo dừa vục nước tu một hơi dài. Nó vã nước lên mặt, khoan khoái :

— Rửa mặt mày, mát tỉnh người.

Ái bắt chước nó, tiến đến ảng nước, cầm cái gáo dừa lên:

— Ủa, cái gì kỳ cục vậy mày? Ốc hả ?

— Thì ốc chớ cái gì mà kỳ. Ốc gạo.

— Chi vậy ?

— Cho nó ăn rêu. Ảng nước sạch quanh năm, khỏi có chùi rửa lôi thôi. Con quỷ, uống đi chớ, nhìn gì nhìn hoài vậy, bộ mày chưa bao giờ thấy con ốc gạo sao ?

— Thì thấy chớ. Điều thấy ở chợ, chưa bao giờ tao thấy nuôi ốc trong lu vầy, coi lạ quá.

— Ở đây nhà nào cũng vậy.

Ái uống nước, nghe mùi tanh tanh của ốc sống. Kỳ cục. Tình dặn má nó nấu cơm cho con bạn quý, rồi dẫn Ái đi dạo xóm. Qua một hàng keo tây dài, Ái thấy một nhà máy xay gạo, đông đảo các bà quang gánh đứng chờ đến phiên. Tình chỉ căn nhà kế, nheo mắt :

— Nè Ái, nhà cô Ngọc.

Ái hiểu cái nheo mắt của nó lắm. Cô Ngọc, đẹp nổi tiếng, gái quê mà trắng nõn nà, tóc mây óng ả. Cô biết ngâm thơ, đàn mandoline, thổi sáo... không biết cô nổi tiếng cỡ nào mà người ta móc nối cô để tạo vụ si-căng-đan Nguyễn Hữu Thọ. Ông Thọ bị bắt lúc ở trong phòng với cô Ngọc, người ta buộc tội rồi tống giam ông ở Củng Sơn. Ngày xử án ông Thọ, không biết bao nhiêu xe chở luật sư, thẩm phán đến đông nghẹt tòa Án Tuy Hòa. Rồi ông được các đồng chí cướp khỏi ngục, đông ra Bắc.

Về sau, có một thời cô Ngọc là nhân tình của bố Ái. Bố Ái lắm vợ, nhiều mèo, giống hệt các bác, các chú Ái. Cả tỉnh biết cô Ngọc là nhân tình của bố, con nhỏ Tình nháy mắt là vậy.

— Cô Ngọc đi đâu mất rồi, bây giờ còn cô em, đẹp và nổi

tiếng y hệt cô chị.

Tình dẫn Ái đi chợ phiên, đi hái dâu đỏ cho mãi đến chiều mới quay về. Sau sân nhà, Ái thấy ba đụn cỏ lớn đang cháy đỏ hồng, Tình hỏi vọng qua hàng rào:

— Chị Tâm đốt cỏ hả:

— Lá tre. Lá khô nhiều quá, chị gom lại đốt bớt.

Tình kéo Ái chạy đến giàn đậu ngự, nó bứt một ôm đậu đem đến bên đống cỏ đã tắt lửa ngọn, còn tro cháy đỏ rực.

— Mày lấy thanh tre kia đưa tao. Vùi mở đậu này vô đây, chút xíu chín liền.

— Nhiều món lạ quá. Hồi tao chỉ biết đậu ngự nấu chè, nấu xôi. Bây giờ nghe thêm món đậu ngự lùi.

— Mày biết cái khỉ gì, thấy con ốc gạo mà dòm lom lom phát ghét. Nè, ăn thử đi, đậu bùi, thơm ghê không? Lửa nhiều vầy lùi khoai ăn mề luôn, lùi trong tro bếp lẩu chín lắm.

Người đàn bà tên Tâm ban nãy ngửng cào lá tre, chị đưa tay áo lên chùi mồ hôi. Chị có bầu, trông nặng nhọc quá.

— Em về chơi nhà quê hả, thích không? Ở chơi thì thích, chớ ở lâu không thích đâu em.

Ái dạ. Nó không trả lời, còn mải ăn đậu ngự lùi của Tình.

Lúc trở vào đi ngang nhà bếp, Ái thấy mẹ Tình sửa soạn nấu cơm chiều. Bà dở nắp khạng gạo, xúc hai lon đổ vào nồi đồng, rồi vốc thêm một nắm bỏ vào cái hũ nhỏ đặt kế khạp gạo, Ái ngạc nhiên:

— Má mày bỏ gạo vô đó chi vậy?

— Hũ gạo Đồng Tâm. Bữa nào nấu cơm cũng phải bỏ vào một nắm.

— Tao không hiểu. Để chi vậy?

— Gạo của mấy ổng. Ý là mình ăn cơm thì mình phải nhường cho mấy ổng miếng cháo. Chia xẻ mà.

— Ai cũng phải làm vậy?

— Ờ.

— Bắt buộc?

— Ờ. Mỗi tuần mấy ổng đi thâu một lần.

— Sao ở Tuy Hòa không có?

Tình phì cười:

— Con này ngu quá. Trên đó là quận Châu thành, mấy ổng nào mà dám thâu thuế ngang vậy mày? Vùng này không có an ninh, mày hiểu chưa? Cái này là thuế nuôi quân đó.

— Vậy mà kêu đồng tâm.

Bữa cơm nhà Tĩnh có một nồi cơm và một ít cá vụn kho tiêu trong cái om đất. Mẹ Tĩnh dọn tất cả xuống đất, ngay ngưỡng cửa nhà bếp cho sáng, hà tiện một ít dầu đèn. Lạ miệng, Ái ăn ngon lành, con Tĩnh cười ngất:

— Tức cười mày quá. Coi cũng dễ nuôi đến! Mày coi ăn vậy ngon không? Tới nhà mày ăn cơm thấy phát mệt.

— Có bố tao kìa. Không có ổng mẹ con tao cũng xuề xòa qua bữa cho rồi. Ông già tao cầu kỳ thấy mồ, ăn củ khoai luộc cũng phải lên mâm lên dĩa.

— Sáng mai ngủ dậy tao cho mày ăn cơm nguội. Một tay cầm cục cơm nguội, một tay cầm miếng cá khô nướng.

— Chắc ngon.

Ái vừa ăn vừa nghĩ thầm: khổ thế này mà còn phải bớt gạo nuôi quân. Bị bắt buộc hay tinh thần cao?

Cơm nước xong, mẹ Tĩnh sửa soạn đi, Ái nhìn ra bầu trời sáng vằng vặc trăng sao, hỏi Tĩnh:

— Trăng đẹp quá. Má mày đi dạo xóm hả?

— Còn khuya. Đi học chính trị, đi họp tổ. Bữa nay có mày tao phải xin phép cho tao ở nhà.

— Thích không mày?

— Thích cái gì? Mệt muốn chết. Cả tuần đi học, cuối tuần về lao động, đào giao thông hào, tối học tập kiểm thảo. Ê, mày đừng nói với con Hạnh tao than mệt nghe, chết tao à.

— Không lẽ nó thưa mày?

— Sao lại không lẽ, nó tố thẳng cẳng chớ.

Ái nằm trên chiếc chõng tre con Tĩnh khiêng ra hàng ba hóng mát. Cây cau đầu hàng hiên, cạnh bể nước đang trổ hoa, buông từ chiếc bẹ nâu những tua hoa trắng ngà, lấp lánh ánh trăng. Cảnh vật yên tĩnh, thơ mộng như tiểu thuyết Tự Lực Văn Đoàn không làm Ái háo hức thường ngoạn như ban chiều nữa. Câu chuyện của Tĩnh làm Ái thấy cái bề mặt bình dị yên lành của thôn quê giả dối quá. Đâu đó, trong đêm nay, nơi một trụ sở nào đó, má Tĩnh, má con Hạnh, má con Mười đang học tập chính trị, quên chuyện nắng mưa rẫy bái, quên chuyện mua bán chợ phiên. Ở một nơi nào đó, bọn Hạnh đang đào giao thông hào, đang tập giấu những nỗi bất bình sợ con bạn thân tố thẳng cẳng...

Có tiếng đạn xé ngang bầu trời, rồi những tiếng nổ ầm liên tiếp gần gũi, con Tĩnh kéo Ái chạy phăng phăng ra bụi chuối:

— Xuống hầm, xuống hầm. Mau mau mày! Ý a, chết! Thấy mẹ rồi, hầm đầy nước! Chắc mấy hôm trước trời có mưa...

Hai đứa ngồi thu mình bên bụi chuối, Ái quên cả sợ mấy con cóc da xù xì lạnh ngắt trú thân thường xuyên nơi mấy gốc chuối. Đạn bay chiu chíu như kề sát mang tai, Tình nín thin thít, nó nắm chặt tay Ái.

Thật lâu, tiếng đạn mới dứt, hai đứa ngồi nán thêm hồi nữa mới dám lần về nhà. Má Tình cũng vừa về đến, bà lặng lẽ đi thắp cây đèn Hoa kỳ mù mù, thổi tắt cây đèn lớn rồi về giường. Dưới ánh trăng, Tình lò mò giăng mùng cho hai đứa.

...Buổi sáng, Tình và Ái bị đánh thức thật sớm bởi những bước chân chạy thình thịch qua sân nhà. Qua hàng rào táo nhỏn và tre xen kẽ, Ái thấy người ta đứng lố nhố quanh sân sau.

— Rồi, chị Tâm bị gì rồi. Chạy mau mày.

Chị Tâm nằm sóng xoài trên mặt đất, úp bụng vào cái hố nhỏ đầy nước đỏ lờ lờ, mái tóc dài xổ tung dập dềnh, dập dềnh. Chị chết từ đêm qua, lúc súng nổ, sáng nay người ta mới hay. Ái nhìn trừng trừng vào khuôn mặt xám ngoét mất máu, nàng không thấy sợ nữa. Cái chết sao mà gần gũi, dễ dãi đến vậy, Ái nhớ dáng chị Tâm chiều qua nặng nhọc cầm cái cào, cào mớ lá tre đem đốt. Lúc người ta khiêng chị Tâm vào nằm trên chiếc giường tre, Ái nhìn xuống bếp qua cánh cửa buồng mở rộng : đạn bắn bể lu gạo, gạo tung tóe, mấy con gà mon men vào mổ gạo vừa mổ vừa nghe ngóng. Bên lu gạo bể, hũ gạo Đồng Tâm đứng trơ trẽn, xấu xí...

— Chồng chị Tâm đâu mày?

Tình hất hàm, chỉ hướng chân núi.

— Trển. Chắc chiều mới hay.

Gió thổi làm tờ giấy manh đập phần phật dưới cái thước kẽ chận. Ái cúi xuống:

— "Em nhớ mẹ em. Mỗi buổi sáng thức dậy nấu cơm sáng cho ba em ra đồng, em nhớ những buổi sáng bên mẹ em, bà bỏ gạo vào cái nồi đồng, và không quên bỏ thêm một nắm gạo vào hũ gạo Đồng Tâm để cạnh bên..."

Ai nghĩ đến tuổi thơ của thằng Chiến, của con Hội, của Tình, của Hạnh... Những tuổi thơ không có bóng dáng bông hồng bông huệ, không có những kỷ niệm bắt bướm ép hoa... Tuổi thơ chúng nó đầy hình ảnh đào giao thông hào, học tập, tố khổ, tuổi thơ có hũ gạo Đồng Tâm nắm chỉnh ỉnh đòi đóng góp... Con Tình với thằng Chiến, con Hội cách nhau bao nhiêu tuổi ?

HOÀNG DUNG

tình khúc buồn

ĐẶNG KHOA

Thụy đã bay qua hai ngàn dặm đường để đến đây, khu đại học thành phố Minneapolis. Đại học quá rộng, được ngăn làm đôi bằng một con sông dài. Những buổi trưa hè, ra khỏi lớp học đứng ở bên cầu nhìn xuong phía dưới theo dõi con nước chậm chạp, ngập ngừng chảy; hay những buổi sáng mùa đông thấy con sông tung tăng ngày nào bây giờ chỉ là một khối băng trắng xóa, Thụy tưởng như đọc được những chìm nổi của tâm hồn mình, khi nồng nàn, ấp ủ vì đong đầy những thương nhớ, khi giá lạnh vì thiếu thốn cô đơn. Kèm theo là cảm giác nhớ nhà triền miên, vô vàn...

Những ngày nghỉ học. Thụy bỏ nhiều thì giờ ra để viết thư. Thụy nâng niu những dòng thư và tự nhủ đây là những trang nhật ký trong cuộc đời đi học của Thụy ở đây.

Khi Thụy xa nhà được hơn một năm, ba Thụy về hưu. Lúc Thụy còn bé thường hay nghe ba nói đến ngày được về hưu, ba nhắc đến ngày đó như một giai đoạn an nhàn của tuổi già, khi người ta đã làm xong phận sự với đời sống để có thể quay trở lại với những gì của chính mình. Bây giờ, Thụy nhận được thư ba và đọc thấy lo âu nhiều hơn. Có lẽ, như một vài lần đã từng than phiền, ba "không đuổi kịp

đời sống của Sàigòn?"Và quả thật, đời sống đi học ở đây quá công thức đều đăn, đến nỗi, một hôm, xem ti-vi thấy chiếu hình ảnh Sài gòn nhộn nhịp, Thụy tự hỏi nếu đột ngột trở về, không biết mình có còn ham đi xe gắn máy theo làn xe cộ như ngày xưa, còn có thể tham gia hết mình vào các cuộc vui với bạn bè nhiều như trước.

Người ta thường nói đời sống ở Mỹ quá máy móc, bận rộn, nhưng Thụy cảm thấy ở đây đời sống có qui củ, nhịp nhàng. Mỗi hoạt động đều ăn khớp với nhau, làm người ta thấy thiếu nhân tính trong đó và vì vậy ta cảm thấy thờ ơ. Nhưng rồi mọi chuyện sẽ được an bài nếu ta chịu ngoan ngoãn đi theo. Trái lại, nghĩ đến Sài gòn, Thụy chỉ nhìn thấy một lớp người sống, hoạt động vội vàng hối hả, như lo âu vì không đủ thì giờ cần thiết, và một thành phần thứ hai vì quá chậm chạp nên càng ngày càng bị đẩy lui về phía sau, như ba Thụy hạn. Thụy có cảm tưởng ngờ ngợ rằng hai mẫu người trái biệt của Sài gòn mai này sẽ không cùng sống chung, không bao nhiêu lâu nữa đâu. Và chính Thụy cũng không rõ mình mong ước rồi Sài gòn sẽ biến dạng, chuyển mình như thế nào. Có lẽ từ lâu rồi Sàigòn đã là một phần trong đời sống Thụy, quá quen thuộc để thấy được, để tin được những biến chuyển mới. Nhất là đời đi học ở đây quá lặng yên, làm nhiều khi Thụy thấy mình như bất di bất dịch.

Thỉnh thoảng, Thụy cũng nhận được thư Linh. Thi xong tú tài, Linh lên Đà lạt học. Linh kể cho Thụy nghe hình ảnh Đà lạt thơ mộng. Đến những hôm mùa đông lạnh run, buổi sáng khi đến giảng đường (nghe Thụy đáp lại bằng cách diễn tả mùa lạnh ở miền Bắc Mỹ chắc Linh phải phát khiếp). Đến khu Linh ở, đến bờ hồ, đến đồi Cù, đến khu phố chợ. Một ngày nào khi hồi hương Thụy sẽ ghé thăm Đà lạt, sẽ bắt Diệu Linh dẫn đi xem từng nơi mà Linh đã kể. Và Thụy sẽ khe khẽ bảo với Linh như thế này: "... để anh nhớ lại ngày hôm ấy, ở xa, một mình, anh đọc thư Linh". Ý nghĩ đó làm Thụy thấy vui vui.

Đọc thư Linh, Thụy thấy có một vài nét lo âu về chiến cuộc. Bởi lẽ đã lớn lên, Linh không còn sống trong một thế giới chỉ toàn đàn dương cầm với kẹo ô mai như ngày xưa nữa. Và Thụy cũng thế. Thụy đã đọc trên báo mỗi ngày những bản tin bi quan, những luận điệu bài bác, chống đối với tình hình ở quê nhà. Thụy cũng đã trưởng thành, cũng đã học được tự lập lấy thân, đã dần dà làm quen được với những lề thói, tập quán của xứ người. Bên cạnh sách vở còn có nhiều điều để Thụy học hỏi, cái học của một người bàngquang, tò mò, học để so sánh, để ngưỡng mộ hay chối bỏ, vì Thụy tin là một thời gian sau mình sẽ quay trở lại với đời sống cũ. Có khó gì đâu, mai kia, rồi Thụy cũng xách xe gắn máy chạy trên đường phố, cũng tham dự các hoạt động, các tiết mục giải trí như ngày xưa ở trung học. Điều này làm Thụy

thấy yên tâm và tự tin hơn lên .

Một hôm, sau giờ học, trở về nhà Thụy nhận được thư Phong. Nó chịu viết cho Thụy là phải biết. Xa cách ba bốn năm trời, Phong chỉ viết cho Thụy hai lần: một lần khi Thụy vừa qua Mỹ, khi nó báo tin thi đậu vào đại học, lần thứ nhì, năm ngoái khi nó gởi cho Thụy tấm thiệp chúc Tết, kèm theo mấy hàng vốn vẹn.

Sài gòn ngày tháng năm.....

Thụy,

Lâu nay bận quá tao không có lịp viết thư thăm mày. Chắc mày cũng không nỡ trách gì tao . Bây giờ tao đang chuẩn bị cho kỳ thi ra trường. Vậy mà đã gần bốn năm rồi đó Thụy. Thư trước nghe nói mày học cũng gần xong rồi phải không?

Có lẽ thi xong tao sẽ được đưa về tỉnh, an nhàn thơ thới hơn, và cũng có thể chạy áp- phe nữa . Tao cũng muốn ra trường, xin được một việc làm bảo đảm vì ông bà già đang cần tao. Thằng em tao vừa thi rớt tú tài, chắc cũng sắp bị gọi đi đến nơi.

Tao vẫn lai rai, thỉnh thoảng cũng lởn vởn ở Thu Hường với ly cà- phê sữa đá, cái tật xấu hồi xưa mày đã bày tao. Bạn bè cũ người thằng thì hết chín là lính. Tội nghiệp cho L., mới từ trận cách đây hai tháng, tao có đi đưa đám. Thằng N. lấy vợ rồi, thời buổi kiệm ước mà cũng có thằng đòi uống thuốc liều. Không ngờ trong bọn

Tuần tới tao cơ lại thăm ba má mày (vì vậy nên mày mới nhận được thơ này, vì má mày nhắc tao viết mày (docdỗ khuôn). Ba má mày vẫn mạnh khỏe, mặc dầu nhớ mày lắm . Kể ra mày ở xa như vậy mà yên thân , gia đình đỡ lo . Có định hè này về thăm nhà không đó?

Thôi, vài lời hỏi thăm. Chúc mày gặp thật nhiều may mắn . Tao dừng bút ở đây.

Bạn mày,
Phong

Thụy đặt bức thư xuống bàn, một chút ngẩn ngơ. Vì bức thư quá ngắn? Vì những lời lẽ đột ngột? Phải, đã bốn năm qua từ ngày Thụy rời Sài gòn. Phong đã gần ra trường, đã sắp sửa đi làm. Còn Thụy, sắp học xong, nhưng rồi sẽ tiếp tục ở đây một, hai hay ba năm nữa? Phong chắc đã thay đổi nhiều, đời sống Sàigòn làm nó thực tế nhiều hơn. Không còn là thằng Phong ngày xưa đi xi-nê chung với Thụy, đi học thư viện với Thụy. Còn Thụy thì sao? Chắc chắn là Thụy đã thay đổi ít nhiều vì đời sống lạ, kinh nghiệm mới. Nhưng dầu sao so với bạn Thụy có cảm tưởng như mình đang thụt lùi lại, có lẽ một phần vì đời sống thu hẹp ở đây – đời sống nghe qua thật là ích kỷ, chỉ biết lo cho thân mình, mà thật ra đã gây cho Thụy bao nhiêu dày vò – cách xa quê nhà một bờ đại dương mênh mông; và có lẽ một phần – Thụy xót xa một chút về điều này – vì khi nghĩ đến Phong, đến Diệu Linh, đến quê nhà cùng ba mẹ anh em, Thụy cố gắng nuôi dưỡng những hình ảnh đẹp của người thân ở trong lòng. Cho nên đó chỉ là những hình ảnh của họ ba, bốn năm về trước, nay đã thay đổi quá nhiều. Những hoài niệm về gia đình, người yêu, bạn bè, tuổi thơ là những hoài niệm đầy quán tính, và cũng như một người đi tìm đồ cổ, Thụy vẫn khư khư ôm ấp những hình ảnh kỷ niệm cũ, không hề ngờ trong một phút giây đến những đổi thay theo thời gian. Cái ngạc nhiên của Thụy khi được thư Phong cũng đâu có gì xa lạ, đó cũng chỉ tương tự như cái bỡ ngỡ của một người đi xa về thấy từng nét mặt của người thân đã thay đổi.

Như thế người ta phải làm gì với kỷ niệm, để sống được trọn vẹn với kỷ niệm? Có nên khư khư ôm lấy kỷ niệm cũ như giữ một tấm hình chụp nhiều năm về trước? hay phải làm một cái gì? Phải làm điều gì, Thụy không thể trả lời được. Ra đi là mất mát, là thiếu thốn không thể đền bù, và giả sử như xa nhau năm năm trời, gặp lại, cái ngạc nhiên, ngỡ ngàng của mình chỉ là một hình thức biểu lộ sự thiếu thốn mình đã phải chịu đựng trong năm năm vừa qua, sự oán than với định mệnh, với thời gian đã không cho mình được chứng kiến cái đổi thay từ hình dạng đến tính nết của người thân trong giai đoạn xa cách; dầu rằng nếu sống gần nhau, người ta rồi cũng chỉ thờ ơ với những biến đổi nho nhỏ của mỗi ngày mà thôi. Thí dụ như sau này, gặp lại Diệu Linh, chắc Thụy cũng xót xa, cũng sẽ ghen tuông như thế.

Diệu Linh đã thay đổi. Thụy đã đọc thấy những nét đổi thay trong thư Linh gửi. Nhưng rồi những tờ thư, vì là những thông điệp hứa hẹn hạnh phúc cho nên đã trở thành những con bướm ảo mộng, chỉ cho Thụy thấy rất mơ hồ, rất nhỏ hẹp những gì Linh nghĩ. Ngày mai khi gặp lại, Thụy sẽ tìm cách bắt Linh phải đền bù. Nghĩ như

vậy mà Thụy thấy cồn cào con tim tê tái vì nỗi nhớ...

"Anh Thụy hỏi Linh có thay đổi nhiều không. Như rứa chắc anh cũng đã thay đổi nhiều lắm hỉ."

Diệu Linh đã viết thư trả lời Thụy như thế. Có gì đáng phải bận tâm phải không em. Ngày xưa Thụy đã từng mơ một ngày đi xa về, thấy khuôn mặt dịu hiền đó tươi vui hơn lên. Những gì ấp ủ, chất chứa trong đôi mắt ấy sẽ thay bằngnhững nét rạng rỡ, những nét hứa hẹn, đáp đền những gì xưa nay Thụy đã từng mong mỏi.

Thụy được thư anh Giang cho hay anh đã được thuyên chuyển về làm việc tại Sài gòn sau ba năm xa nhà. Anh hỏi về sức khỏe, về việc học của Thụy, và "vụ con Linh. Mày có cần anh giúp gì không?" Thụy thấy buồn cười, nghĩ đến khi trước lúc còn ở chung một nhà anh em thương nhau nhưng ít khi có dịp tâm sự với nhau. Có lẽ lúc ấy, là thằng contrai vừa lớn, Thụy chỉ thích sống cho riêng Thụy. Anh Giang trông có vẻ lừng khừng, thỉnh thoảnglàm Thụy phát bực mình, nhưng khi bằng tuổi Thụy, có lẽ anh đã sống chững chạc hơn Thụy bây giờ. Mẹ viết thư thường bảo Thụy, khi phép, anh chỉ luẩn quẩn trong nhà suốt ngày.

Anh Giang cũng nói thêm là ở nhà nghe nói có người đã đi hỏi Diệu Linh . Nhưng gia đình Linh từ chối, lấy lý do Linh còn đi học. Thụy bâng khuâng tự hỏi Linh có biết điều đó không, và nếu được biết thì lúc đó Linh nghĩ như thế nào về Thụy. Dầu tin đó không lấy gì làm buồn, nghe xong Thụy phải băn khoăn không ít. Nếu quả lần thứ hai, lần thứ ba, gia đình Linh bằng lòng, Linh bằng lòng thì sao?

Đêm đó, Thụy thao thức không ngủ được. Thụy nghĩ đến Sàigòn với nhịp hoạt động quay cuồng mà bây giờ Thụy không còn được tham dự . Thụy nghĩ đến những bất ngờ đời sống có thể dành cho mỗi người mà xưa nay Thụy chỉ dám ngờ ngợ một chút, không dám tin sẽ xảy ra cho mình. Bên kia bờ đại lục là một đời sống chảy xuôi

theo thời gian, mà ở bờ bên này Thụy như gốc cây già chỉ biết nhìn theo ủ rũ. Xưa nay khi nghĩ đến Linh, đến tình yêu giữa Thụy với Linh Thụy chỉ nghĩ đến một thế giới riêng biệt giữa hai người, một thứ tình yêu thâm cung, khép kín, cũng kín đáo, nhẹ nhàng như cố đô Huế trầm mặc, không thay đổi với thời gian. Nhưng giữa đời sống Sài gòn hối hả nhiệt cuồng, liệu Linh giữ vững tình yêu được bao lâu?

Phải, đã bốn năm rồi, Linh có thể đã thay đổi nhiều. Thụy thế nào mà hiểu rõ cho được.

Nghĩ như thế mà ngày hôm sau Thụy vội vàng viết thư về nhà cho mẹ, cho anh Giang để cầu cứu. Thư viết vừa xong, Thụy đã vội vàng bỏ vào phong bì không muốn đọc lại nữa. Thụy không nhớ rõ tất cả những gì mình đã viết. Có lẽ những ý tưởng ngổn ngang trong đầu Thụy đã được đưa vào trang giấy trắng rất vô mạch lạc, vô thứ tự; có lẽ những ngôn từ Thụy đưa ra rồi cũng chỉ lắp bắp quanh đi quẩn lại có một điều. Nhưng như thế cũng đủ để Thụy mãn nguyện, vì đã phơi bày lòng mình cho gia đình hay, đã cố gắng hết sức cho tình yêu đầu.

Bây giờ ở quê nhà cũng vừa xong kỳ nghỉ Tết. Linh đã trở lại Đà lạt với gió hú rừng thông. Và Thụy cũng không muốn phân tâm nhiều thêm với sách đèn vì Thụy đang đi từng bước đầu tiên của học trình Cao học. Thụy chỉ mong có một điều là học cho xong, học cho sớm để mau mà về nước. Một lần, Larry, một người bạn học cùng lớp hỏi Thụy sẽ định làm gì sau khi ra trường.

– Bạn không định học thêm sao? Bạn nhớ nhà hả?

Và cả hai đều yên lặng. Larry là người Anh, hắn đến đây từ mùa hè năm ngoái. Có lẽ vì xã hội Larry sống ngày trước cũng là một xã hội Tây phương như ở đây, vì ở đó đời sống quá ngăn nắp, nề nếp, không biến động nhiều như Saigòn của Thụy, mà Larry chẳng bao giờ biết nhớ nhà khi đi ra ngoại quốc..Hắn bảo có sống thêm ở Mỹ mười năm, hai chục năm nữa cũng được. Ra trường sẽ làm gì hả? Nếu có công việc làm tốt sẽ ở lại.

Điều đó không có nghĩa Larry là người không tình cảm. Thụy đã nhiều lần tâm sự cho Larry nghe đời sống ngày xưa của mình. Larry đã chú ý nghe, đã biết an ủi. Và Larry cũng từng kể lại thời thơ ấu, sống tự lập từ thời còn nhỏ, cái thiếu thốn của người con duy nhất trong gia đình bố mẹ ly dị. Nói chuyện với hắn nhiều lần, Thụy phải tự đặt câu hỏi: hay vì xưa nay mình chỉ là một người bản chất yếu đuối? Sống ở xứ người, ai cũng phải có một tấm lòng hướng về quê cũ. Nhưng cứ ôm bo bo lấy những gì cơ sẵn, nhắm mắt bịt tai với đời sống xung quanh có lẽ làm ta nghèo nàn, trở thành lập dị, lù đù mất.

Larry, mai một tôi sẽ từ giã bạn. Khi về xứ, tôi sẽ viết những

bức thư dài , diễn tả đời sống của một xứ chậm tiến cho bạn nghe. Bạn thường hay than phiền với tôi là đời sống ở đây quá vội vã . Người ta không chịu "take it easy" như xứ Anh của bạn. Nếu có qua thăm Việt nam, có ghé Sài gòn chen lấn bụi bặm để có dịp so sánh với Luân đôn sương mù che phủ, chắc là bạn phải lắc đầu chịu thua...

Thụy bảo cho Larry tin vui là gia đình mình đã đến gặp mặt gia đình Diệu Linh. Mọi chuyện tương đối ổn thỏa, chỉ đợi ngày Linh học xong, ngày Thụy về nước. Cặp mắt Larry sáng lên vì chia vui khi nghe Thụy kể chuyện.

Nhưng rồi , tình hình ở Miền Nam biến chuyển bất ngờ . Chuyện tình của Thụy chỉ có thể chấm dứt một cách êm đềm được như thế. Cũng như Larry chỉ có thể nhún vai rồi cười buồn nhìn Thụy khi nghe kể: "That's the way life goes..."

Tháng ba, rồi tháng tư. Những buổi sáng hối hả đọc vội tờ báo trước khi đi học, hay lắng tai nghe từ máy phóng thanh những mẩu tin ngắn, sắc như dao, xen lẫn những bài hát nhộn, những mục quảng cáo ồn ào. Những buổi chiều ngồi bên cạnh máy truyền hình theo dõi bản tin tức mỗi ngày, khuôn mặt người xướng ngôn viên trang trọng, và hình ảnh bản đồ mỗi ngày thêm một tỉnh, hai tỉnh bị nhuộm đỏ. Thụy có cảm giác bàng hoàng, ngỡ như trong mơ vì lạ quá, đời sống chung quanh vẫn thờ ơ như mọi khi , lẽ nào bao nhiêu ngàn cây số đường kính chung quanh Thụy lại không có một ai cùng tâm trạng như mình được. Cảm giác mơ ngủ vì những điều ức đoán của báo chí thường đi trước diễn biến thời cuộc; Thụy đọc và nghe thấy những lời loan báo đó như kẻ bị lên án đang lắng nghe những lời nguyền, những lời tiên tri. Huế, Đà nẵng, Nha trang. Có những hôm Thụy ngồi viết thư cho gia đình, cho Linh, cho Phong, viết ra trong lúc nóng nảy bồn chồn, không cần biết những gì mình đang viết đã được viết từ bức thư gửi đi ngày hôm trước hay chưa; hay ra bưu điện đánh điện tín mà không cần đếm xỉa đến bản tin người ta loan báo ngày

hôm qua là các chuyến bay cùng các đường dây viễn thông đã bị gián đoạn, chỉ biết hồi hộp theo dõi nhân viên nhà bưu điện chậm chạp ghi chép, khuôn mặt ông ta ngân ngừ, và khi trả tiền xong, Thụy tưởng như vậy là đủ bảo đảm cho bức thư, bức điện tín sẽ về đến nơi. Thụy chỉ cần lơ mơ hiểu là mình phải làm, và có lẽ đang làm một điều gì đó, bất cứ điều gì dầu vô ích đến đâu.

Nhưng cũng chỉ rã rời như một người chỉ biết thụ động khi người thân yêu đang mắc phải chứng bị nan y hay quằn quại trên giường bệnh trong tình trạng hiểm nghèo, mỗi ngày Thụy chỉ biết ngồi theo dõi bản tin thời sự, theo dõi từng làn sóng người đổ xô ra biển, lên phi cơ, mong tìm được trên màn ảnh đài vô tuyến một khuôn mặt quen thuộc.

Cuộc chiến đã chấm dứt quá mau lẹ, cũng như một trang sử cũ rồi cũng chỉ được lật qua vội vàng trong nháy mắt cho dầu trước đó người ta đã ngày giờ vật lộn đấu tranh với từng dòng chữ một, cũng như mọi biến cố của đời người chỉ xảy ra vào những lúc bất ngờ nhất, thật ngắn ngủi mà hỡi ôi trước đó ta không hề bỏ ra một vài phút giây để tiên liệu . Diễn biến quá vội vàng đã không kịp mang theo gia đình Thụy, Diệu Linh hay bạn bè thân yêu.

Thụy bỗng thấy mình như rơi vào hố sâu, tự nhiên lạc lõng giữa một thế giới không người quen. Đây không phải là thế giới Thụy đã từng sống trong những năm vừa qua hay sao? Dường như cái xã hội ở đây thời gian quả có bề thân thiện với Thụy hơn, vì Thụy chỉ xem mình như một người khách đến rồi mai lại ra đi . Và bây giờ, cái ê chề vì nhận thức thế giới người dưng bỗng trở thành đời sống từ nay về sau cho những mục nát cằn cỗi còn lại của tâm hồn mình, Thụy thấy ê chề , chán nản đến tột độ.

Mới cách đây không bao lâu, thế giới đại học chung quanh đây có một ý nghĩa khác đối với Thụy. Đây là thư viện, mỗi ngày Thụy ghé qua để ghi chép , đọc sách, và trong giờ nghỉ, nhớ tới Linh trong ly cà- phê. Đây là công viên bờ sông, những ước ao của Thụy đã thả theo dòng xuôi mãi về xa , về đại dương bao la. Đây là phòng khách của khu nội trú, mỗi ngày trước giờ cơm trưa Thụy ghé qua để chờ thư. Vâng, những bức thư...

Có những đêm khuya, Thụy bàng hoàng tỉnh giấc sau một cơn mơ. Những giấc mộng còn con quái ác có thay đổi muôn ngàn hình thức khác nhau cũng chỉ đưa ra cho Thụy thấy hình ảnh của gia đình, của hình ảnh quê nhà. Thụy đã làm quen với những giấc mộng ấy, từ bao năm nay, đến nỗi nếu về đêm không nằm mộng, sáng ra Thụy thấy ngẩn ngơ vì thiếu một điều gì. Và nhiều đêm, sau mấy tiếng đồng hồ thao thức mất ngủ, khi cơ thể đã bắt đầu co duỗi để sắp sửa

bước vào một trạng thái khác,chừng như tiềm thức Thụy có một lời reo: Tôi sắp đi ngủ đây, sắp sửa đi vào một đời sống mới tươi đẹp hơn. Nếu từ một góc cạnh khác của tiềm thức có loáng thoáng một vài lời nhắc nhở, rằng thế giới ta sắp sửa đi vào chỉ là một thế giới ảo vọng tạm thời, vì thật ra ta chỉ vừa mê ngủđấy thôi, Thụy sẽ bàng hoàng, tỉnh táo tức thì, cảm giác mỏi mệt vì mất giấc ngủ không còn nữa, thay vào đấy là một cảm tưởng rất rõ ràng với đồ vật, với chăn gối ở chung quanh, đúng thế, đây mới là thế giới có thật. Phải mất rất lâu để có thể vỗ về đầu óc mơ ngủ của Thụy, phải đợi đến khi tâm trí đã quên khuấy đi những lời nhắc nhở của thực thể, của thời gian và không gian chung quanh mình, Thụy mới sẵn sàng để ngủ tiếp. Và khi gần sáng, dầu cơ thể hãy còn mệt mỏi và đầu óc loáng thoáng mê ngủ, dầu vẫn còn tiếc giấc mộng đột ngột điqua, Thụy cũng cố gắng nhoài người ngồi dậy vì nhận thức quá rõ rệt là không còn cách gì quay trở lại đời sống để đếm được nữa, là đây mới đúng thế giới quen thuộc mà mình vẫn ngày ngày sống không có cách gì trốn thoát, có sống thêm được một vài phút giây ảo tưởng rồi cũng chỉ phải chịu đựng thêm một vài phút giây ngỡ ngàng trước đời sống thực tế sau này.

Bức màn sắt đã phủ xuống ngăn cách hai bờ biển. Những người thân yêu của Thụy đã đi vào một thế giới khác. Ở đây cũng thế. Cũng như người xưa mỏ thành hồ điệp mỗi đêm để không biết mình làngười hóa thành bướm hay bướm hóa thành người, người ta ở đây cũng có thể tự hỏi; đây là thế giới ảo mở tôi đang đi vào, hay đây là những gì bắt đầu của đời sống thật đang phơi bày?

Chắc những gì đẹp phải thuộc về đời sống mộng mị của mỗi người. Kể luôn cả tình yêu của Thụy. Mỗi khi nghĩ đến tình đầu, Thụy có cảm giác bàng hoàng, như khi nghĩ đến quê nhà, ba me anh em. Có lẽ vì xa cách đã lâu nên tình yêu cao quí nhưng thiếu sinh động đã đóng khung trong viện bảo tàngcủa tâm hồn Thụy rồi. Có lẽ vì mối tình đã đến, đã diễn tiến một cách êm ả , êm như những ngày sầu đông ở Huế, như những ánh nắng chiếu gần tối ở Sài gòn hay như khúc dương cầm Thụy được nghe ngày nào bây giờ đã trở thành thiên thu. Cho đến khi nào sẽ chấm dứt? Hỡi ôi, đến lúc Thụy tìm được câu trả lời là lúc tình yêu không còn hiện hữu; và chắc gì Thụy đang cho đón thấy được giây phút đó, ngày Thụy thoát ly ra khỏi tù hãm của tình yêu . Thời gian sẽ trả lời, và nghĩ đến đây, Thụy mới nhớ chỉ mới đây thôi mà đã hai ba, rồi bốn năm tháng trời. Mùa hạ đã đến và đã chầm chậm ra đi. Cũng như những người chung quanh đang khoát lên người chiếc áo len, áo dạ để che cơn gió lạnh của tháng chín, tháng

mười, tâm hồn Thụy rồi cũng phải khoát lên thêm một lớp vỏ bên ngoài để che kín đi những sắt sẻ, thiếu thốn vì lớp mong manh bên trong. Thụy thiết tha mong cho những thay đổi mới mà thời gian sẽ dành cho, nếu không phải là một vòng tuần hoàn để trở về trạng thái cũ – làm gì lại có chuyện dễ dàng như thế – , thì chắc cũng sẽ không còn những tù hãm, những khắc khoải nhiều như bây giờ. Thụy tự an ủi bằng cách nhủ thầm, gia đình, người yêu, quê nhà, tất cả mọi diễn biến ta thấy trước sau đều nằm trong sự xếp đặt của cơn lốc thời gian, của định mệnh bất biến. Biết đâu đấy, rồi mai đây Thụy sẽ quên đi hình ảnh cũ, bởi vì mọi kỷ niệm của chúng ta rồi cũng chỉ hư ảo như những năm tháng đã đi qua trong đời sống của mọi người.

ĐĂNG KHOA
(trích truyện dài TỈNH KHÚC BUỒN)

Tạp chí VĂN HỌC NGHỆ THUẬT

VÕ PHIẾN : Chủ nhiệm – LÊ TẤT ĐIỀU: Chủ bút

SỐ 1 : **Phạm Duy phân tích các vấn đề của nhạc Việt trên đất Mỹ** : *Tình hình âm nhạc Mỹ hiện nay ra sao ? Nhạc Pop nhạc Country thế nào ? Dân ca Việt nam liệu có thể ảnh hưởng vào nhạc Mỹ như dân ca Âu châu chăng ? Âm nhạc hiện nay ở Sài gòn có gì thay đổi ?v.v...* "

*** VÕ PHIẾN đọc thơ CAO TẦN**

*** Ba thiên truyện ngắn chọn lọc của MẶC ĐỖ, LÊ TẤT ĐIỀU, HOÀNG DUNG ... Một bài thơ lạ lùng của họa sĩ PHẠM TĂNG , Một cuốn truyện dài của PEARL BUCK v.v...**

THƠ

TRÚC CHI

EM THƠ

Thủa nào em chửa sang ngang
Bướm xinh đạo giữa thơ vàng tuổi hoa
Rồi thôi em của người ta
Rồi thôi bướm mộng tuổi hoa thơ vàng

○

GỬI EM

Mai dù có lạnh trần tâm
Thương nhau đốt một lư trầm nhớ nhau
Tiếc khi em ngả nón chào
Đánh rơi tuổi mộng bên cầu gió bay

○

NGHỈ

Ngao du quảy gánh tiêu sầu
Tới lui hoàn vũ ra vào càn khôn
Thong dong ngồi tựa đầu non
Một bờ sương đọng mấy còn mây trôi

CƠM CHAY

Thạch Bàn vui bữa cơm chùa
Tương rau Ảo ảnh muối dưa Vô thường
Sạch lòng nước giếng bên nương
Người trông mày nỏi mà thương kiếp người

TRÚC CHI

XUÂN HIẾN

gửi V.P.

Củi mục theo dòng sóng nhấp nhô
Sau lưng dĩ vãng cũng mờ hồ
Giơ bàn tay ngắm trong sương dục
Chỉ thấy vươn dài năm nhánh khô

trăng

o TN-V2

(Tặng gia đình MI, BÉ)

Một trăng, qua lại một trăng
Ba năm trên đất nhục nhằn ta đi
Xót xa cay xé bờ mi
Tâm tư khô héo ,mơ gì nữa đây ?
Tay đan gầy guộc bàn tay
Đêm nghe tóc nhuộm màu mây lưng trời
Chân mòn trên bước nhỏ côi
Vũng,mồi đắng mặn,Ôi !Mồi cỗi cằn
Ở đây cũng có một trăng
Sao trăng xa cứ nào giăng giữa hồn
Ngày xưa trăng sáng trong thôn
Đưa em gót nhỏ qua cồn trấy khoai
Trăng hồn vướng ngọn tóc mai
Trăng mơ,trăng ngủ trên vai thơm nồng
Rủ nhau trăng tắm trên sông
Trăng lên câu hát, lên giòng khoan ngoan
A ơ !Trăng hãy còn non,
Thương em , xin đợi trăng tròn năm sau,
Em ơi ! Trăng sáng phao phao,
Cho anh xin bỏ trầu cau năm này
Trăng ơi ! Trăng ở nơi đây
Sao trăng rớt rụng? -- Trăng đầy mắt ai
Ta mời trăng uống đêm nay
Cùng ta tắm gội lưu đày tha hương
Mời trăng luân vũ nghê thường
Theo ta lên sóng ,ngược nguồn một đêm

TN--V2

TÂN TRIẾT Ba-lê

● HOÀNG MINH KÍNH

Mở màn cho tư trào mới là một cuộc khủng hoảng ý thức hệ trong lòng Tả phái Ba-lê từ mùa hè năm 1977.

Ngày trước đã có nhiều sách báo tố cáo những tội ác của Staline và các vụ thanh trừng đẫm máu tại các nước cọng sản . Nhưng đa số độc giả Tây Âu vẫn dửng dưng , coi đó như những việc xảy ra riêng tại các nước phương xa , hậu tiến,còn chịu ảnh hưởng quá khứ chuyên chế Đông phương, không can hệ gì tới đời sống văn minh tự do của mình. Nhiều nhà trí thức Tả khuynh còn mang những lời hùng biện ra giải thích và bảo toàn chủ thuyết Mác-xít. Nào là :' Tàn ác diễn ra là vì nguyên nhân địa phương :bệnh thần kinh của Staline, truyền thống chuyên chế kiểu Tần thuỷ hoàng, Ivan le Terrible,dòng máu hiếu sát di truyền Khmer...' Nào :"Phải sáng suốt để nhận định ra hai thứ Mác- xít :một bị bóp méo lệch lạc bởi nền văn hóa thấp kém,một thuần tuý, chân chính, nhân đạo của văn minh da trắng".Nào :" Trên con đường vạn lý trường chinh tiến tới thiên đàng cọng sản, tất nhiên không sao tránh hết vài tai nạn lặt vặt không đáng kể... Ồ, hãy nhìn vào một đám hội linh đình chen chúc trong công viên , không sao tránh khỏi vài bông hoa bị gãy nát".

Ngày nay, sự thực trần trường và dã man đã phủ nhận và đập nát tất cả mấy luận điệu thiên lệch, có tính cách tuyên truyền nói trên. Từ hai triệu người Mên đến mấy chục triệu người Trung quốc bị hạ sát trong cuộc cách mệnh, từ những vụ trả thù tắm máu tại Lào, Việt nam, từ các trại tập trung ở Đông ở Tây đến các lò sát sinh của Hitler,tất cả thảm trạng ấy nói lên rằng chế độ độc tài của thế kỷ XX đã biến mặt trái đất thành một địa ngục khổng lồ, rộng và dài từ bờ sông Cửu long, Hồng hà, qua Dương tử giang, Volga, Danube,sang tới Bắc hải dưới trời Âu. Những cuốn phim Holocaust, Final Solution , những tác phẩm của Soljenitsyne, của Alexandre Zinoviev, của David Rousset chỉ tả được một phần nhỏ cái tội ác tày trời kia . Không phải là vì truyền thống địa phương hay vì sự bóp méo Mác-xít hay vì tình cờ lịch sử . Không, không phải thế . Tất cả các hiện tượng xã hội vừa nhắc lại chúng đều quy về một mối . một nguyên nhân chính, đều là con đẻ chung của một cha, một mẹ. Nguyên nhân chính ấy , một nhóm được mệnh danh là "Tân Triết gia Ba-lê" đã phát hiện. Nguyên nhân chính ấy là dòng tư tưởng duy lý phối hợp với chính trị và khoa học giả tạo (pseudo-science) , từ hai thế kỷ nay bởi mấy tay phù thuỷ người Đức,(Fichte, Hegel, Marx, Nietzche); sau mang thực hiện đầy đủ, quá trớn bởi những tay đồ tể khát máu Staline, Hitler, Mao, Pol Pot... Truyền thống địa phương gì, tình cờ lịch sử gì mà , dù ở Phi , ở Mỹ, ở Âu hay ở Á, cứ cộng sản lên cầm quyền ở đâu là chém giết cầm tù tập thể, là thoái bộ về kinh tế , là tổ chức một nhà nước công an và thần thánh hóa một cán bộ cao cấp (egocatre)lên nắm trọn tất cả ba thứ độc quyền, kinh tế, chính trị, văn hóa và vừa chửi tư bản vừa chạy theo xin viện trợ tài chính và kỹ thuật.

Một nhóm triết gia trẻ đã khám phá ra nguyên nhân , Bị lật tẩy, phe tả phản công ; cuộc bút chiến bùng nổ; sinh viên chia ra trận tuyến đối lập ; báo chí, đài phát thanh phỏng vấn ; dân chúng "nhào dô"; sách triết ra đời, ăn khách. Tất cả trở nên những luồng sóng dư luận trái ngược , hỗn độn.

○

NHÓM TRIẾT GIA RẤT TRẺ VÀ CÙNG CHỐNG MARX

Nhóm Tân triết gia còn trẻ măng. Cao tuổi mới bốn mươi tuổi ; trẻ nhất là Bernard Henry Levy, hăm chín tuổi. Anh Lévy đỗ thạc sĩ Triết hiện nay, ngoài việc xây dựng tư tưởng, còn hoạt động rất hăng : sửa soạn một cuốn phim về triết và đang điều khiển hai loại sách rất ăn khách : loại Figures và loại Theories đã cho ra đời hơn 12 cuốn . Mỗi cuốn mỗi vẻ, mỗi triết gia mỗi hay nhưng cùng nhằm một mục đích: xây dựng một thứ tư tưởng mới đa dạng (pluralisme) để tấn công vào thành trì độc tôn của thuyết mác-xít .

Trước cuộc bạo động của sinh viên năm 1968, mấy anh này hãy còn 18,19 tuổi , đang học tại các lớp cuối bậc trung học. Tuổi xuân lại gặp thời thịnh trị của De Gaulle, họ không phải rút thăm đi lính chiến . Chốn học đường cũng chưa có gì bão táp ; thầy ung dung giảng trò ngoan ngoãn nghe. Họ dùi mài kinh sử để sửa soạn thi vào các ngành đại học. Họ có đủ thì giờ để phân tích , cân nhắc từng câu, từng chữ những triết phẩm của Kant, Fichte, Hegel. Họ hăng say đỏ mặt thảo luận cả giờ chơi về cái gạch nối giữa mấy danh từ Leninisme--Stalinisme. Đôi khi cũng vọng tới lớp những cao trào phản chiến của sinh viên Mỹ, của sinh viên Vệ binh đỏ Bắc kinh . Đùng một cái, dưới bầu trời thanh bình của bờ sông Seine bùng nổ cuộc cách mệnh văn hóa do sự cọng tác âm thầm của sinh viên và thợ thuyền phát động . Biểu tình, đốt xe hơi, cảnh sát ném lựu đạn làm náo động kinh thành qua mấy "đêm đỏ" nhưng không thiệt hại gì đến sinh mệnh. Bị đảng cọng sản bỏ rơi và De Gaulle dẹp tắt, các hy vọng thay đổi một xã hội quá cũ kỹ bị tan rã như những bông hoa cuối xuân trong vườn Luxembourg. Từ đó, các anh ấy bắt đầu ngờ vực khả năng của đảng Cọng sản Pháp, ngờ vực lý thuyết của Mác . Luôn đấy rồn rập những tin về các xe tăng của Nga nghiền nát cái mầm xã hội dân chủ chớm nở ở Prague, khác với xã hội phát-xít của Moscou. Thêm vào đấy, cuộc xung đột ý thức hệ giữa Tàu và Nga gây ra nhiều rạn nứt trong phe Tả. Từ đó, các anh triết gia tương lai chưa tìm được lối thoát chung , đi mỗi người mỗi ngả về nghề nghiệp cũng như về chính kiến . Ví dụ Jean Marie

Benoist dạy triết tại một trường trung học Pháp bên Luân đôn, cho xuất bản, năm 1970, cuốn "Marx est mort ". Theo Benoist , thế là tư tưởng Marx đã chết khô vì nó đã thành những giáo điều cho các nước cọng sản; vì các lãng Lenine, Staline đã được hành hương như lăng giáo chủ; vì chữ Hán với nội dung cố hữu sao diễn được tư tưởng duy vật của Marx . Sau Benoist , trong sách "Le singe d'or", Guy Lardreau phê phán gắt gao nền tảng của thuyết Mác-xít . Tuy vậy, các anh kia vẫn chưa đồng quan niệm . Anh thì chê Benoist đứng từ Luân đôn nhìn về , sao hiểu được đường hướng đang lên của thế hệ trẻ Ba-lê. Anh thì cười: Không dấn thân vào môi trường hoạt động sao đã vội xét đoán Marx . Hãy đội tiếng nói của các bậc đàn anh đã từng tranh đấu - Có mang lý thuyết ra thử lửa hoạt động , rồi hãy phê bình, mới là thực tế triết lý, mới giải đáp được vấn đề đang nóng bỏng hiện đại.

Người đàn anh ấy là Glucksmann, bốn mươi tuổi, đã có nhiều kinh nghiệm đau đớn trong nạn phát-xít và tranh đấu. Anh là người gốc Do-thái theo cha mẹ chạy loạn Hiler từ Đức sang Balê. Đỗ thạc sĩ triết học, cựu đảng viên đảng Cọng sản . Sau vụ tháng 5 năm 1968, anh bỏ đảng , chạy theo phong trào thân Mao (Maoisme) và đã từng viết sách về chiến thuật , chiến lược theo tư tưởng Mao . Chán Maoisme, anh ra viết báo chính trị La Cause (Chính nghĩa). Chắc các bạn đã biết vụ tòa án xử J P Sartre, Le Bris và Glucksmann đã bị bắt vì tờ báo trên. Nay anh hết mình cổ võ các thanh niên trí thức khuynh tả đọc các sách của các văn sĩ di cư Nga, nhất là Soljenitsyne. Trong cuốn "La cuisinière et le mangeur d'hommes" (1973) không thiên nào là không ca tụng và dẫn lời của Soljenitsyne . Một luồng gió mới thổi tới. Trước 1970 Soljenitsyne đã có danh tiếng , nay được phần thưởng văn học Nobel (1970) và cho ra đời danh phẩm quốc tế "Archipel du Goulag," tiếng lại vang dội mạnh vào giới tân triết gia. Các sách báo, từ 1970 đến 1976 , các nhà văn thế giới can thiệp rầm rộ để chính phủ Kremlin tha bổng và cho phép nhà văn xuất chúng kia di cư sang miền tự do . Các nhà phê bình so sánh những trang của Soljenitsyne tả địa ngục đỏ hay không kém gì nhà văn Ý Dante tả địa ngục trong "La Divine comedie". Nhà phê bình cọng sản trứ danh Georg Lukacs dành cả một

quyển sách để ca ngợi cái biệt tài viết truyện ngắn của tác giả trong "Une journée d'Ivan Denissovitch", (truyện đã được dịch ra Việt văn và vài ngoại ngữ khác . Các triết gia trẻ trong hay ngoài nhóm đều đồng ý với Soljenitsyne :"Thuyết Mác-xít, và trại giam của nazi hay cọng sản thì cũng một lứa như cha với con ." Triết gia trẻ ngoài nhóm, như Claude Lefort, đã chứng minh trong các sách của anh;"Machiavel, chính trị gia Ý, thế kỷ 15, đã phát hiện trước Marx sự phân chia giai cấp xã hội, nhưng Machiavel không căn cứ vào yếu tố kinh tế như Marx ." Lefort tiên đoán rồi ra "Hegel và Marx sẽ bị vất vào sọt rác". Anh , cũng như nhóm Tân triết , cảnh tỉnh các người Âu châu:" đừng tưởng rằng chính thể độc tài chỉ ngự trị riêng ở Á châu " . Sách của anh , cuốn "Un homme en trop" phân tích rất kỹ tư tưởng chính trị của Soljenitsyne.

Mấy thí dụ vừa kể đủ nói lên ảnh hưởng rộng lớn của Soljenitsyne trong dư luận thế giới tự do và gây luồng sóng công phẫn đối với độc tài cọng sản hay phát-xít và thúc đẩy các triết gia trẻ đi tìm các căn nguyên :các anh đã giật mình khi khám phá các căn nguyên tội ác của độc tài nằm ngay trong tư tưởng Âu châu . Còn dân chúng ít đọc Soljenitsyne hay Tân triết cũng truyền miệng nhau như một 'mốt ngôn ngữ 'mấy danh từ : Le goulag, l' Egocrate. Danh từ Le Goulag lúc đầu dùng chỉ trại giam , sau chỉ định các nước cọng sản mà nhân dân bị kìm kẹp sau màn tre , màn sắt , tước hết quyền tự do du lịch, di cư ,phát biểu tư tưởng chống đối . Danh từ egocrate do Soljenitsyne đặt ra để chỉ chức vị của một chủ tịch đảng kiêm chủ tịch nhà nước, nắm hết độc quyền chính trị, kinh tế, văn hóa trong tay.

LỜI TIÊN TRI CỦA MỘT ÔNG BẦU : MAURICE CLAVEL

Vào ngày 4 tháng 7 năm 1977, nhà văn lão thành có khuynh hướng công giáo , Maurice Clavel , mời tất cả 11 giáo sư thạc sĩ kia, từ các nơi về họp mặt tại nhà riêng của ông, cách kinh thành Ba-lê chừng 200 cây số . Vốn ông vẫn sống dưới bóng thánh đường , viết sách báo trong yên ổn, xa các luồng sóng gió , ông thường trầm tư về chiều hướng thượng của con người . Nhan sách "Dieu c'est Dieu" đủ nói

lên thái độ cương quyết của ông chống những ai mang Thượng đế gán ghép hay dung hòa với Marx ,kiểu Mi-Jesus Mi-Marx (của Garaudy tại Balê hay mấy ông giáo sư tên Trung tại Sài gòn) . Ông tán dưởng cái ý chí độc lập và tự do của Socrate. "Nếu Socrate có sống lại ngày nay dưới chế độ độc tài phát-xít hay cộng sản , Socrate cũng bị giết chết..."Đấy là đại ý của nội dung tập sách ."Nous l'avons tué, ce Juif de Socrate". Sách vừa in xong(1977) M. Clavel ký tên vào, tặng Glucksmann và 11 tân triết gia ..Sau khi trao đổi ý kiến về tư tưởng hiện đại, sau khi kiểm điểm các tài năng đang chớm nở,và hôm nay cùng ngồi vào một bàn với ông , M. Clavel tiên đoán một lời rất khích lệ:" Chỉ trong vòng hai năm nữa, các chú sẽ trở thành các nhà tân tư tưởng hữu danh và các chú sẽ gây ra một làn sóng dư luận phản đối các chính thể dùng quyền bính áp chế con người tự do".

Hai năm ! Đâu có tới hai năm ! Chưa đầy một năm kể từ mùa hè năm ngoái, nhóm đã thành công rực rỡ như hoa nở rộ đầu xuân. Vâng,một mùa xuân thanh bình của triết học, nó sẽ trái ngược với "mùa xuân chiến thắng"1975 ở Việt nam , với mùa xuân đàn áp ở Prague 1968,và cả mùa xuân thất bại tháng 5 năm 1968 tại bờ sông Seine.

Tân triết gia là một nhãn hiệu do các nhà xuất bản dán vào để dễ quảng cáo và các mục điểm sách dùng để cho tiện việc giới thiệu. Thực ra, Glucksmann và 11 tác giả kia không ai tự nhận mình là Tân triết gia . Họ muốn người nào giữ cái cá biệt tư tưởng,cái đường lối chống cộng của người nấy. Họ không muốn bị chặt đầu chặt đuôi để thành cùng làm một"série"cá bỏ vào hộp mang ướp và tải ra chợ bán.

Hồi năm 1960, khi xuất hiện tư trào Cơ cấu học cũng xảy ra một hiện tượng tương tự . Trong khi trong đám sinh viên ai cũng muốn được phong cái chức đồ đệ của phái cơ cấu, trong khi các nhà buôn sách và báo chí quảng cáo rùm beng , thì mấy ông sáng lập,như Lacan , Barthes, Derrida,từ khước nhãn hiệu cơ cấu gia.

Tôi còn nhớ Guy Ladreau——đã soạn chung với Jambet, quyển " L'ange" thuộc về tư trào mới ——đã ,một buổi, giơ hai tay lên trời và than : "Thế nào ? Sao vô lý vậy? Chúng tôi thấy cái nhãn hiệu ấy ghê tởm quá !" Bermard Henry Lévy có sách "La Barbarie à visage humain" bán tới 300

ngàn cuốn, cũng một lời như trên: "Các Tân triết gia ! Danh xưng ấy chẳng nói lên được một ý nghĩa mới nào cả. Nó vẻn vẹn là một thứ mật mã (mot de code) thuận tiện cho dịch vụ thương mãi và phủ lên đầu một nhóm anh em thực ra dị biệt trong các phương tiện chống chủ thuyết độc tài (théorie totalitaire) , thuyết này có tham vọng huỷ diệt tự do tư tưởng ,tự do đối lập tại các nước dân chủ Tây Âu. André Glucksmann -- tác giả của mấy bộ sách triết đứngvào loại ăn khách trong gần một năm -- đã trả lời dứt khoát với một phỏng vấn viên tạp chí Express (1977) như sau : "Tìm đâu ra tân triết gia ? Nếu có , tôi cũng không thuộc vào hàng ngũ đó. Một tờ báo cọng sản đả kích nhóm Tân triết gia và lên án nhóm làm đội quân xung phong của phe hữu . Xin hỏi :Ai sáng lập ra cái tân triết ấy? Hay chính cây bút khiêu chiến kia bịa ra để chụp mũ,để đánh phủ đầu. Cái trò chơi ấy đã lỗi thời rồi, quần chúng ngày nay sáng suốt , không ai chịu để lôi cuốn trên con đường rầy vạch sẵn từ hơn thế kỷ nay bởi "lão râu xồm" (Marx.) Triết là gì ? Là khả năng ngạc nhiên trước thời cuộc , là tự mình suy luận ở nơi mình , là thái độ của mỗi cá nhân chống đối (Le dissident), nó không phải của tập thể hay của tuổi tác . Triết là khả năng của thời đại".

TÂN TRIẾT VỚI CUỘC BẦU CỬ THÁNG 3-78

Triết mới thiết thực và đã có hiệu lực ngay trongmùa vận động tổng t uyển cử Pháp tháng ba vừa rồi. Trước ngày bỏ thăm , thiên hạ khảo nhau phe ta sẽ thắng ở Pháp cũng như ở Ý trước đây. Các kỷ nghệ gia đâm ra sợ các xí nghiệp sẽ bị quốc hữu hóa. Một số sĩ quan Việt nam trước ở trong quân đội Pháp sợ chính phủ tương lai sẽ không có tiền trả lương . Đa số dự định mua vàng, đổi tiền tệ di cư sang Mỹ. Giá vàng theo đà tâm lý trên vọt lên. Các khách hàng thị trường chứng khoán mua vào bán ra, đầu cơ, hồi hộp như vụ chim cút thuở xưa ở nước ta.

Chung cục phe tả thua. Nhà xã hội tâm lý hoc giải thích : " Người Pháp tuy có đầu óc thiên tả, nhưng túi tiền vẫn để kỹ ở bên hữu " Chính khách cho rằng dân Pháp

sợ tái diễn trên đất nước họ cơn ác mộng như ở Ý :khung bố đỏ, kinh tế suy sụp, lạm phátv.v... Có người nghĩ khác "Một phần thất bại của phe tả là khủng hoảng ý thức hệ từ năm 1968. Dưới ảnh hưởng của cao trào Tân triết học, các cử tri trí thức như kỹ sư, luật sư, giáo sư, sinh viên , ký giả ... đã tự mình biết suy luận cho mình đã cân nhắc lá phiếu trong tay ,không dám hi sinh những tự do dân chủ vào một cuộc phiêu lưu bất trắc có thể dẫn mình tới "Goulag" hay dưới gông cùm của một tên Egocrate kiểu Mao hay Staline. Nói khác, Tân triết học đã thành công chống Mác xít, tránh cho nước Pháp cái họa đảng trị ít ra trong bốn năm .. Thành công không xây dựng trên hận thù, trên xương máu đồng bào. Đấy , triết mới đã thiết thực như vậy.

Trong nhóm tân triết gia có những người tích cực hoạt động trong mùa tranh cử . Ví dụ như anh Benoist ra tranh cử với ông Marchais, lãnh tụ đảng Cọng sản Pháp . Trung chọi với đá :ngông thực! Ngông hơn nữa , đáng lẽ đi phát truyền đơn chống đối phương , anh viết trong chớp nhoáng hai quyển sách để cổ động; giới cử tri trong hạt đều sững sốt. Sự kiện khác: cũng cận ngày bỏ phiếu một phóng viên hầm mộ tân triết đến phỏng vấn ông Mitterand, lãnh tụ đảng Xã hội . "À, Tân triết này là một vấn đề có tầm quan trọng . Hãy để cho tôi có thì giờ suy nghĩ." Câu trả lời của Mitterand lại càng nâng cao giá trị của nhóm . Chưa hết : ngoài lề cuộc tuyển cử quốc hội , anh Lévy vẫn ráo riết hoạt động cho triết . Một mặt , anh sửa soạn cho in một cuốn sách nhỏ, loại Tuyên ngôn Cọng sản của Marx. Nhan sách rat khiêm tốn: "La philosophie dans tous ses états",nhưng các đồng chí và các người hâm mộ anh ngóng chờ như một bản tuyên ngôn . Dù sao, chúng ta hãy chờ xem.

TÂN TRIẾT HỌC TRÊN MÀN ẢNH

Mặt khác anh Lévy mời các bạn trí thức và nghệ sĩ màn bạc để cùng nhau chuẩn bị một cuốn phim triết . Cuốn phim sẽ đưa sách"La Barbarie à visage humain"lên màn bạc trong hai tiếng đồng hồ. Ngoài việc trình bày các bộ mặt hung ác phát-xít và cọng sản thế kỷ thứ XX còn xen vào

những scènes lịch sử , như scène ngồi đánh cờ ở Yalta giữa Churchill, Roosevelt và Staline. Lévy sẽ lên đường đi Hong kong và Mỹ thu thập sử liệu và mỗi một số tài tử. Vài tờ báo tiết lộ nhà sản xuất phim hữu danh Graumont sẽ đài thọ, tin này lại câu thêm khách cho tân triết . (Tôi quên chưa nói thêm chi tiết này :Trong khi ứng cử viên triết gia Benoist đi cổ động, có cả mấy bạn giáo sư Việt nam ủng hộ, trong đó có một giáo sư dạy môn kinh tế họ Đào mà báo chí bên Mỹ biết tiếng).

Triết vốn khô khan, trừu tượng , khó hiểu,nay đóng phim chiếu cho công chúng coi trong hai giờ ! Thực là cái ngông đáng mến của tuổi trẻ. Nếu nó thành công, nó sẽ mở ra một kỷ nguyên mới cho sinh hoạt tư tưởng . Và được như thế nó sẽ đúng với định nghĩa của A.Glucksmann "Triết thuộc về thời đại!"

Thời đại chúng ta là thời đại của thông đạt bằng tranh ảnh , âm thanh(mass- media) như máy truyền hình, bích báo, truyền thanh . Trong nền văn hóa đại chúng , triết học cũng phải mang phổ biến sâu rộng bằng thảo luận giữa công chúng, bằng chiếu phim . Khi anh Lévy và các bạn trình bày tư tưởng mới trước hai nghìn thính giả, khi Glucksmann tuyên bố anh đã từng suy luận ngay tại ngoài đường phố , giữa các đám biểu tình, các cụ thủ cựu phe hữu bĩu môi cho là "Đồ triết học ba xu"(Pub - Philo). Nhưng mặc, đoàn xe vẫn theo đà tiến xông lên.. Trước đây, người ta vẽ tranh triết học cho trẻ con (bande dessinée) như câu chuyện triết về cái lưỡi vừa tốt vừa xấu của Esope. Bọn cọng sản cũng phổ biến lý thuyết Mác-xít với tập tranh ảnh"Connaissez - vous Marx ?" Nhưng thành tích vẻ vang vừa rồi là cuốn phim và scénario (nhà sách Gallimard) về đời sống của J.P. Sartre. Tất cả sẽ làm bậc thang thăng tiến cho phim của Lévy.

Triết học thời đại này là triết của đại chúng , nó giải đáp những vấn đề hàng ngày của nhân dân, ví dụ vai trò tích cực chống cọng trong chiến dịch tranh cử, đã nói ở trên. Triết học thời đại là triết đi từ lý thuyết vào đời sống công cộng rồi ngược trở về mang sự kiện lượm lặt được để tự kiểm thảo và tự kiện toàn, vạch những ranh giới minh bạch giữa "chân "và "ngụy", giữa"ảo tưởng"và"thực tế."

Thực tế, bám sát quần chúng phổ biến bằng thông đạt tân thời, đây là ba đặc trưng của Tân triết Ba-lê.

DỊ BIỆT GIỮA CŨ VÀ MỚI

Nó khác biệt hẳn với triết cũ . Triết cũ phôi thai và nuôi dưỡng trong tháp ngà, xa xã hội và dành riêng cho một số người hiểu biết. Ví dụ các triết gia thuộc phái Lão Trang thanh tịnh vô vi, tìm nơi cùng cốc thanh sơn để tồn tâm dưỡng khí, Bergson thơ thẩn dọc nẻo đường vắng người trong dãy núi Massif central và lắng nghe kỳ gian (la durée của dòngý thức đang trôi chảy qua tâm trạng mình . Triết gia Đức, Heidegger đi sâu vào khu rừng Forêt Noire tịch mịch và tự hỏi :"Sao lại sinh ra thiên nhiên và vạn vật hơn là hư không ?"

Tân triết gia vẫn tiếp tục tham khảo nhưng họ biết đọc với một phương pháp mới,một óc phê bình tinh vi từng tác giả . B. H. Lévy vẫn đọc J.J. Rousseau và Nietzsche và hứa sẽ có một thiên phê bình về Nietzsche . JM. Benoist vẫn thamkhảo Heracl ite. Christian Jambet đọc lại Platon và phân định ra hai thứ Platon :một bảo thủ trong sách"Les Lois"và một Platon cách mệnh thần bí(mystique)trong tập"La Republique." Trước anh, các nhà phê bình chỉ nhận thấy có một thứ Platon bảo thủ , độc tài và đã so Staline với các ông vua triết gia phác họa bởi Platon. Anh Glucksmann đã đọc rất tỉ mỷ Hegel và khẳng định :"Chỉ có một Hégel độc tài thôi!" Anh hoàn toàn bác bỏ cái ý kiến các nhà Mác-xít trước anh đã chia ra hai thứ Hegel: một Hegel hữu khuynh và một Hegel tả khuynh ,rồi họ chỉ giữ lại Hegel thứ hai để làm nguồn gốc tư tưởng của cọng sản . Cái mánh lới chỉ nhặt lấy và giữ lại làm các tập văn tuyển nhỹng câu của Hegel, Marx, Lénine là một lối "đánh bạc gian trá " bị tân triết học lật tẩy. Các anh lên án gắt gao những tập văn tuyển như tập"Lénine văn tuyển". Theo các anh ấy, bộ văn tuyển nào cũng tuân theo một thứ triết chính thống và loại trừ những câu trái ngược với ý hệ của đảng. Đọc văn tuyển là đọc những sách ngụy tạo, thiên vy, phản lại tư tưởng gốc của tác giả . Phải đọc thẳng vào nguyên văn và đọc toàn bộ mới trung thực với tác giả mình muốn nghiên cứu . Nhặt vài câu trong"Luận ngữ," trong"Nam hoa kinh"rồi căn cứ vào đấy để đả kích cả toàn bộ tư tưởng Khổng tử là đánh bạc gian, là bịp độc giả , là loè quần chúng..

ĐÔNG TÂY KHÁC NHAU VỀ SÁNG TÁC TRIẾT

Câu chuyện về lai lịch và mấy nét đại cương tân triết

học xin tạm chấm dứt nơi đây .

Chúng ta tạm tổng kết như sau :Tân triết Ba-lê rất mới, mới về hoàn cảnh thai nghén ra nó, mới về cách lập luận trong lòng quần chúng, mới về chiến thuật đấu tranh chính trị, mới về tuổi của triết gia ,mới cả về phương pháp truyền đạt và lối đọc phê bình các dòng triết cũ.

Ở Tây phương , nói chung sáng tác nghĩa là kiến tạo một cái gì thực mới, đoạn tuyệt hay phản ứng lại cái cũ . Không như bên Đông phương ta, "ôn cố nhi tri tân ", nghĩa là làm mới cái vốn cũ hay tổng hợp lại như Tam giáo đồng nguyên hay như Cao đài thờ cả V. Hugo, Emile Zola.

Bên Tây phương, nhìn vào toàn bộ lịch sử triết như đứng trước một phong cảnh trong đó mấy ngọn đồi đứng sừng sững , biệt lập, không liên tục . Kẻ trèo đèo phải xuống chân đèo này rồi mới trèo tới đỉnh đồi bên kia:Một đèo, một đèo, lại một đèo.

Bên Đông phương, trái lại cả giòng lịch sử tư tưởng dài liên tục như một con sông phẳng lặng chảy qua đồng bằng , tuy ngày một dài , một rộng , xa nguồn mà vẫn giữ được bản sắc của nguồn . Kẻ đi sông cứ ung dung đi từ khúc này qua khúc khác, không vất vả lên thác xuống ghềnh.

Có so sánh như vậy mới nhận ra những điểm dị biệt Đông Tây , và sinh viên, khi bước vào cảnh trí của Tân triết học hay của một phái triết học nào khác, sẽ bớt bỡ ngỡ trước những mối mâu thuẫn , những cuộc tranh luận thông thường xảy ra dưới bầu trời triết học Âu châu.

HOÀNG MINH KÍNH

Nhà xuất bản NGƯỜI VIỆT

Các sách hiện còn tại nhà xuất bản:

TRUYỆN KIỀU của Nguyễn Du	giá 3$70
LY HƯƠNG của Võ Phiến và Lê tất Điều	giá 3$50
NGƯNG BẮN NGÀY THỨ 492 của Lê tất Điều	giá 3$70
THỎ CAO TẦN của Cao Tần	giá 2$50
KISSINGER TRONG BẪY SẬP của Phạm kim Vinh	6$20
NGUYỄN VẸN của Võ Phiến	giá 6$50

CON HẺM
mạc tư khoa

● *ILYA EHRENBOURG*

"Trong những nước cọng sản người ta sống như thế nào?" thắc mắc ấy âm ảnh chúng ta từ sau tháng 5 - 1975. Ilya Ehrenbourg là nhà văn lớn của một nước cọng sản lớn ; ông viết về cuộc sống ở Mạc-tư-khoa mười năm sau Cách mạng tháng Mười. Ông cho chúng ta thấy Cách mạng đã dành một số phận ra sao cho những kẻ thánh thiện như Nathalia Henrikhovna, khả kính như vị giáo sư già dạy tiếng La- tinh đáng thương, như anh gù Iousik, vô tội như cô bé Tania Evdokimovna , và đám trẻ lanng thang; và đem đến những gì cho những tên bịp bợm như Sakharoff, Pankratoff v.v...

Ai có thể nói một nhà văn hai lần được giải Staline, một lần được giải Lenine lại vu cáo Cách mạng?

○

Ngôi nhà hai tầng của Pankratoff nằm trong hẻm Prototchni. Nhà cất từ thời ông già của lão ta, cho đến bây giờ vẫn giữ nguyên một màu mơ non . Không hiểu sao, ở đây cứ hễ nằm trong những con hẻm càng bẩn thỉu tối tăm thì loại nhà như thế lại càng tha thiết với màu mơ non. Làm như đó là khuê phòng của những nàng xuân nữ đầy mộng mơ. Thực ra, nếu có ai tò tò cửa nhòm vào nhà sẽ không thấy có cô nào đang mơ mộng cả, chỉ có lão Pankratoff đang đấm đá mụ vợ thọt chân.

Trong xóm nghèo, chuyện như thế không có gì xuất sắc. Có lần một anh bạn tới nhà tôi chơi, ngồi nhìn ra cửa sổ trông thấy một người thợ tay cầm viên gạch đập lên đầu vợ một cách thong thả, đúng phương pháp (!), khoan thai; và hàng xóm xúm nhau giương mắt nhìn, chờ xem giữa người thợ với mụ vợ ai bỏ cuộc trước ! Anh bạn đâm ra ganh tị với tôi : "Xóm cậu có nhiều cảnh hay thật".

Ngôi nhà của Pankratoff sau Cách mạng cũng bị sung công , chính lão ta cũng bị đuổi ra quét đường cẩn thận . Nhưng Pankratoff không phải như ai : lão biết cách xoay trở. Rồi đâu vào đó cả : ngôi nhà lại được trả về, công việc làm ăn của lão lại trôi chảy ro ro. Bây giờ công dân khả kính Pankratoff có cả một cái quầy thực phẩm ngoài chợ bán nào xúc- xích, nào bánh kẹo hiệu "Tháng Mười Hồng ". Tiền bạc lại thu vào đều đều, cất giấu kỹ,Pankratoff lại nhậu nhẹt chăm chỉ.

Ngay trong chuyện cho thuê nhà, Pankratoff cũng tài tình. Vì ngôi nhà ấy ngoài gia đình l ão còn có gia đình Sakharoff nữa : cặp vợ chồng này thuê tầng trên mở tiệm trang phục.

Có ngôi nhà như lão, không khéo cơ thể bị bắt buộc phải thu nhận cán bộ ở trọ, và thế là cuộc sống của chủ nhà tha hồ héo hắt: mình ở nhà mình mà ăn không dám ăn, nói không dám nói, chuyện gì cũng lén lút. Đằng này cho Sakharoff thuê được cả mọi bề : có tiền thu vào, có bạn đồng điệu (bởi vì anh chàng Sakharoff quả thật được việc, thật xứng với lão chủ nhà). Ngoài ra mụ vợ Pankratoff có cô em gái ăn báo cô chưa biết giải quyết ra sao thì lại được ngay chị vợ của Sakharoff thuê, trả mỗi tháng bốn chục đồng rúp.

Vợ của Sakharoff là con gái của nam tước Meinort. Mẹ nàng rất đẹp nhưng mất sớm. Cha nàng đi đây đó, và dẫn cô bé theo, cô độ qua tận Paris. Lớn lên, cô ta trao trọn mối tình đầu cho Sakharoff. Anh chàng có tí ria lơ thơ ở mép, làm thư ký kế toán tại Ngân hàng quốc tế, nhưng mỗi khi xuống xóm vẫn xưng với chị em ta là nhà văn lớn hoặc là chủ nhân bốn chục giếng dầu.

Đố ai cắt nghĩa nổi tình yêu của đàn bà con gái ! Nathalia say mê Sakharoff, thờ kính Sakharoff, đòi lấy hắn ta với bất cứ giá nào. Ông bố bảo: "Nếu mày hư đốn quá, tao chỉ có thể chiều mày bằng cách mướn thằng lưu manh ấy làm bồi phòng." Dù sao, nam tước Meinort đã nhắm mắt đúng lúc, nghĩa là vài tuần lễ trước Cách mạng. Và cô nàng Nathalia một hôm xách va -li tới ở hẳn nhà Sakharoff.

Tám năm trôi qua. Thoạt tiên, Sakharoff bỏ việc nằm nhà ăn vạ. Nhưng ông cụ nam tước Meinort chỉ có cái tước chứ không có tài sản. Những ngày sau Cách mạng cực kỳ khốn đốn. Cô tiểu thư khuê các một mình chạy đôn chạy đáo kiếm miếng ăn: hoặc đi dạy đàn.

hoặc dịch thuê các tài liệu bằng tiếng Đức, bán từng cái coọc-xê cũ đổi lấy củ khoai, đi kép củi chẻ củi, tất tả bất chấp sớm khuya. Anh chồng về sau kiếm được một chân chạy việc ở một hãng quảng cáo, và lại vi vút, đằng điếm, nay cặp cô này mai cô khác, bắt đầu bỏ rơi cô vợ hoa khôi một thời.

Nathalia vò võ một mình chỉ biết vui với đứa con. Mà cái thằng bé Petka là cả một tai họa. Lúc nó lọt lòng, mụ Pankratoff thoáng trông qua đã làm dấu thánh giá, kể như nó đi đời ngay. Nhưng lòng thương yêu và sự tận tụy của má nó vẫn cứu được nó như thường.

Cho đến bây giờ, lên năm tuổi, Petka cứ co giật thường xuyên vàn nói cà lăm cà lặp, tính khí lại khật khùng, cả ngày la cà theo lũ trẻ du đãng ngoài đường.

(Vợ chồng Pankratoff không con. Mụ vợ thường vuốt ve cái dạ con hiếm hoi của mình một cách hài lòng, tự bảo : Không con càng tốt chứ sao? Thời buổi này con cái như của nợ ; Lớn lên nó lang thang, không khéo nó vào đảng và trở về giết cả bố, ích gì !)

Về phần Nathalia, bắt đầu thất vọng về đứa con trai, nàng ao ước có đứa bé gái cho vui cửa vui nhà. Bà chủ tiệm trang phục Komilfo có lúc ngồi tỉ tê thổ lộ tâm sự với Paule, cô gái làm công, tức cô em vợ của lão Pankeatoff. Cô gái đần độn không biết nghĩ sao, thích chí bảo :

– Còn em , em lại muốn anh ấy cho em xin một đứa con trai, một đứa giống hệt như anh ấy cơ.

Nathalia quát :

– Trời ! Mày gan nhỉ! Tao giết đa!

Paule hoảng hốt, thụt lùi vào góc phòng , rên ư ử . Lát sau, Nathalia xin lỗi. Ngay đến lão Pankratoff cũng kính trọng lòng khoan dung, nhân hậu của nàng.

○

Hôm ấy, trong ngôi nhà màu mơ non của Pankratoff xảy ra cả một cuộc đại náo : mụ vợ ôm mặt nức nở, thằng bé Petka khóc rống lên, cô Paule thì quýnh quáng,cứ lặp đi lặp lại :" Vô lễ! Vô lễ!" Ngay đến con mèo cũng nổi tam bành : đứng trên nóc tủ, nó gù lưng ngay đuôi, như sẵn sàng xông tới vồ kẻ địch.

Kẻ địch là một kẻ cắp đã dám cả gan chấp mất cục thịt giăm-bông. Thật là một cục thịt thượng đẳng : năng chục ký -lô. Gia đình Pankratoff thà mất một đứa con còn hơn mất cục giăm-bông vĩ đại như thế. Cơn giận dữ lên tới cực điểm, lão Pankratoff giậm chân hét lên một tiếng:

– Jouravka !

Và lão tức tốc triệu tập phiên họp gia đình để đối phó . Vợ chồng Sakharoff cũng được gọi đến họp.

Jouravka là tên của một trong đám trẻ hiện sống ngay dưới hầm. Trong khi Pankrotoff mở hội nghị ở trên, thì ở ngay dưới hầm tòa nhà ấy tụi trẻ đang thưởng thức cục thịt. Sau năm ngày nhịn đói, thịt giăm-bông quả đáng giá : chung chia nhau, đứa nào đứa ấy ăn cẩn thận, không đánh rơi một chút xíu nào.

Cái hầm nhà ấy, lão Pankratoff đã bít kín cả cửa lớn cửa sổ,tưởng không còn sót một kẽ hở nào. Thế mà bọn du đãng đã đào một cái ngách từ ngoài đường vào hầm : một cái ngách thật hẹp, từng người phải nằm xuống mà bò mới vào lọt.

Cái hầm tối bưng ngột ngạt ấy là sào huyệt của ba đứa trẻ và một ông già . Thằng Tchoub mười bốn tuổi; thằng Kirioucha nhỏ nhất; thằng Jouravka, thủ phạm vụ giăm-bông. Kể ra Jouravka không phải chỉ vồ có cục thịt mà thôi, chính nó đã từng cuỗm năm ký đường và một chiếc khăn quàng của cô Paule trước đây. Cả ba tên tiểu quỉ đều đáng giá : thằng Tchoub đã dám lấy kính vỡ rạch miệng tên cướp khét tiếng Chlepine khi tên này bò vào hầm ; còn thằng oắt Kirioucha tuy bé thế đã móc túi nhanh như cắt.

Tướng cướp Chlepine thì bị rạch họng đuổi ra, kêu trời như bọng, nhưng tụi nhỏ lại thu nhận một ông già:tức vị cựu giáo sư trung học dạy tiếng La-tinh, tên là Oswald Sigmundovitch, đã ngoài lục tuần. Cụ Oswald dạy cổ ngữ trên ba mươi năm, nhưng bỗng chốc cách mạng không xài cổ ngữ nữa, cụ nhất đán thành người vô dụng, thân tàn ma dại, lang thang đi xin từng đồng khắp đầu đường xó chợ. Cụ Oswald Oswald thấy mình như một con chó già : chó già không biết sủa kiểu mới thì chết bỏ, đừng hòng được thương xót.

Ba thằng du đãng chưa từng biết đến ông bà nội, chưa từng được ai kể chuyện thần tiên cho nghe, chúng thấy ông già hay hay, bèn "bảo trợ". Trong hầm, ông cứ nằm khoanh như con chó để giữ hơi ấm. Lâu lâu, ông cụ lẩm bẩm xổ một câu tiếng La tinh; lũ trẻ nghĩ đó là thần chú: Không chừng thần chú ấy có thể biến lão Pankratoff thành con cóc và biến mấy cây cọc ngoài đường thành bầy công chúa xinh đẹp đa ! Nếu thế, thằng Kirioucha nhất định cưới được nàng công chúa trẻ nhất. Tha hồ khoái.

Thằng bé Petka lần la xuống hầm , cũng được lũ trẻ kết nạp và cũng khoái ông cụ Oswald lơ mơ , cổ quái. Nathalia biết con mình bị bọn du đãng lôi cuốn, nàng thù bọn chúng ghê gớm. Nếu không trừ được bọn ấy, trước sau nàng sẽ mất con, mất đứa con duy nhất. Vì vậy nhân dịp này nàng ủng hộ cuộc"tảo thanh"của Pankratoff.

Kế hoạch của Pankratoff là nhân lúc đêm tối, tụi nhỏ rúc vào hầm ngủ yên, đường phố vắng vẻ, hãy lấy tuyết lấp đầy ngách vào hầm rồi đổ nước xuống, nước sẽ đóng băng, tụi du đãng sẽ chết ngạt, êm rớ. Lão yêu cầu Sakharoff giúp một tay. Sakharoff hỏi tại sao không báo cảnh sát mà lại 'ra tay' ? Pankratoff cự nự :

– Ai dại gì đi mời cảnh sát vào nhà chứ hả ? Đời nào lại tự mình rước chó sói vào nhà? Đây là chuyện...riêng của mình mà. Mình "giải quyet" chứ.

Sakharoff vội vàng lĩnh nguy:

– Xin lỗi, tôi bận tí việc phải đi đằng này tí.

Anh chồng chuồn đi rồi, Nathalia lãnh phần vụ đứng trông chừng hàng phố, trong khi Pankratoff tiến hành kế hoạch. Thừa dịp mọi người không ai để ý thằng bé Petka cũng lẻn ra ngoài. Còn Paule, khi chợt hiểu ra mấy đứa trẻ đuổi hầm bị sát hại, đâm hoảng:

– Vô lễ ?

Pankratoff nạt nộ :

– Cấm cái mồm coi nào !

Cùng một ngõ hẻm Prototchni, ở chỗ góc đường Orogonni, có một ngôi nhà khác. Chủ nhà là Leuter, ngoài ra có ba người thuê : Tania Evdokimovna, làm thư ký Prachoff, ký giả viết cho tờ Moscou-Soir; và Iousik, làm nghề kéo vĩ cầm trong rạp chiếu bóng.

Không ai biết do đâu, hàng phố cứ xì xào về đám người ở nhà Leuter, xem họ như hạng khả nghi, cần phải đề phòng. Pankratoff quả quyết Leuter làm Mật vụ; lắm kẻ lại bảo anh ta là đảng viên.

Iousik là một gã nhạc sĩ gù lưng. Trẻ nhỏ trong hẻm đuổi theo chọc ghẹo :" Iousik, anh gù,

Bị đánh trầy khu"...

Mặc kệ, gã mỉm cười, không giận. Gã vốn từ Homel, một miền quê lên đây, ban đêm kéo đàn, ban ngày rảnh rỗi, suy tư... Người xung quanh thấy gã thừa thãi thì giờ, tha hồ nhờ vả. Tania, cô thư ký láng diềng chẳng hạn thường gọi :

– Nè, Iousik! Nhờ anh tí nhé. Anh ra thư viện mượn giùm cho tôi cuốn Kinh tế học của Boukharine, vài cuốn gì đó của Seifoulina, và đổi ba cuốn gì mới mới . Nhé. Tôi bận quá.

Được mà !Iousik sẵn sàng, lúc nào cũng sẵn sàng. Gã ra thư viện, mang sách về cho Tania, rồi sẵn dịp nói với cô bé dăm ba câu. Kể ra, tư tưởng đôi bên không mấy thích hợp nhau : Iousik thì suy tư vớ vẩn ; còn Tania thì chỉ biết mấy món thời thượng, như thơ Maiakovski, như điệu fox-trot v.v... Tania cũng như Nathalia, đều là hạng phụ nữ Nga điển hình, tận tụy hi sinh cho tình yêu. Nhưng

Tania thuộc lớp trẻ hơn , nên ngoài những đức tính cố hữu, nàng còn xun xoe chiếc mũ lưỡi trai của đoàn viên Thanh niên Cộng sản và vài ba mẩu tư tưởng thịnh hành đương thời.

Đối diện Tania, gã không có được những cuộc chuyện trò thích hợp; nhưng cần gì ! Lúc ngủ, gã tha hồ chuyện trò với Tania trong giấc mơ. Trong mơ, gã không rụt rè, không vụng về, không hổ thẹn. Gã kể lể nỗi lòng mình, gã kể chuyện Homel quê cũ, chuyện giòng sông xưa v.v... Cô bé cứ việc yêu người khác, lấy người khác đi : không sao cả. Có cô gái đẹp nào chịu lấy thằng gù ? gã biết thế. Nhưng gã được trông thấy nàng, thế là đủ. Điều ấy không ai ngăn cấm được gã. Gã bằng lòng lắm. Trong mơ, gã tha hồ nói. Tania không cười : Nàng đưa tay vuốt ve âu yếm cục bướu của gã, và cục bướu tan biến nhanh chóng. Rồi từ chỗ ấy mọc ra đôi cánh; và Iousik bay lượn; thức giấc, chạy lăng quăng, lôi cây vĩ cầm ra kéo ni non.

Prachoff nghe tiếng vĩ cầm ấy mãi nhưng không đoán được ý nghĩa nó như thế nào. Prachoff không có thì giờ để nghĩ, để đoán. Anh ta chúi mũi vào trang giấy : mỗi ngày phải cày đủ một trăm năm chục giòng cho tờ báo từ mục kinh nghiệm nuôi chó săn tới mục kinh nghiệm nhiếp ảnh và tin tức thời trang phụ nữ v.v...

Quá nửa đêm anh ta vẫn còn viết. Tới lúc mệt mỏi quá, gục xuống, anh ta đeo đuổi giấc mơ của anh ta : Một năm nữa , Prachoff sẽ trở thành đại ký giả hạng nhất của Mạc-tư-khoa. Anh ta nay đi Ba-tư mai sang Ba-lê; các cô đào khắp nơi đuổi theo đeo dính lấy chàng ký giả tài hoa. Dĩ nhiên , anh ta không chê các cô đào xinh như mộng, nhưng trước hết đại ký giả lừng lẫy giàu sang sẽ đến với nàng. Nàng ? Ai vậy? – Đó là một cô ký tầm thường, một nữ thư ký đánh máy: nàng là Tania !

Iousik biết rõ tâm sự của Pracoff lắm. Gã tán thành ý kiến Prachoff cưới Tania làm vợ, đem lại hạnh phúc cho nàng. Nhưng anh chàng ký giả thật kỳ cục: anh ta mê Tania mà không dám tán tỉnh, lại đem hình đào hát về dán đầy phòng ! Cái gì lạ vậy? Iousik về ra cảnh tượng ái tình thơ mộng;Prachoff cứ nhất định cãi là tình phải có tiền, tình là cuộc mua bán, hễ gặp gái đẹp phải có quà, có nhẫn, có vòng v.v... Prachoff mơ kiếm tiền.

Iousik bảo Tania là hạng thiếu nữ không cần tiền : nàng chỉ cần tình thôi. Prachoff chê gã cổ hủ, ngây ngô.

○

Trong khi ở đằng nhà Pankratoff đang tiến hành vụ sát nhân thì ở nhà Leuter, nàng Tania đón chờ một người tình .

Nhưng đó có phải là người tình của nàng chăng? – Chính Tania cũng không biết. Nàng chưa hiểu được lòng mình. Nàng đã tự nhủ

bao nhiêu lần là đến tuổi này mình không nên ngần ngại, phí quá nhiều thì giờ cho những suy nghĩ về ái tình : hãy đi thẳng vào ái tình, cho nó xong, để rồi còn dồn nỗ lực vào việc xây dựng nước nhà . Trong các cuộc hội nghị, người ta bảo thế.

Tuy vậy mà nàng đã từ chối Prachoff, từ chối anh xếp ở sở, từ chối bao nhiêu người; thế rồi tại sao tự dưng nàng lại nhận lời cho người đàn ông này đến nhà thăm nàng đêm nay? một người đàn ông đã có vợ ? Tại sao vậy ? Có phải vì trong các cuộc gặp gỡ đầu tiên trông hắn "đàng hoàng", không sàm sỡ? Có phải vì hắn có tí ria? Dù sao thì đêm nay tự dưng nàng tự bắt gặp mình bồn chồn mong đợi, đứng ngồi không yên. Nàng đã may một chiếc áo mới chỉ vì người đàn ông này. Nàng mặc vào, ngắm nghía trước gương, xoay người qua lại, có lúc tự hài lòng, có lúc thất vọng.

Mười một giờ đêm rồi mà người đàn ông chưa đến , lạ chưa ! Tania băn khoăn, và Iousik đầy thắc mắc, lo lắng: Gã không bỏ sót một cử chỉ nào của nàng.

Thế rồi vào khoảng mười một giờ rưỡi đêm ấy Iousik trước tiên gặp Sakharoff xô cửa bước vào. Anh ta khoác tay xin lỗi người con gái vì công việc quá bề bộn nên chậm trễ, anh ta đưa tay xem đồng hồ, anh ta đóng cửa phòng cẩn thận, rồi tiến tới ôm Tania trong vòng tay.

Iousik chạy sang phòng Prachoff, thuật lại câu chuyện trời sập. Prachoff vò nát tờ giấy đang viết dở, bảo :

"Thấy không ? Thằng cha Sakharoff có tiền mới được thế, thấy chưa? "

Hai kẻ đau khổ đồng ý kéo nhau ra ngoài đường, đi dạo dưới tuyết một lát cho dịu người . Loanh quanh mãi ngoài trời, rồi Prachoff nghĩ tới một trăm giòng chưa viết kịp cho tờ báo lại lôi gã gù về.

Đứng trước cổng nhà, Iousik tần ngần mãi, không cất nổi chân để bước vào. Tuyết tiếp tục rơi, rơi mãi. Xung quanh trắng xóa, mênh mông; Iousik như không còn hình dáng con người ; gã trông như một đống tuyết nhỏ giữa khối tuyết lớn. Và trong ngôi nhà trước mặt gã, lúc bấy giờ Tania đang khóc . Nàng khóc khe khẽ, âm thầm, khóc suốt đêm. Nàng lắng nghe tiếng đồng hồ đổ mỗi mười lăm phút, tiếng nước nhỏ giọt đâu đó, và lần đầu tiên nàng biết một đêm đông là dài đến ngần nào !

MẤY TRANG NHẬT KÝ CỦA TANIA.

Ngày 18- tháng 2 .

Viết ra , tôi xấu hổ như đứng khỏa thân trước gương. Mà không

viết lại không chịu được. Thực tế thật gớm ghiếc. Hôm qua chàng lại đến nữa. Chàng đòi hỏi, tôi không chịu. Chàng giận dữ, đập nát một cái gạt tàn thuốc. Tôi đành chiều ý chàng. Và mười phút sau, chàng thản nhiên đốt một điếu thuốc, tìm một lý do để chuồn ! Tôi tự hỏi : Thực tế là vậy đó sao ? Như vậy tiểu thuyết nói láo hết sao? Thật không khác gì chuyện giữa chó đực và chó cái. Nghĩ rằng dưới mỗi mái gia đình ở Mạc-tư-khoa này đều xảy ra chuyện ấy, thật tởm. Tôi mong tôi là nạn nhân duy nhất, một biệt lệ trên đời.

Ngày 8 tháng 3.

Mấy bữa rày, P... tấn công tôi. Như thế là thế nào? Có phải bây giờ thiên hạ nghĩ rằng tôi chấp nhận bất cứ ai? Thật ra P... không phải người xấu; P...hơn S... Nói năng thì cộc cằn, nhưng trong bụng sạch sẽ hơn. Tôi nhất định cấm cửa S...

Ngày 18 tháng 3 -- Lúc 2 giờ sáng.

S...vừa đi khỏi nhà . Tôi đã thề không cho chàng vào nhà, rốt cuộc tôi vẫn để chàng vào. Mọi sự bắt đầu đã khó, mà chấm dứt càng khó hơn. Chàng nói yêu đương này nọ . Tôi biết đối với con người ấy, yêu đương là chuyện xảy ra mười phút, thế thôi . Đơ dáy quá ,mà tôi không biết thoát ra cách nào. Bỏ S..., có lẽ lại sa vào tay P.... hay một người khác. Tôi như chiếc ghế công viên, kẻ này bỏ đi người khác thay vào. Tôi muốn tập uống rượu cho say.

Ngày 22 tháng 3.

Ngày hôm kia P... mời tôi uống rượu . Tôi uống , và càng buồn thêm. Chàng ta hôn tôi, tôi không từ chối. S... hay P..., cũng thế thôi. Vậy giờ thật ra tôi là một con điếm .

Ngày 6 tháng 3.

Iousik cứ triết lý hoài, tôi chịu hết nổi. Hôm qua tôi dạo một vòng với P... Tôi chán cả S.... lẫn P. Chán mọi người . Vĩnh biệt tuổi trẻ!

O

Tuyết tan. Mùa xuân đến, tưng bừng ..Mọi người trong con hẻm đều đổi mới. Nữ công dân Leuter mừng xuân với cái bụng cao nghệu, khiến ông chồng ngán ngẩm : đàn con lóc nhóc đã thành đội ngũ đông đảo rồi, chưa đủ sao chớ? Các bà các cô lăm đốm, đặt may mũ mới thay thế mũ da mùa đông, bà nam tước Nathalia bận rộn bù đầu . Anh chồng Sakharoff thì mở cuộc săn gái mùa xuân,biến biệt suốt ngày suốt đêm. Thằng Petka sáng đi tối về, mang về những vết bầm đầy người, quần áo tả tơi.

Lão Pankratoff bán chác khá . Có kẻ đến lăm khó để về vấn đề vệ sinh thực phẩm , nhưng lão ấu cho một hộp trứng cá 'hảo hạng',

thế là êm xuôi. Năm nay lão đã gần sáu mươi, nhưng người lực lưỡng, khỏe mạnh; lão cảm thấy mùa xuân rạo rực trong cơ thể mình. Quẩn mãi với mụ vợ thọt, chán muốn chết; mà đuổi theo gái thì tốn kém, phiền phức. Một hôm, mụ vợ đi vắng, lão túm lấy dì Paule. Cô gái phản đối:

– Vô lễ? Coi chừng, chị ấy...

– Câm cái mồm coi nào!

Cô nàng vẫn mơ tưởng một bộ ria. Trong vòng tay Pankratoff cô ta vừa đau vừa hoảng, nằm ngoắc cả mồm ra. Đến lúc lão ta song xuôi, đứng dậy sắp sửa ra ngoài tiệm, Paule vẫn còn nằm ngửa, há hốc. Lão vứt ba đồng rúp, bảo:

– Đồ ngốc, có ngậm miệng lại không nào? Liệu đừng có bép xép!

Cô nàng cầm ba đồng, mua một trái tim mạ bạc, đeo vào cổ, tưởng tượng là quà tặng của chàng, của Sakharoff.

Còn Pankratoff, lão có vẻ hài lòng, bỏ qua vấn đề một cách nhanh chóng. Lão lo vui xuân: ăn kỹ, nhậu kỹ. Ôkhu phố này có ai được như lão? Người ta chồng chất hai chục mạng vào năm phòng; trong khi nhà lão thênh thang. Lão biết cách xoay trở mà. Lo gì? Lão nhậu kỹ, rồi lăn quay ra ngủ. Thình lình, lão giật mình, nghe có tiếng động dưới hầm; lão hoảng hốt đánh thức mụ vợ dậy: "Ối giời ôi! Quân sát nhân! Cứu tôi với!" Lão thấy thằng Jouravka chết nhạt lè lưỡi ra, đuổi theo lão. Lão bò lê bò càng cố trốn. Mụ vợ và Paule phải vất vả mãi mới khiêng lão được lên giường.

○

Mùa này Sakharoff cần đóng một bộ đồ mới; phải có một bộ đồ mới toanh mới được. Lấy tiền đâu ra? Lại chị vợ! Chỉ có một chỗ ấy để moi tiền.

Hôm ấy anh ta thi hành thủ đoạn, đến bên vợ, tươi cười bảo:

- Nay anh rảnh, em muốn đi coi hát không? Anh có sẵn mấy cái vé.

Nthalia hớn hở hẳn lên như do phép lạ. Đã tám năm rồi, nàng chưa bước vào rạp hát. Sân khấu, hát xướng là chuyện của một thời vàng son xa lắc xa lơ! Sakharoff không ngớt làm khổ nàng, và phải thú thực là anh ta quả có phần dễ tiện, nhưng dù sao vẫn là người chồng thân yêu của nàng.

Nàng nắm tay chồng, kéo lại gần, sửa nắn lại cái nút cà-vạt. Rồi hai người, tay nắm tay, cùng ra đường. Chuyện lạ xảy ra sau bao nhiêu năm trời, bà con hàng xóm tha hồ bàn tán!

Thế rồi vừa đi đến một góc đường, họ suýt cụng đầu với Tania. Cô bé đứng trân ra. Chiếc cà-vạt của Sakharoff run lên khe khẽ.

bộ ria mép dựng đứng lên. Rồi anh ta trấn tĩnh trước tiên, lên tiếng:

– Xin giới thiệu : Đây là nhà tôi , còn đây là cô Evdokimova, một cô bạn đồng nghiệp.

Hai người đàn bà đưa tay ra bắt tay nhau với dáng điệu như thể đưa tay nắm cái cán chảo nóng bỏng. Sakharoff nói tiếp:

– Cô bạn đánh máy khá lắm: tám trang một giờ đấy. A, mà cô đi đâu lạc vào xóm này? Cô có cô bạn nào ở xóm này chắc?

– Vâng.

Đến đây Nathalia thấy rõ mình đang bị làm trò đùa . Nàng xông lại trước mặt Tania, giọng nàng lạc đi:

– Cô đừng tưởng tôi chưa biết gì. Chồng tôi kể hết mọi chuyện với tôi rồi. Tôi có ghen là ghen với người tử tế kia chứ không ghen với một con điếm . Thôi , đi chỗ khác kiếm khách đi. Sakharoff, chúng ta đi kẻo trễ hát anh.

Anh chàng lẻo đẻo bước theo vợ, điếng người. Thế là hỏng việc hết trơn. Chị vợ quay về nhà, không thèm xem hát nữa. Về tới nhà, biết là gì đi nữa thì cũng đi đời bộ đồ viá, vô phương cứu vãn, anh ta hăm dọa:

– Cô bêu riếu tôi quá lắm, tôi hết chịu nổi. Tôi sẽ dọn đi ở nơi khác. Còn cô ở đây mà cặp với lão Pankratoff. Hai người xứng lắm.

Nathalia nhìn thẳng vào mắt anh ta, lạnh lùng nói:

– Anh tưởng anh thoát được tôi sao? Tôi sẽ giết con nhỏ đó. Tôi thề sẽ giết nó. Tôi không tin Chúa, tôi không ngán tù tội, không có gì ngăn cản tôi được cả . Tôi đã hi sinh một đời vì anh, tôi không buông anh dễ dàng như vậy đâu.

Sakharoff run lên..Anh ta thụt lùi ra cửa; trước khi chuồn đi còn dọa dẫm:

– Coi chừng. Tôi báo cáo với cảnh sát. Người ta bỏ tù cô cho mà xem .

Cửa phòng đóng lại, anh ta phân vân: Đi đâu bây giờ ? Lại đàng nhà Tania thì chắc chắn là nàng không cho vào. Chợt anh ta nghe tiếng Paule thỏ thẻ sau lưng:

– Anh , vào đây kẻo lạnh, anh !

Đành vậy, biết đi đâu bây giờ ! Sakharoff bước vào căn buồng chật hẹp của Paule, anh ta tắt ngọn đèn để khỏi trông thấy nụ cười khiếp đảm của cô ta.

Tania đêm hôm ấy không về nhà . Nàng lang thang hết ngõ nọ đến đường kia. Nửa đêm, đường sá vắng dần. Những tên say rượu lần lượt bị tóm đưa về bót hoặc vùi đầu ngủ khoẻo; bọn du đãng cũng ngủ trên các ghế ven đường. Người con gái vừa đi vừa hồi tưởng lại những việc đã xảy ra. Đối với Nathalia, nàng không thù hận, chỉ thấy xót thương, mà thôi :Nathalia có lý, nàng quả là một con điếm.

Nàng thoáng thấy Prachoff, nhưng anh ta không trông thấy nàng: Có lẽ anh ta bận lo nghĩ về trăm giòng còn phải viết cho tờ báo.

O

Prachoff bước vào sòng bạc với năm đồng rúp; từ sòng bạc ra, anh ta có trong túi hơn bốn trăm ! Lần đầu tiên, anh ta trúng lớn, kể từ ngày lên Mạc-tư-khoa.

Hồi còn ở tỉnh, kể ra Prachoff đã có thời oanh liệt . Bảy tám năm về trước, chàng thanh niên ấy làm cách mạng, hét ra lửa, muốn bỏ tù ai là bỏ tù, cả tỉnh ai cũng ngán. Sau đó, vì một câu chuyện đàn bà, anh ta bị loại ra ngoài vòng chính trị, quay ra làm thơ. Ở cái thị xã Atkarsk của anh ta chẳng có thi sĩ nào, cho nên một kẻ biết gieo vần tha hồ cắm sừng lên đầu thiên hạ. Thế rồi từ Atkarsk đến Mạc-tư- khoa, anh ta đến tòa báo nào nói đến thơ cũng bị từ chối lia lịa. Rốt cuộc, được thuê viết những bài lăng nhăng về đủ các thứ vấn đề linh tinh, tính giòng chữ ăn tiền . Một gã ký giả như thế được phép mơ tưởng tất cả các nàng mình tinh trên đời, nhưng chỉ có thể cặp bồ với một cô thư ký trong tòa báo.

Bống dưng có bốn trăm rúp trong túi là cả một biến cố. Thôi thì nhậu nhẹt tưng bừng, men vodka làm váng cả đầu, diện ngay một bộ côm-lê mới tinh, sắm cho cô bồ một cái xắc v.v... Kiểm điểm lại. Prachoff thấy mình đã đạt được nhiều điều mơ ước , ngoại trừ... cô láng diềng!

Anh chàng loay hoay suy nghĩ : Không biết thằng cha Sakharoff tốn cho nàng bao nhiêu? Chắc nhiều tiền đa. Mình đang có một món lớn, thua gì nó?v.v...

Một kẻ đầu ốc cạn cợt phù phiếm như Prachoff không thể nào hiểu nổi tâm lý của Tania. Vả lại bây giờ anh ta cũng quên hết cả thơ phú, không còn nhớ rằng một con tim thiếu nữ có thể rung cảm vì câu thơ đẹp.

Prachoff chọn mua một chiếc nhẫn có nạm ba viên ngọc thạch thật xinh xắn. Và anh ta cảm thấy đầy tự tin. Anh ta mời Tania đi ăn ở một tiệm sang trọng, tiệm Le Toit. Người con gái không từ chối : Từ chối làm gì? Đi với anh ta không hơn là nằm nhà để Sakharoff có thể sồng đến bất ngờ sao?

Ngồi vào bàn, Prachoff kêu rượu, kêu món nọ món kia, ăn uống ngon lành, nhìn bọn vũ nữ múa may trên sân khấu, trong khi người con gái thấn thờ lơ đãng, nét mặt nguội lạnh như pho tượng nặn bằng sáp. Đêm đã tàn, trời đã bắt đầu ngả về sáng, hai người vẫn không bắt chuyện nhau được. Một đôi lần Prachoff muốn nói cho Tania nghe về

thời kỳ anh ta còn lầm thơ, về một khía cạnh khác hẳn cuộc đời hiện tại, nhưng anh ta ấp úng không ra lời. Và anh ta liếc thấy một giọt lệ lăn trên gò má người thiếu nữ...

Rồi họ lặng lẽ đứng lên ra về.

Vào căn buồng của Tania, không hiểu sao anh chàng muốn vùi xuống, hoặc ngủ hoặc khóc nức nở như một đứa trẻ. Nhưng mà rồi cái gì phải xảy ra đã xảy ra. Người con gái vẫn một vẻ hững hờ, mệt mỏi, cô đơn, không hưởng ứng. Dù sao, khi đã xong, Prachoff cúi xuống đặt một chiếc hôn dịu dàng lên đôi mắt nàng thì Tania vẫn nhìn chàng thanh niên với vẻ biết ơn và thầm nghĩ: "Giá mình không quá nâu nề, giá mình còn có thể yêu đương, chắc mình sẽ yêu anh ta. Nhưng anh ta có biết đâu! Anh ta cứ tưởng mình đối với anh ta cũngnhư đối với Sakharoff."

Giữa lúc ấy, Prachoff sực nhớ tới chiếc nhẫn. Anh ta vội vàng lấy ra, xỏ vào tay cô gái. Thoạt tiên nàng chưa hiểu. Rồi lúc nhận ra là anh chàng có ý trả tiền cuộc tình vừa qua, nàng phát lên cười, cười ghê rợn:

– Cái gì vậy? Anh đùa đấy hả?

Prachoff ngượng nghịu:

– Có gì đâu... Để đáp lại, anh không thể tặng em một kỷ niệm sao?

Tania chồm dậy, rút chiếc nhẫn vứt xuống đất, hét vào mặt:

– Sao anh không vứt cho tôi mấy tờ bạc cho xong? Trời ơi là trời!

○

Người con gái nằm trơ ra như cái xác không hồn, một mình, trong căn phòng vắng vẻ.

Bỗng có kẻ rón rén mở cửa. Một bộ ria lố vào rụt rè, sợ hãi. Sakharoff sợ bị nàng quát đuổi, sau biến cố đụng đầu Nathalia. Nhưng không, không ai quát đuổi cả. Tania bất động, như không hề trông thấy gì. Mãi đến lúc anh ta mon men đến bên cạnh giường, toan cúi xuống, nàng mới lạnh lùng nói;

– Nếu anh động đến tôi, tôi la lên, người ta kéo tới ngay.

Sakharoff khoa tay múa chân, phân trần:

– Em giận anh đấy hả? Em không biết anh khổ vì em đến chừng nào. Em chỉ gặp con đàn bà ấy ba phút đã thế, anh phải sống với nó bao nhiêu năm trời. Em biết cho: chỉ vì đứa con. Bây giờ anh dứt khoát. Lúc nhận được tiền anh sẽ thuê nhà sống hẳn với em. Người ta còn thiếu anh một món tiền lớn, nhưng chưa thanh toán được vì một lý do chính trị. Em biết chứ? Cho nên anh đang túng...

Tania bảo:

– Kìa, cơ chiếc nhẫn dưới đất kia. Anh lấy đi bán mà xài.

Sakharoff bò sát đất tìm nhặt cái nhẫn, nói vài câu từ chối lấy lệ, rồi mở cửa chuồn êm.

Anh ta đi xong, tự dưng Tania bật cười lanh lảnh, cười như điên như dại, thò đầu ra ngoài cửa sổ, gọi ;

– Iousik, Iousik! Vào đây, tôi kể cho nghe một câu chuyện hay lắm .

Gã nhạc sĩ gù xách cây vĩ cầm chạy đến , sửng sờ nhìn vẻ mặt bất thường của thiếu nữ. Tania bảo:

– Bộ tôi có gì lạ lắm hả? Có gì đâu! Đêm qua Prachoff ngủ với tôi, trả tiền cho tôi bằng chiếc nhẫn . Tôi đem chiếc nhẫn ấy cho lại Sakharoff và kể cho hắn nghe chuyện đêm qua : Sakharoff vẫn bỏ túi chiếc nhẫn như thường. Ha ha!

Người con gái lại phát lên cười khanh khách. Gã gù Iousik ngồi khóc. Một lát sau, Tania bảo gã tìm cho nàng một liều thuốc ngủ, gã cuống quít:

– Không, cô ơi, Tania ! cô không thể chết như thế. Tôi sẽ làm một con chó trung thành canh giữ cô, tôi không để cho một thằng đàn ông nào bén mảng đến làm khổ cô nữa . Cô có một bà chị, tại sao cô không về sống với bà chị? Cô sẽ gặp một tâm hồn cao thượng xứng đáng , cô sẽ lấy chồng, sống hạnh phúc . Còn tôi, tôi đã có hạnh phúc rồi; được trông thấy cô là hạnh phúc rồi. Tania ! cô không được tuyệt vọng...

Thấy Iousik quẩn quại cuống cuồng, Tania an ủi:

– Tôi nói đùa đấy mà. Đừng lo.

Nàng nhìn ra bầu trời u ám , đôi mắt thẫn thờ.

○

Độ này Iousik tàn tạ ghê quá. Gã bị mất việc tuần trước. Đôi giày của gã đã tự động biến thành đôi dép từ lâu, bây giờ đôi dép ấy lại sắp thiếu gót. Gã hận đời, đi dạo một chút xả hơi.

Trông thấy một người có vẻ buồn bã ngồi "hóng mát" bên đường, gã nghĩ là kẻ đồng điệu, tỉnh lại gần tâm sự . Người kia sợ hãi:

– Nè công dân, luận điệu bi quan có thể đưa công dân vào trại khổ sai Tây-bá-lợi-á đấy nhé.

Iousik bỏ đi, gặp một lão ăn mày. Kiểm điểm trong túi còn một rúp rưỡi , gã cho lão một rúp, còn lại nửa rúp mời lão vào quán tán gẫu chơi. Chủ quán trông bộ dạng hai ông khách, đòi trả tiền trước mới chịu mang la-ve ra.

Lão ăn mày tự giới thiệu : Oswald Sigmundovitch, cựu giáo sư La-tinh trường trung học. Đôi bên vừa uống vừa trao đổi tư tưởng .

Iousik tha hồ triết lý trên trời dưới đất, cựu giáo sư Oswald thì thuyết về các động từ bất qui tắc. Mạnh ai nấy nói, vô cùng hào hứng, cảm khái. Cho đến khi chủ quán lên tiếng nhắc:

– Thôi, đủ rồi. Uống xong, xin mời đi chỗ khác chơi.

Ra đường, một già một trẻ lại tiếp tục luận đàm thế sự, như một cặp tri kỷ tự bao giờ. Cứ thế họ ra rít suốt đêm , cho đến sáu giờ sáng hôm sau mới chia tay.

Iousik về nhà, đi ngangqua trước phòng Tania, thấy cửa phòng mở toang. Gã nhớ lại cái lần nàng muốn tìm thuốc ngủ, gã xông vào phòng,chạy trước chạy sau không tìm thấy nàng đâu cả. Gã hoảng hồn kêu la :

– Chắc cô ấy nhảy sông tự tử ! Chết rồi, tôi chắc cô ấy ngay rồi !

Ban đầu không ai lấy làm quan trọng. Mãi tới chiều vẫn không thấy Tania về, mụ Leuter đã bắt đầu lo lắng . Còn Iousik,vừa thoáng thấy Prachoff, gã chỉ ngay vào mặt :" Chính anh này giết Tania !"

Bà con trong xóm thì không nghi ngờ Prachoff mà chỉ đổ cho Nathalia. Còn ai vào đấy nữa ? Có thể là Mật vụ bắt,có thể là tự tử ngoài sông Moscova v.v... Nhưng giả thuyết Nathalia vẫn có lý hơn cả : Thì chính thiếu phụ này đã đôi nhất định giết cho kỳ được cô bé; một khi đàn bà đã nổi ghen lên thì có việc gì mà họ không làm?

Tự dưng không ai thấy bóng Sakharoff đâu cả. Thoắt cái, anh ta biến đi đâu mất.

O

Sakharoff hay tin muộn nhất. Suốt ngày anh ta chạy rông . Mãi chiều tối, vừa ló đầu về, anh ta gặp ngay Paule. Cô nàng thì thầm:

– Con nhỏ của anh mất tích rồi !

Sakharoff tỉnh bơ. Đối với anh ta, Tania kể như hỏng;cái quan trọng bây giờ là làm thế nào làm lành với vợ để tiếp tục moi tiền. NhưngPaule đá ói tiếp :

– Này! Không chừng chính Nathalia ra tay đó mà !

Sakharoff lạnh xương sống. Dám lắm . Nathalia dám liều lắm. Mà vụ này vỡ lở ra thì Sakharoff bị dính lây : tù đày, khốn khổ, tan đời.

Anh ta vừa bước vào phòng vừa run. Anh ta vừa đốt điếu thuốc để tự trấn tĩnh thì Nathalia đã chạy lại ôm quàng, cười toe toét :

– Anh nhỉ, thế là yên. Bây giờ chúng ra có thể trở lại sống yên lành với nhau anh nhỉ. Em sẽ đưa tiễn anh đóng bộ côm-lê. Em vừa mới nhận được món tiền...

Kìa, cơn vui đột ngột thật khả nghi. Sakharoff nhìn sững vợ rồi vội vàng đứng lên tháo lui ra đường. Anh ta đi như đứa mất hồn,

vừa đi vừa moi óc tìm cách chối tội.

Ngẫu nhiên anh ta sực nhớ lại chiếc nhẫn nằm trong túi, cái tang chứng rành rành về vụ ái tình tai họa. Chiếc nhẫn ấy, anh ta đã tìm chỗ bán lại suốt ngày mà chưa được giá; bây giờ phải phi tang lập tức.

Một lão ăn mày già nằm ngủ khoèo ở góc đường. Sakharoff nẩy ra một ý kiến: Anh ta rón rén bỏ chiếc nhẫn vào cái mũ lưỡi trai của lão vất bên cạnh.

Cất xong mối lo, anh ta lấy tay áo quệt ngang chùi mấy giọt mồ hôi rướm trên trán, rảo bước đi ngay.

Nhà chức trách, sau khi nhận được khai báo, có đòi cả Nathalia, Prachoff lẫn Sakharoff đến hỏi, nhưng không thấy có gì đáng chú ý, nên nội vụ được bỏ qua..Nhưng trong gia đình Sakharoff thì câu chuyện vẫn cứ còn đó giữahai vợ chồng. Thoạt tiên Nathalia nghĩ rằng từ nay nàng thu hồi được người chồng, nàng có thể sống vui vẻ. Nhưng mỗi khi thiếu phụ nói một câu thân mật với chồng, nàng để ý tự dưng anh chàng lo lắng sợ hãi, đánh trống lảng, kiếm chuyện khác nói quanh, hay kiếm cớ lỉnh đi mất.

Dần dần nàng hiểu : Thì ra Sakharoff yên trí nàng đã giết Tania ! Anh ta cho rằng nàng đã khéo giấu nhà chức trách, nhưng biết đâu trong những lúc thân mật lại không có lúc vui miệng mang ra thú thực với chồng ? Ôi trời, nếu có thể thì anh ta sẽ lâm vào hoàn cảnh hết sức thảm thiết , sẽ bị "dính". Vì thế anh ta đâm sợ những phút gần gũi với vợ.

Từ khi biết ý chồng như thế , một niềm cay đắng sâu xa ngấm vào tâm hồn Nathalia. Không hiểu sao, ý tưởng ấy làm cho nàng hoàn toàn đổi khác :người đàn ông ấy đối với nàng không còn như xưa nữa. Mối tình một đời của nàng đã chết. Cuộc sống của nàng rỗng tuếch, vô nghĩa.

Nàng chỉ còn có một đứa con, nhưng Petka độ này theo tụi du đãng, suốt ngày nàng không thấy bóng dáng nó đâu nữa. Nhưng, ơ kìa ! hôm nay tình cờ thằng bé lại đang nằm nhà. Nó ngủ khoèo. Thiếu phụ chạy đến, ôm đứa con, hôn lấy hôn để, nói tíu tít:

– Petka ! Petka của mẹ, Me chỉ còn có con. Thôi ,mẹ con ta đi với nhau.

Thằng bé thức giấc cãu nhàu :

– Con không đi .

– Con nói gì thế ? Con đi với mẹ chứ. Con là con của mẹ mà...

– Không. Con biết rồi. Mẹ là một kẻ giết người .

Petka bật lên khóc. Còn Nathalia, nàng không khóc. Nàng không còn khóc nổi; nàng ngã xuống sàn bất tỉnh.

O

Ở đằng nhà Leuter, bây giờ Prachoff sang ở chung phòng với Iousik. Hai bên cảm thấy gần nhau.

Iousik chỉ kiếm được chút ít, còn Prachoff thì đột ngột bỏ việc. Anh ta không lai vãng các tòa báo nữa. Sau biến cố Tania, anh ta tự dưng nằm lì ở nhà, và trở lại với các vần thơ như với một căn bệnh cũ. Làm thơ chán, anh ta xoay ra viết truyện. Viết rồi bỏ đấy, không cho một ai xem.

Prachoff nhận thức được điều mỉa mai : Tình yêu đối với Tania! Ngày nàng còn ở bên cạnh, anh ta lại thản nhiên lang chạ với con mẹ thư ký tòa báo; bây giờ nàng vĩnh biệt, anh mới thấy rõ tất cả cái thâm tình của mình. Gợi lại trong trí từng kỷ niệm, Prachoff ân hận đã giết chết mối tình trong cái đêm dại dột nọ : Phải chi anh ta sớm hiểu nàng, phải chi anh ta tế nhị hơn đối với nàng, anh ta đừng xoè chiếc nhẫn ra !...Prachoff càng nghĩ càng đau đớn, anh ta uống rượu lì bì.

Một buổi chiều, Prachoff loạng choạng về phòng, tay còn xách theo một chai rượu, trông thấy đã có một ông già ngồi đấy tự lúc nào. Anh ta hỏi :

– Nè, công dân kia, lẩm gì ngồi đây ?

– Tôi chờ bạn anh về . Nếu anh muốn đuổi thì tôi đi vậy.

Không, Prachoff không thiết đuổi ai cả. Ông già nọ chính là Oswald Sigmundovitch, cựu giáo sư tiếng La-tinh. Dạo này mỗi ngày lão mỗi thân với Iousik. Ngẫu nhiên gặp Prachoff, một bên say sưa một bên cuồng chữ, họ gấu ó xỉ vả nhau, rồi xổ sách vở chữ nghĩa với nhau, rồi bất ngờ một câu nói vô tình của ông già động tới mối thương tâm của chàng thanh niên. Chàng mếu máo :

– Ông là người may mắn, ông già rồi. Còn tôi, tôi phải sống . Tôi gặp người con gái tôi yêu nhưng tôi đã hụt mất nàng . Hạnh phúc không có ở đời, ông biết chứ ? Đó chỉ là một chữ trong tự điển mà thôi.

Ông lão cất tiếng ôn tồn :

– Tôi thương hại anh. Anh bi quan quá . Tôi muốn kể cho anh nghe một câu chuyện xưa, một câu chuyện về tình người. Một đêm, có một ông lão hành khất nghèo xỏ xác không xu dính túi nằm ngủ cong queo bên vệ đường . Đói khát và buồn rầu, ông lão nguyền rủa số phận, nguyền rủa loài người, trong giấc mơ. Lúc ấy có một người con gái đi ngang qua, nàng động mối từ tâm, mở ví tìm kiếm :ví trống trơn, vì nàng vốn nghèo. Người con gái liền rút chiếc nhẫn đang đeo trên tay, nhẹ nhàng bỏ vào mũ ông lão. Ông lão thức giấc, bắt được chiếc nhẫn; dù đang đói, cũng không nỡ bán nhẫn để ăn...

Prachoff cười chế nhạo. Ông lão không nói thêm một lời, lặng lẽ rút từ trong túi ra một chiếc nhẫn, đưa cho anh ta xem.

Chàng thanh niên sửng sờ. Cơn say vụt tan biến đâu mất. Bao nhiêu ý tưởng thoáng qua đầu : Có phải ông lão này đã giết Tania để đoạt món nữ trang ? Có phải chính nàng đã làm một cử chỉ từ thiện cuối cùng trên đường đi ra sông tự trầm. Ừ nhỉ, nếu quả ông lão giết nàng thì dại gì ông ta lại đưa nhẫn ra khoe ?

Prachoff run rẩy, lắp bắp nói :

– Đúng rồi . Chắc Tania đã biếu ông trước khi đi chết . Tôi ...chính tôi đã giết nàng.

Ông lão cầm lấy bàn tay anh ta . Đôi mắt rướm lệ, ông ta nói:

– Khi được chiếc nhẫn này, lần đầu tiên trong đời tôi được biết tấm lòng nhân ái của đàn bà. Nhưng thôi, anh hãy giữ lấy. Giữ lấy để mà nhớ lại khuôn mặt yêu thương và bàn tay đã từng đeo nó. Anh còn trẻ, anh sẽ giữ lâu. Còn tôi, chắc gì sống được mấy lăm ngày mà giữ ?

Trao chiếc nhẫn vào tay người thanh niên, ông lão già thong thả bước ra khỏi phòng.

O

Khuya ấy, ông lão lần mò ra bờ sông Moscova, tìm một chỗ ngủ.

Tay chân ông đau đớn. Chắc lại chứng tê thấp chứ gì ? Nhưng cơn quả tim, sao bỗng dưng quả tim hôm nay lại đập một cách kỳ cục thế nhỉ, lại đau nhói ?

Ông lão nghĩ đến cái hầm ở dưới ngôi nhà mầu mỡ non, nghĩ đến những đứa trẻ bây giờ đã biệt tăm... Học trò và bạn bè ngày xưa đã mất, rồi căn hầm và lũ trẻ du đãng cũng mất nữa. Chỉ còn mình ông bơ vơ bên bờ sông, dưới bầu trời lấp lánh ánh sao.

Ông lão không nằm nghiêng được như thường lệ, mà phải ngửa ra, nhưng quả tim vẫn nhói đau. Ông lão nghĩ đến gã bạn gũ lủng, đến chiếc nhẫn, đến người con gái mà ông vừa biết tên Tania... Cuối cùng, tim ông ngừng đập : vị cựu giáo sư La- tinh, tức lão ăn mày, tức ông cụ già của đám trẻ du đãng đã tắt nghỉ.

O

Trong khi ấy ở đàng nhà Pankratoff lại xảy ra một câu chuyện rắc rối nữa . Số là đi Paule tự nhiên phát chứng nôn oẹ. Mụ Pankratoff ngắm nghía cô em cẩn thận, rồi kéo ra chỗ vắng, tra hỏi :

– Nè, Paule. Mày tưởng tao không hay biết gì cả sao ? Mày là một con cọng sản mà , tao sẽ mách với ông ấy, rồi ổng cho mày nhừ đòn một trận cho mà xem. Dù sao mày cũng là em của tao , tao muốn giữ gìn cho mày. Nhưng trước hết mày phải thú thực : cái thai trong bụng mày là của ai ? Hả ? Nói ngay cho chị biết để chị tính kế nào.

Khổ quá. Paule há hốc mồm ra. Thật tình cô ả cũng không biết

là của ai : có thể của ông anh rể, có thể của Sakharoff . Tố cáo ông anh rể thì bị đòn, mà tố cáo "chàng" thì tội nghiệp cho chàng biết chừng nào. Không, dù chết cô ả cũng phải bảo vệ người yêu lý tưởng.

Paule vừa thốt cái tên Pankratoff ra tức thì bị mụ chị túm lấy dấm đá liên hồi, đánh cho tới lúc chị mệt hổng hộc còn cô em thì quay lơ nằm khóc ti tỉ.

Sau cùng mụ Pankratoff nghĩ ra lối thoát : dẫn Paule tới nhờ mụ Chramtchenko ra tay: gì chứ phá thai là nghề của mụ. Xong rồi , tống ngay cô em về ổ với mẹ để phòng hậu họa.

Lão Pankratoff không hay biết gì ráo. Khi thấy Paule xách gói về nhà mẹ, lão khệnh mụ vợ mấy cán dù, rồi thôi.

Ở tầng trên, cảnh nhà Sakharoff mỗi ngày mỗi tệ. Khách hàng không chịu đến với Nathalia nữa : ai nấy yên trí nàng là một kẻ sát nhân , cần xa lánh. Vợ chồng bây giờ không buồn chuyện trò với nhau. Còn thằng Petka thì nó bỏ nhà đi theo lũ du đãng, Trước khi đi, nó chuẩn bị cẩn thận : đánh cắp ba đồng rúp, một cái bánh và đem theo con ngựa gỗ.

Lúc chuyện vỡ lở, mọi người trong nhà cuống cuồng, riêng Nathalia gần gũi thằng bé nhất, nàng biết có tìm kiếm cũng vô ích. Sakharoff lăng xăng,nàng bảo :

– Thôi , đừng phí sức...

– Tại sao vậy ?

– Thì mình đã giết chết lũ nhỏ dưới hầm . Chúng báo oán, hại con mình chứ sao ?

Sakharoff ba chân bốn cẳng chạy đi tìm lão Pankratoff để báo cáo : Vợ anh ta điên rồi :chị thấy ma , tin oan hồn báo oán. Lão Pankratoff gầm gừ : Không khéo chị này quẫn trí nói xằm, lộ bí mật hết trơn, thì ở tù cả dám đa ! Lão phải thị uy mới được .

Lão Pankratoff tiến thẳng lên phòng : Muộn rồi , Nathalia đã lẻn ra ngoài, đi thất thơ ngoài đường. Đời nàng thế là xong : Mọi người cho nàng là quân sát nhân không ai dám đến gần, rồi chồng nàng, con nàng cũng tin là nàng giết người ! Tất cả đều bỏ nàng, xa nàng . Nàng bơ vơ, hoàn toàn bỏ vỏ trên đời. Trong bao nhiêu năm nàng đã hi sinh cả cuộc đời cho tình yêu, cho chồng, cho con; bây giờ nàng mất hết, trắng tay, không còn gì cả . Nàng không còn lý do để tiếp tục cuộc sống.

Nhưng yên lặng chết thế này được sao ? Không . Nàng phải làm sáng tỏ câu chuyện, phải cho thiên hạ thấy rõ tội ác của mình như thế nào. Việc mình làm mình chịu. Không được hèn nhát.

Thiếu phụ tới gặp nhà chức trách, nói toạc :

– Tôi đã giết mấy đứa nhỏ dưới hầm . Tôi yêu cầu được bắt giam, xét xử, và hành hình.

Thoạt tiên cán bộ ngỡ ngàng, không tin. Nhưng rốt cuộc, cuộc khám xét ngôi nhà màu mơ non được lệnh tiến hành.

Sakharoff hoa tay múa chân phần trần :

– Khổ thân tôi. Tôi là một nạn nhân. Cái bà nữ nam tước ấy thì là gì : Phong kiến, sát nhân, có thể lắm. Con gái nam tước Meinort mà : chuyện gì bà ấy không dám làm ? Chỉ khổ cái thân tôi. Giòng họ tôi bao nhiêu đời thuần túy vô sản. Tôi là dân lao động, chỉ biết công tác, hoàn toàn không biết tới những tình cảm tội lỗi của phong kiến v.v...

Lão Pankratoff nổi tam bành, xông tới, mắt đỏ ngầu :

– À, à ! Anh lo chối tội phần anh đó hả ? Tôi hỏi anh : anh có mèo chuột với con nhỏ đằng nhà kia không ? có ngủ với nó không ? vợ anh có đòi giết nó không ? Tôi bảo cho anh biết : Thằng già này mà bị xử bắn thì anh cũng không thoát nổi đâu nghe.

Sakharoff run bắn người lên.

Hàng phố kéo nhau đổ xô tới chung quanh nhà đông như hội.

Trong khi chờ đợi kết quả, người ta bàn tán ồm tỏi : Tania bị chị ấy băm nát, quăng xuống sông Mosxova rồi còn đâu ? – Ừ, thân quăng xuống sông, nhưng cái đầu bị chặt ra vứt xuống hầm. – Còn lũ nhỏ, thì bị chính vợ chồng Pankratoff ra tay đấy mà...

Ai nấy hồi hộp nhìn chăm miệng hầm, tưởng tượng những cái xác chết, những khúc xương, mảnh sọ v.v... sắp được lôi ra. Riêng Nathalia, nàng ngồi thẫn thờ, bất động. Nàng nhìn lại đời mình như một người xa lạ đứng ngoài nhìn vào, cố hỏ không hiểu nổi những gì đã xảy ra từ trước đến nay: những niềm vui nỗi buồn, những năm tháng say mê bên cạnh chồng, những lo lắng vì đứa con tật nguyền. Rồi tình thương con đã đưa nàng đến chỗ tham dự vào cuộc giết người, rồi nàng một mình chờ chết, chờ người ta đem mình ra giết như một con chó !

Người thiếu phụ còn đang miên man suy nghĩ thì những viên công án khám xét đã từ dưới hầm chui lên, cầu nhàu : Lại một con mẹ điên khùng, khai báo lăng nhăng vớ vẩn, chỉ tổ làm mất công toi.

Hàng phố thất vọng, bỏ ra về, bực mình! Kỳ cục chưa ? Cái gì lạ vậy ? Thế những cái xác dưới đó biến đi đằng nào ?

Sakharoff thở phào nhẹ nhõm, hớn hở chạy đi tìm Pankratoff. Lúc bấy giờ lão đã tỉnh bơ, ngồi ăn mứt uống trà. Vừa trông thấy mặt Sakharoff, lão liền đanh mặt lại :

– Thế nào ? Tự dưng thình không các người đi tố cáo rước công an về, làm náo động cả lên. Rồi đây báo chí làm tùm lum. Chúng tôi là gia đình đàng hoàng, tử tế, không thể chấp nhận như vậy được. Tôi nói cho các người biết : Liệu mà tìm chỗ dọn đi.

Sakharoff quýnh quáng:

– Chỉ tại con mẹ nữ nam tuốc đó mà . Tôi sẽ ly dị, ông tôi đi . Nay nó đưa Công an về, mai nó rước tối Mật vụ về; mình không cưỡng quyết, nữa rồi tụi mình chết hết về tay nó cho coi.

Lão Pankratoff dịu giọng:

– Ở địa vị anh , tôi cũng làm thế . Nhưng nè, theo ý tôi anh còn trẻ, ở đâu mà chẳng được . Nếu anh đi, nhường cái phòng lại cho thằng cha Mouchine, tôi có thể đưa anh vài chục tiêu chơi. Nếu cần, tôi chi ngay một chục , ứng trước.

Sakharoff nghĩ ngay tới Vera, con bồ đang mê anh ta như điếu đổ :mặt nó nhiều nốt ruồi quá, nhưng đâu có gì nguy hiểm ? Anh ta trở về phòng, tìm vợ. Nàng đang ngồi tựa lưng vào vách như một kẻ mất hồn . Nàng như một cái cây đã bị đốn nhưng chưa kịp ngã, tuy cành còn đu đưa nhưng thân đã lìa khỏi gốc . Sakharoff hung hăng mắng nhiếc nàng hại đời anh ta, đòi ly dị nàng, đuổi nàng trong vòng ba hôm .

Thiếu phụ mỉm cười dịu dàng : Thế là đời nàng đã có một lối giải quyết. Nàng đồng ý, nhặt mấy món đồ, ra đi ngay, khỏi cần chờ đến ba ngày.

Bước chân ra đến ngoài đường , người đàn bà chợt có một phút bỡ ngỡ. Không bạn bè, không tiền bạc, không quê quán bà con, nàng đi về đâu bây giờ ? Trời nắng chang chang, đường phố vắng tanh. Nàng quay đầu nhìn lại lần cuối cùng ngôi nhà màu mơ non, nơi nàng đã yêu và đã khổ . Tất cả như hư ảo.

O

Hôm ấy, ngày 18 thang 7 , trên đường từ Mạc-tư-khoa đi Koursk, tại nhà ga Skouratovo có xảy ra một chuyện lộn xộn.

Thường thường xe lửa đến đó dừng lại mười lăm phút, hành khách có thể bước xuống sân ga dạo bộ cho đỡ cuồng cẳng. Một nhân viên hỏa xa đã vui miệng báo cho Nathalia biết là tụi du đãng loạn lắm, phải coi chừng cẩn thận.

Quả nhiên có một thiếu phụ ló đầu ra khỏi toa xe, tay cầm miếng bánh, nhấm nháp. Một thằng bé hỏi xin tiền, nàng sợ hãi rút vào, mách chồng . Anh này đang cầm tách trà đã uống cạn trên tay, hất chút nước cặn, đuổi thằng bé đi . Nó tức giận, lượm hòn đá giang thẳng cánh ném vào ông khách, may mà không trúng. Người ta xúm lại đuổi bắt du đãng; lũ trẻ từ các toa tàu tủa ra chạy. Một thằng bị túm, đám đông xông tới, đấm đá túi bụi, đánh đòn hội chợ tưng bừng, đến nỗi cuối cùng thằng bé tắt thở. Đó là thằng Kirioucha.

Vâng, chính nó, thằng Kiroucha, đã từng ở dưới hầm nhà Pankratoff độ nọ. Tất cả ba đứa chúng nó, và cả thằng Petka cùng xuôi Nam trên chuyến tàu này . (Thì ra hôm ấy, trong lúc lão Pankratoff

đang bàn kế hoạch bịt miệng hầm để giết lũ nhỏ thì thằng Petka đã lẻn xuống hầm báo động ,khiến cả bọn thoát chết!)

Sau vụ thằng Tchoub ném đá và thằng Kiriloucha bị đánh chết, mấy đứa còn lại kéo chạy băng đồng để tẩu thoát. Rồi đứa lớn cõng đứa bé --thằng Jouravka cõng thằng Petka -- chúng dìu nhau đi về hướng Caucase. Những đứa trẻ lang thang ấy rồi có đi đến nổi ? bao nhiêu sẽ gục ngã dọc đường ? sẽ chết dưới banh xe ? sẽ chết đói chết khát? Không ai biết ! Chúng là hình ảnh của nước Nga bị bỏ rơi, không chút an ủi, vỗ về, săn sóc.

○

Cuối mùa hè năm ấy, cuộc sống trong hẻm Protochni ghi nhận một vài đổi thay.

Đó là ban thanh tra Giáo dục và Vệ sinh đến nghiên cứu tại chỗ và ban hành một số biện pháp; khẩu hiệu liền được treo khắp nơi: "Ruồi là kẻ thù", "Hãy đọc báo", "Mỗi phụ nữ là một công nhân cần được kính trọng" v.v...

Sakharoff dọn sang sống chung với Vera, đúng theo kế hoạch đã định. Cặp Mouchine đến muốn căn phòng cũ của Sakharoff ; người chồng thì khô gầy, mụ vợ lại có da có thịt, nói cười toe toét. Tức thì lão Pankratoff có ngay một chương trình giao du thân mật với nữ công dân Mouchine rất đề huề.

Ở đàng nhà Leuter thì anh chàng Prachoff đã bỏ Iousik đi nơi khác : " Xin lỗi, ở đây có nhiều kỷ niệm đau lòng..." Anh ta đốt hết bản thảo, chừa làm thơ, chừa viết lách, chừa uống rượu. Bây giờ anh ta không làm ký giả nữa, chỉ kiếm sống bằng một chân thầy cò ở một tòa soạn nhật báo. Thế thôi.

Iousik tìm được việc làm ở rạp Ciné Ars; ban ngày rảnh rỗi gã trông nom bé Rose giúp gia đình Leuter.

Vị giáo sư Latinh già đã chết , lũ du dãng kéo nhau đi biệt, Nathalia và Tania cũng biệt tăm . Có aitrong con hẻm -- ngoài Iousik còn nhớ đến Tania ? Đã từng có chăng một người con gái tên là Tania? hay đó chỉ là một giấc mơ? Đời sống cứ tiếp tục tiến tới, và những gì đã qua bị xóa tan . Ngay đến Prachoff, dù đau đớn vì kỷ niệm, dù vẫn còn giữ khư khư chiếc nhẫn xưa, anh ta đã tính đến chuyện cưới một người con gái tên Katucha Markoff :dù sao , phải sống chứ; phải quên dĩ vãng để sống cuộc sống bình thường chứ.

Riêng Iousik thì gã không rời được dĩ vãng. Tania đã chết đối với mọi người, trừ phi đối với gã.

Và một hôm , Iousik--chỉ mình Iousik thôi--nhận được lá thư của Tania:

"Anh Iousik, chắc anh ngạc nhiên lắm . Anh xem chữ ký và tự hỏi :'Tania nào đây? Đây chắc là một lá thư gửi từ thế giới bên kia về ? ' Không : tôi chính là cô láng diềng cũ của anh, là người đã nhiều lần mượn anh đi thư viện lấy sách đó mà.

Sáng hôm ấy quả thật tôi có ra sông định tự tử. Tôi đã dừng chân trên cầu một lúc, rồi tôisuy nghĩ và quyết định bỏ ý định tự tử, bỏ luôn Mạc- tư -khoa, trở về quê sống với chị tôi.

Chị Choura có ba con, có một ông chồng bệnh hoạn, quần quật suốt ngày, nhưng chị rất tốt. Ngày mới về, tôi kể lể những gì đã xảy ra ở Mạc-tư-khoa, chị khóc và bảo tôi đừng cho ai biết cả, chỉ bắt tôi ăn uống cho nhiều, lúc nào cũng bắt tôi ăn. Đến lúc hay tin tôi sắp lấy Sokolovski làm chồng, chị lại khóc :"Trời ơi, em lấy một tên cọng sản hả ? " Rồi chị cố trấn tĩnh :" Thôi,dù sao em tôi cũng có một thằng chồng." (Trong bụng, chị vẫn yên trí là ở Mạc-tư-khoa tôi làm điếm !) Chị cho tôi đồ cưới, nhưng tránh không dự đám cưới để khỏi gặp mặt chồng tôi.

Iousik, trước anh vẫn mong ước tôi có chồng . Bây giờ tôi có chồng rồi đây,anh hài lòng chưa ? Chồng tôi già hơn tôi nhiều, sắp bốn mươi lăm tuổi rồi ,tôi đáng tuổi con gái anh ấy. Anh ấy vào đảng từ trước cách mạng. Chúng tôi gặp nhau ở hội quán , hôm ấy gặp phiên tôi gác,chúng tôi quen nhau, nói chuyện với nhau. Tôi thấy nói chuyện với anh ấy thoải mái. Rồi một hôm anh ấy bảo: "Tania, có muốn sống với tôi không ? " Bất ngờ quá, vì giữa chúng tôi chưa có tình cảm gì cả. Tôi hỏi tại sao anh ấy muốn thế, anh ấy bảo vì quá cô độc, anh ấy muốn có một người vợ và một đứa con.

Sokolovski lúc nào cũng bình tĩnh, vững vàng . Prachoff tuy nhảm, nhưng đã đọc thơ cho tôi nghe, đã cảm động. Còn Sokolovski, tôi thấy mình thật xa cách anh ấy. Tôi tự hỏi : Thật ra, có phải đây là một con người ?

Dù sao tôi đã trưởng thành, tôi có chồng, sắp có đứa con : sự thế diễn ra như vậy có lẽ là đúng. Kachira, nơi tôi đang sống , là một thành phố khá xinh. Chồng tôi đi họp. Nhà vắng vẻ. Tuyết đóng bên ngoài cửa sổ. Buổi tối thật dài...

Iousik, nếu có anh ở gần chắc anh sẽ kéo cho tôi nghe một bản đàn, và chắc tôi sẽ sụt sịt khóc. Nhưng anh đừng tưởng là tôi đau khổ. Không đâu, người ta có thể khóc vì nhiều thứ chứ không phải chỉ vì phiền muộn . Tôi thương tất cả mọi người, thương cho chồng tôi, anh ấy thật cao lớn , thật thông minh, và thật cô độc; thương cho chị Choura, thương Prachoff. Còn anh , Iousik, thì tôi cho là người sung sướng nhất mà tôi đã gặp, sung sướng một cách đơn giản, thế thôi.

Anh đừng để ý đến những giọt nước mắt làm nhòe trang giấy này nhé. Tôi vẫn khóc vì những lý do không đâu. Tôi đâu có gì để khổ

sở ?

Viết thư này cho anh tôi nhớ lại quãng đời ở Mạc-tư-khoa, tôi xin gửi tất cả nhớ nhung về con hẻm cũ, (vâng, con hẻm, nơi tôi đã trải qua những vui buồn một thời) gửi về những ngôi nhà nhỏ, giòng sông Moscova, về Prachoff nữa (bây giờ tôi đã biết anh ấy không xấu đâu, tôi đã hiểu anh ấy). Nhưng tôi nhớ nhất là anh , anh Iousik vụng về ạ. Những kẻ như anh ở từ đâu đến cõi đời này nhỉ ? Từ trên trời rời xuống, như sao băng chăng ? Lắm khi tôi tưởng mọi sự do nơi con người. Phải, tôi biết cái chính là "hạ tầng cơ sở": phải nói thế mới đúng, mới khoa học. Nhưng mỗi tuần trước đây có sáu anh thanh niên cọng sản hiếp dâm chị Macha ! và không có ai bất bình cả. Những người già bảo :"Đấy , cách mạng của các người đấy !" còn chồng tôi lại nói :"Tất cả là do tình trạng kinh tế chậm tiến". Dĩ nhiên là có lý. Nhưng trong thâm tâm, tôi nghĩ :Nếu con người không chịu thay đổi thì tất cả sẽ chẳng có gì thay đổi, trừ các danh từ ! Anh, anh bạn cố tri thân thiết, hẳn anh thông cảm với tôi chứ ?

○

Mùa đông lại về.

Sakharoff đã dời sang khu phố khác . Nathalia không biết lang bạt về đâu . Lũ trẻ du đãng chết sống ra sao, còn lại được chừng nào cũng chẳng ai hay.

Chỉ còn lại gã gù Iousik và anh chàng Prachoff vẫn ở hẻm Prototchni. Prachoff đã cưới vợ.

Lão Pankratoff vẫn kiếm chác khá, càng ngày càng ăn nhiều, càng mập càng đỏ. Nữ công dân Mouchine biết rất kỹ về cái sức mạnh của người đàn ông ấy. Pankratoff chúa ghét Iousik, gã gù càng ngày càng vô vẩn, điên khùng. Nhiều lần, lão tìm cách tốngxuất phần tử "thiếu lành mạnh" này ra khỏi khu phố.

Tội nghiệp, Iousik gã đâu có làm gì hại ai ? Gã chỉ mãi đọc đi đọc lại lá thư của người con gái ai cũng nghĩ là đã chết, gã lang thang dưới tuyết, lâu lâu rút đàn ra kéo một bản, đem đến một chút vui tươi trong lành cho những tâm hồn giản dị trong con hẻm , thế thôi.

TRẦN THẠCH giới thiệu

The neighbor across the garden

by VÕ PHIẾN

The man who lived behind Loc's house was small, near-sighted, and gentle looking. In fact, he was meeker than he looked.

When Triem was young and had just started working in a small district he had no communication with anyone. At that time the schools were not very well developed, and in his district only Triem had ever received a high school diploma. Such high diploma achievement embarrassed him when he was with other people in his district. In addition he was awkward, clumsy, quiet, taciturn; he did not know how to drink or play cards. He did not know how to play chess either.

His wife, when she was single, had taken care of a little shop in the market for her mother. And when she had her first child, she stopped working there. From then on she gradually went out less and less until people finally felt that she wanted only to remain in her home, that she was avoiding them.

The house which first attracted the couple so powerfully must have been a serene place. From that warm nest, every afternoon when he came home from work, her husband would carry his child in his arms and stroll along the neighborhood streets to take an airing, oblivious of all around him. He held the child close to his body as though he were clinging to happiness itself. And such a man who was so immaculate, having just finished his bath, with clean clothing on and with freshly combed hair, his eyes blinking through his thick sparkling pair of glasses, such a man who found his leisure in the street like that, looked lonely and lost.

Now Triem had moved to a more crowded city, he had had six children, and his black hair had become flecked with gray. There had been many changes in his way of living, but despite all he was still a very meek person.

For years Triem had had many household task s which only a few people knew about: cooking, slicing vegetables into thin strips, preparing his meat with fish sauce, taking his children to the bath, sewing clothes for the entire family, etc... How this man had learned to do all these things no one knew. Triem was not in the habit of boasting about his many abilities; he did not like to mention his skills, his knowledge in front of other people. But he got more and more involved with these things.

Now he did almost everything in the house. He remembered clearly each piece of clothing of each of his children; he would remind his wife that he had not seen Lan wearing her blue-stripped gown for a long time. His wife admitted, "Yes, I had almost forgotten about that. Lan, would you get that gown and put it on so that I can see if it still fits you? It is at the bottom of the suitcase which is on top of the wardrobe. Be careful Try not to rumple my dress."

Triem's Honda carried four people, who usually were: his wife going to the market or shopping, he himself going to work, his children going to school or to see the doctor, etc. Now when he appeared in public, he did not look so free as he had a long time ago. He did not have to maintain a clean appearance, so important in a small town but not required in the big city; he could be untidily dressed, lost in the impersonal crowd.

In the office sometimes he had some ideas: at about 9 o'clock in the morning, whenever he was not busy with his work, he'd go to the mearby market to buy some meat, fish, fish sauce, peper, and chili pepper; at 11 o'clock with the available electricity and water supply, he also had cooking untensils so he would find a secret place to cook some food. At 12 o'clock noon he went home with all sorts of food prepared. And he kept on doing this continuously for seven or eight months. After that, there was a change in the office, and he did not have the right conditions to continue with his cooking, so he had to stop.

But at home his cooking skill was very important. Thanks to many transfers from place to place in the life of a public servant, thanks to his contacts with different classes of people, by ovserving various styles of cooking, by consulting his own experiences in several parts of the country, he had been able to improve his skill constantly. His abundant knowledge had made him eager to do the cooking in his house. He could not leave it alone.

It was also Triem who did the mending of the best clothing of his family; he was the most skilled mender in his family. Again it was also he who had to clean them when his wife got oil or mud on her white trousers, or on her ao dai. How would we remove chewing gum spots from our clothes? Rust, oil ball-point-pen ink, stain from the banana, etc. What was the right agent for removing each of these? Mr. Triem knew them all. Mr. Triem did the work, and he explained the process to his wife and chidren at the same time. Therefore Loc heard that husky voice in her neighbor's house almost continuously explaining. And only that

voice; she wondered why she never heard the voices of his wife and children.

Loc was curious. Such a strange way of life which was going on just behind her mother's house month after month finally made her uneasy. Suddenly she wanted to know that man, who wanted a closer look at the face of that man.

In fact, Loc would not have been able to recognize the face of either the man or the woman who lived behind her house if she happened to meet them. Their faces would not have given any suggestion of the way of life she had been imagining for them.

Mrs. Triem still appeared frequently at different restaurants within the neighborhood. And at these places she was a happy and open-minded person.

Short Mr. Triem had tried to get a wife who was not taller than he was, but there was nothing he could do to prevent her from growing fat as she grew old. Now she was very fat. Her face was round and red, aglow with good health.

When she was young, she had kept herself in the house, but lately it was the reverse. She was no longer shy due partly to her old age which permitted more freedom and partly to the fact that her grown daughters and her husband did all the household work. Mrs. Triem was free; she liked to sit in restaurants and eat lunches. Whenever she met people whom she knew from her neighborhood, she laughed happily showing rows of beautiful, even teeth. Meeting that cheerful and talkative woman, no one would ever think that she could be so quiet at home.

Mr. Triem, when he was away from home, was suddenly shy and embarrassed. Just as he had been in thepast, he did not dare look anyone embarrassed. Just as he had been in the past, he did not dare look anyone directly in the eye, avoided every meeting of other people in the street. Away from home, suddenly "bang," that talking machine stopped. Only when he was back home, stepping inside his house, that man would again be vividly alive, and talking constantly, and doing everything for his wife and children. Even the reciting and praying to Buddha, he wanted to do himself, would not let anybody else do it.

Je jad kist recemt?u becp,e a Biddjost; When he was a chief secretary in his district, Triem had not paid much attention to religion. Then sometime in 1964-65, he lived near a friend from his office who had a profound knowledge of Buddhism. He read books, studied; then he became a Buddhist.

Mr. Triem had his own concept of worship. He prayed, burned incense at unusual hours. Therefore, Loc heard her neighbor's bell at quite unexpected and irregular times.

Mr. Triem found Buddhism in books. He also found many other things in them, because although busy and hard-working, he still found time to read books, and enjoyed reading them.

Mr. Triem also read books as irregularly as he did his praying—sometimes in the afternoon, sometimes when he had spare time in the office, sometimes late at night, sometimes while fanning a feverish child, etc.

In the pages Mr. Triem would suddenly find a custom of the Eskimo people: The men who go hunting away from home for many months, wandering from place to place, in dangerous snowy weather, need a fellow traveller to take care of each man, to be with him day and night. Those travellers are their wives. But when the hunting season comes and their wives are sick, or busy taking care of their children, or pregnant? What then? In that case, custom dictates that friends must lend their wives for a while.

Mr. Triem suddenly stopped reading in the middle of the page, his eyes dimmed through his thick glasses. Looking away, he was deep into those faraway thoughts. The woman who was lent, what did she think about meeting the new man that first night? In what surroundings? Beside the fire? In a cave? In the terrible moaning sound of the wind? What were her feelings and those of the man, the feeling of the sexual avengers, the feeling of the man who bent forward upon his fellow-traveller for the first time...

The husky voice of Mr. Triem stopped, he dived into the world which was suddenly aroused by that page. He was now somewhere else; he was no longer with his family.

On another occasion, for example, on a page of the book Indifference by Nhat Linh, accidentally Mr. Triem met again Nhung in the rented house of Nghia; the two lovers secretly restrained their desire for each other; on that day it was raining outside, the house was deserted, Nghia closed the door, Nhung swallowed hard in a passionate manner...

Mr. Triem's eyes dimmed behind his glasses. After a while, he closed the book, lay still, caught a short nap, went out to the kitchen to prepare a cup of coffee, took his bike to get his children from school, drove his wife to Cho Lon to buy some items, returned home to repair the plugged waterpipe, etc.

Such jobs jostled against one another and temporarily the story faded. However, the page was not forgotten. late at night when the children had gone to bed and all the lights had been turned off, Mr. Triem became the Eskimo man: beside a crackling fire in a cave in the Arctic region he stooped toward his female fellow-traveller:

—The other day when you knew your husband would lend you to me, did you like it?

—Hm!

—Come on—. I had wished to borrow.....you

—You lie.

—Oh! I have loved these breasts, this neck.....

—Why didn't you ask to borrow me last year?

—I did, I did. But your husband told me he had promised you to another person.

—Hm?

—Do you like me?

—Hm!

—I like these breasts.....

Mr. Triem put a hand on his wife's body. She awakened, keeping her ears open, then smiling in the dark....

Tonight Mr. Triem was the Eskimo man, the next night he became Nghia in the deserted house. Night after night, Mr. Triem always lived new adventures. Intercourse with his wife was never a repetition to him.

Books related that the Amazon women lived together in a community without men; in girl soldier groups all the girls were virgins until a certain age, or until they had been victorious in battle. Once each year the Amazon women of the Thermodon went up to Gargara Mountain—the stronghold of the neighboring tribe—to see the men there: God, those desirable women soldiers with that group of sex-hungry men, they made love passionately for many day.... How could he avoid responding to that? In the lovemaking session with his wife that night, Mr. Triem lived again the lust-filling experience of the strange men with the desirable Amazon women soldiers.

Someone told him that the young healthy prisoners on an island were usually selected by the supervisor's wife for satisfying her sexual need. Mr. Triem pondered the feelings of those lucky prisoners in such a secret, adventurous contact.... And of course, that was also the contact of himself with his wife that night. He held his wife in his arms; in his mind appeared clearly those images of the sinful lovers, trembling and anxious.

Another night, Mr. Triem became Emperor Napoleon, flirting with a beautiful soldier's wife during the African campaign.

Again another night, he was the handsome Vronsky stooping down to murmur into Karenina's ear, "Anna, Anna! I beg you.", then jumped on her naked body, etc.

Mrs. Triem, the round fat woman, with flushed full cheeks, accepted the passion of her husband. During the day in restaurants, at night in bed, that woman was always satisfied. A healthy-looking, happy woman.

Indeed, that afternoon while stopping at the street corner to wait for his wife who had gone into a shop to buy some batteries, Mr. Triem had the chance to watch a girl wearing jeans, white T-shirt, who looked desirable. That night, he and that girl...., in his imagination....

This morning, while driving his children to school, just when he was going to return home, he met two women teachers going together into the school. They walked and talked and laughed together; one of them had a clear laugh which caught his attention: whe wore a red dress which looked so cheerful, an unusually elegant face. That ngiht....

Mr. Triem was still a shy man, dared not look straight at anybody in

the street. He looked dull with his pair of glasses, as if he saw only the street ahead of him. However, so many good-looking girls had been observed by that dim pair of eyes that day—his neighbor's wife, the sister of that neighbor in the rice shop over there, the daughter of that woman shopkeeper, etc. Women appearing in his neighborhood, if they looked good to his eye, sooner or later would be mentally molested.

That middle-aged, untidy, meek, tasteless man kept on going back and forth without catching anyone's attention, he did not do anything to create interest. Women and girls paid no attention to him, men paid even less attention: everyone seemed not to see him, did not realize his presence in the area after so many years. That was a serious misunderstanding of the man: during that period, almost all their wives and daughters, those who were beautiful, were gradually drawn onto his bed, in his imaginative way.

Mr. Triem was not the type of person who is a foolish dreamer, whose mind is obsessed by sick sexual desires. Oh, no' He worked hard all day long: cleaning the floor, cooking soup, washing clothes, solving problems, signing papers, explaining lessons to his children, drawing embroidery patterns for his wife, etc. But no one could prevent those thoughts occurring: while his hands were busy washing the floor, he might think vaguely about the naked arms of his neighbor's wife which he happened to see yesterday. He thought vaguely about it, then let it be forgotten. What obsession? And at night, after finishing his praying, coming down from upstairs, his hand holding the wooden railing, Mr. Triem would vaguely run through a list of women: last night it was that neighbor's wife, who should be with him tonight? Maybe after a while, he would reject that idea: It did not seem to be romantic, just stupid.

But late at night, those images came back to Mr. Triem with enthusiasm; then he embraced his wife, in his mind appeared the image of this girl, that woman, or he listened to imaginary pleading voices calling, "Anna! Anna! I beg you, I beg you!" Stepping down from the carriage where she sat with the mother of Vronsky, Anna looked a bit fat, but her gait was fast, and her neck looked healthy, solid, just like ivory. In the cally imagined that slightly fat woman lovet with the healthy neck; he

dark Mrs. Triem stirred indistinctly. And he, he imagined, enthusiastically imagined that slightly fat woman lovet with the healthy neck; he put his arms around that neck. "Anna! Anna... I beg of you!"

"Anna, Anna!" Loc did not hear, did not know anything about those begging voices. She only heard day after day the husky voice of the man —sometimes talking about his children's study, sometimes about household tasks, financial problems, washing, cooking—a man who was too meticulous in taking care of his family, a family in which wife and children were completely passive, showing no sign of reactions, no sign of activities.

—le! You must have clean clothes. This is the third time I have re-

minded you. Girls are not to be dirty.

—Stop playing around with that box of matches, Duc. I forbid you to play with fire. You understand?

—Lan, did you buy the meat? This time you are wrong, come here, I'll show you so that next time you won't make the same mistake...

A man saying "Child, Child," all day long, explaining all day long seemed abnormal, strange, especially with a voice that did not sound old at all

Unlike anybody else in the area, Loc paid attention to Mr. Triem; she was curious about this man. She did not know him yet; perhaps she did meet him, did encounter him many times somewhere which she did not recall, because away from his house that man was completely changed. But Loc, maybe she had aroused Mr. Triem, maybe had supplied him with many passionate feelings in the dark. Who knows? Mr. Triem, in one respect, was a very sensitive man: a woman's voice on the other side of the garden wall, sounding warm, appealing, like her voice, was enough to stir in his imagination an interesting deduction.

Many times, either at noon or in the afternoon, busy with her housework, Loc heard the chime of a bell, suddenly clear, the spread out, then gone, like the fine drops of a gentle rain falling softly on a serene pond. The sound of the bell did not affect the life activities in the neighborhood, but it did stir up uneasy feelings in the girl's heart, recalling how she felt when she had been with her boy friend one afternoon some time ago.

And later, after that romance had been completely broken, either in late afternoon or under the trembling rays of noon, once in awhile the ding dong sounds of the bell across the garden fell like fine drops of rain, and created sudden waves of deep sadness in her heart, like undulating ripples on a deserted pond.

VÕ PHIẾN

Nhà xuất bản Văn nghệ đã in xong:
TỬ VI ĐẨU SỐ của VÂN ĐẰNG THÁI THỨ LANG
Dày 400 trang — đầy đủ đặc tính các sao, lập thành luận đoán, phương pháp khoa hoc. — Mỗi cuốn 10 $.
Hỏi tại:

3127 W. Avenue 32
Los Angeles , Ca 90065
Điện thoại: (213) 256 — 5038

Sách Việt hải ngoại

MỘT QUẢ CƯỜI ĐỂU MÙA XUÂN của Kiều Phong (Bút Lửa xuất bản, 126 trang, giá 4$00)

Báo "Quân đội nhân dân" kể chuyện anh hùng Kiều văn Niết bị dận gãy cánh tay phải mà chưa dứt hẳn, anh hùng để tay lên bờ đất, lấy chân đạp vào rồi quay người rứt mạnh hai lần mà cánh tay vẫn không dứt; mãi sau về tới cơ sở anh hùng khẩn khoản nhờ chị Tư dùng dao cắt bỏ cánh tay, gãy, chị Tư chỉ có con dao cùn nên cưa qua cưa lại mãi mới đứt. Kiều Phong hỏi: Anh hùng Kiều văn Niết không có máu? Nếu có, tay gãy mà bị hành hạ lâu thế tất mất máu nhiều, sao chịu thấu? Anh hùng không có máu, hay văn nô không có óc?

Ông Võ văn Ái là chủ nhiệm báo "Quê mẹ", ông Nguyễn viết Tỵ là chủ nhiệm tờ "Đoàn kết". Báo "Quê mẹ" chỉ trích cọng sản, chủ báo "Đoàn kết" hồi dóa đòi tống cổ ông Võ văn Ái về Việt nam ăn c... Kiều Phong hỏi: Việt nam bây giờ là địa ngục sao mà hễ thù ai là dọa tống về Việt nam? ở Việt nam sau ngày giải phóng có món ăn mới gì nghe lạ vậy?

Đại khái 23 bài trong "Một quả cười đểu mùa xuân" là những lời vặn hỏi như thế, căn cứ trên chính lời lẽ của các cơ quan ngôn luận cọng sản, của các nhân vật cọng sản tại Việt nam. Từ ngày vào Nam, người cọng sản đã nghe phát lên tiếng cười liên tục, khi rúc rích, khi ầm ĩ của quần chúng quanh mình. Lần nầy là tiếng cười thật "đểu", thật độc, từ xa vọng về.

☆

Văn nghệ khắp nơi

SÀIGÒN NIỀM NHỚ KHÔNG TÊN CỦA NGUYỄN ĐÌNH TOÀN

Năm ngoái Hồ trường An bỏ Sài gòn ra đi, nhà văn Nguyễn đình Toàn tiễn bạn và nhắn gửiViệt kiều hải ngoại bằng một bài hát . Bài"Sài gòn, niềm nhớ không tên".Nguyễn đình Toàn hát , Hồ trường An nghe và nhớ. Một năm sau, Hồ phổ biến bài nhạc tại Ba-lê, và nhóm"Quê mẹ"đã tung bài hát ấy đúng vào dịp kỷ niệm 30-4 trên các đài BBC, đài VOA, 200 đài thuộc hệ thống Public Broadcasting Sercice, rồi sau đó trên đài France Inter.

Dư luận Âu Mỹ chú ý nhiều đến biến cố thời sự văn nghệ nầy."Sàigòn,niềm nhớ không tên"của Nguyễn đình Toàn có những câu tha thiết cảm động :*"Sài gòn ơi,ta mất người như người đã mất tên, như dòng sông nước quẩn quanh buồn như người đi cách mặt xa lòng. Ta nhủ thầm em có nhớ không ? Còn gì đâu !*

Ai đi nhớ hàng me già. Thu công viên hoa vàng tượng đá. Ôi tuổi hồng mộng ước phôi pha theo giòng đời qua...

(...) Sài gòn ơi, ta mất người như người đã mất tên, mất từng con phố đổi tên đường, khi hẹn nhau ta lạc lối tìm. Ôi tình buồn như đã sống thêm.

Ai ra đi nhớ hoài câu thề. Nơi quê hương muôn người chờ ngóng. Ta tiếc thời âu yếm xa xưa. Thôi rồi tình thơ."

Được biết Nguyễn đình Toàn, tác giả"Chị em Hải,""Áo Mơ Phai"(Giải thưởng văn chương toàn quốc 1973) bị nhà cầm quyền giam giữ từ một năm nay.

MINH ĐỨC HOÀI TRINH ...CHIẾM LẠI QUÊ HƯƠNG

Đầu tháng 4-78 Tổng hội sinh viên Việt nam tại Paris (Phap) đã trình diễn một vở kịch thơ của Minh đức Hoài Trinh mang tên "Chiếm lại quê hương " tại Foyer International, 93 Boulevard St Michel, Paris 5.

HẬN NAM QUAN CỦA GIANG HỮU TUYÊN

Ở Trung tâm cộng đồng Việt nam tại Hoa thịnh Đốn (Hoa Kỳ) ngày 30-4-78 Việt kiều đã được xem một vở kịch thơ của Giang hữu Tuyên do Nguyễn tường lan Phương đạo diễn. Vở kịch "Hận nam Quan" được viết ngay tại Mỹ, nghe đâu đã gây được tiếng vang lớn trong giới khán giả Việt kiều miền đông.

MỘT CHỖ CHO KIỀU CHINH

Tờ "T.V. Guide" số ra ngày 13-5-78 đã dành cho tài tử điện ảnh VN Kiều Chinh ba trang báo.

Sau khi nhắc lại cuộc đời và sự nghiệp của Kiều Chinh ở VN , những giải thưởng mà bà đã đoạt được tại các đại hội điện ảnh Á châu năm 1972 và 1974 tại Đài Bắc, ký giả Dick Russell nói đến việc bà đã xuất hiện trên màn ảnh truyền hình Hoa Kỳ trong chương trình MASH tháng 11 năm ngoái; sau đó nhiều thư khen ngợi của khán giả đã tới văn phòng của Alan Alda : con đường hậu vận của người nữ tài tử VN nay xem đã có vẻ được khai thông. Alda bảo:" Phải có một chỗ dành cho nàng đâu đó tại Hollywood".

CÁC CUỘC DIỄN THUYẾT

– Ngày 16-4-78 , giáo sư Nguyễn đình Hòa , giám đốc Trung tâm Việt học Southern Illinois đã nói chuyện về vấn đề bảo tồn Văn Hóa Việt Nam tại Bắc Mỹ tại Montréal. Khoảng một trăm Việt kiều đã đến nghe và thảo luận.

– Ngày 22-4-78 , bác sĩ Hoàng văn Đức ở viện đại học Y khoa U.S.C. đã thuyết trình về đề tài "Khía cạnh văn hóa của bệnh lao trong giới Việt kiều ở Mỹ "(Cultural aspects of Tuberculosis among the Vietnamese Americans) tại Asian Pacific conference on Tuberculosis ,ở khách sạn Hilton, Los Angeles.

– Ngày 30-4-78 giáo sư thạc sĩ Y khoa Trần ngọc Ninh đã nói chuyện với Việt kiều tại giảng đường trường Polytechnique trong khu đại học Montréal (Gia-nã-Đại) . Cuộc nói chuyện đã thu hút một số thính giả kỷ lục , đến chật ních cả giảng đường, kéo dài suốt ba tiếng đồng hồ, trong sự hoan nghênh nhiệt liệt.

– Từ 1-5 đến 22-5-78 giáo sư Lê kim Ngân từ Gia-nã-đại sang Âu châu do lời mời của các tổ chức kiều bào và sinh viên tại đây, sẽ lần lượt nói chuyện với Việt kiều tại Paris, Toulouse, Grenoble, Lyon (Pháp), rồi Ý, Đức, Bỉ.

TRĂM HOA LẠI ĐUA NỞ

Sau khi Lưu thiếu Kỳ trở lại chính quyền, ở Âu châu có dư luận cho rằng Trung cọng bắt đầu một chính sách cởi mở và hi vọng văn học nghệ thuật sẽ được hưởng tự do. Mới đây, Mâu Thuẫn đã giải thích về cái tự do ấy.

Mâu Thuẫn là một nhân vật trong hàng lãnh đạo cao cấp của Trung cọng. Tiểu thuyết gia lão thành này năm nay đã 81 tuổi, nổi danh từ năm mươi năm trước, đã từng làm Bộ trưởng Văn hóa đầu tiên của Trung cọng (từ 1949 đến 1964), và hiện thời là Chủ tịch Hiệp hội các nhà văn Trung cọng.

Theo Mâu Thuẫn thì báo văn nghệ Trung cọng đang được tự do được giải phóng đều là sai. Sự thực là Trung cọng đang khôi phục lại chính sách cũ của Mao Trạch Đông "Trăm hoa đua nở, trăm nhà đua tiếng". Theo chính sách này, ai nấy được phát biểu, nhưng phát biểu mà trái lại (xã hội) chủ nghĩa, mà truyền bá tư tưởng tư bản, tức là tự xếp mình về phía kẻ thù của nhân dân: Không được đa.

Mâu Thuẫn cũng nhắc lại sáu tiêu chuẩn chính trị mà Mao Trạch Đông đã đề ra trong một bài diễn văn hồi tháng 2 năm 1957. Đại khái văn nghệ sĩ phải sáng tác thế nào có lợi cho sự xây dựng xã hội chủ nghĩa, cho chế độ nhân dân chuyên chính, cho quyền lãnh đạo của Đảng, cho sự thống nhất các lực lượng hòa bình trên thế giới v.v...

Cứ ngoan ngoãn trong vòng các tiêu chuẩn ấy thì tha hồ ...tự do, Chệch ra ngoài thì mệt.

QUẦN ĐẢO GOULAG III

Bộ Quần đảo Goulag của Solzhenitsyn thế là đã ra mắt độc giả Hoa kỳ trọn bộ ba cuốn:

Cuốn thứ nhất gây chấn động dư luận khắp thế giới và đã được dịch ra Việt ngữ, xuất bản tại Việt nam trước 1975. Sau đó, cuốn thứ hai không được đón tiếp nồng nhiệt mấy tại Mỹ (tại Việt nam thì sách ... bất phùng thời, không còn được phép phiên dịch, phổ biến nữa).

Sau đó, cuốn thứ hai không được đón tiếp nồng nhiệt mấy tại Mỹ (tại Việt nam thì sách ... bất phùng thời, không còn được phép phiên dịch, phổ biến nữa).

Cuốn thứ ba, ấn bản tiếng Nga ra đời tại Pháp đã hai năm; mãi vừa rồi bản Anh văn mới được ấn hành tại Mỹ, bán ngót 17 mỹ kim, và lại làm xôn xao mạnh văn giới cũng như quần chúng độc giả Mỹ.

Trọn bộ sách của A. Solzhenitsyn dày 1.800 trang. Trong hai cuốn đầu là tù đày, hành hạ, giết chóc dã man. Cuốn thứ ba ghi chép những vụ chống đối, quật khởi, những hành động cá nhân cũng như tập thể cực kỳ gan dạ, hào hùng.

Tác phẩm vĩ đại của nhà văn Nga cũng như cuốn "Holocaust" của người Do thái vừa rồi làm cho giới văn học nghệ thuật Trung hoa, Căm bốt, Việt nam, Lào v.v... lấy làm xấu xang: Biết ngày nào họ nói lên được cái thảm cảnh của dân tộc mình?!

AI BẢO VIẾT VĂN LÀ SƯỚNG?

"Thằng bé Dan, con nhà láng diềng, nói với đứa con trai lên mười của C.Y. Lee, tức Lee Chin Yang:

– Bố mày ngủ dữ! Bộ ổng ngủ cả ngày cả đêm hả mày?

– Không đâu, thỉnh thoảng ổng cũng ra vườn ngắm chim chóc chứ.

– Ối giời! Bố tao mỗi lúc ra vườn là phải làm công việc, nào nhổ cỏ nào hốt rác. Thế bố mày ngủ và ngắm chim xong có làm gì khác không?

– Mỗi ngày ổng viết chừng vài giờ và ăn tợn.

– Giống thế thì nhất thế giới rồi. Nữa rồi lớn tao cũng làm văn sĩ."

Họ Lý thuật lại câu chuyện trên đây để ...cười thầm. Người ngoài cứ tưởng bở. Thực ra ông cho không có gì vất vả bằng viết văn.

Có ai hỏi ông viết mỗi cuốn sách chừng bao lâu, ông đáp "Chín tháng". Cũng bằng thời gian đàn bà mang thai. Nhưng đó là chỉ kể lúc ngồi vào bàn để viết hay đánh máy, tức chỉ một phần nhỏ công lao. Ngoài ra bất cứ lúc nào: lúc nằm trên giường, lúc đi ngoài đường, lúc lái xe, lúc hội họp v.v..., không lúc nào người văn sĩ không nghĩ đến tác phẩm. Văn sĩ làm việc không có giờ nghỉ.

Lee Chin Yang là cây bút Mỹ gốc Hoa đang ăn khách: cuốn "Land of the Golden Mountain" của ông mới vừa được tung ra trong loại sách bìa mỏng bán rộng rãi khắp nơi. Tác phẩm ấy viết về những người Tàu lao động thuộc thế hệ đầu tiên đến California.

AI BẢO VIẾT VĂN LÀ KHỔ?

Sau vụ Watergate, nhiều 'bị can' xúm nhau viết hồi ký (có kẻ vừa ở tù vừa viết sách). Mà viết dầu là ăn chắc đó.

Hãy kể sơ sơ mấy kẻ :

E. Howard Hunt có cuốn Undercover, nội bản quyền nhượng cho phim ảnh cũng lên tới 45.000$

John D. Elirlichman viết cuốn The Company được nghìn về bản quyền sách, thêm 75.000quyền làm phim.

H. R. Haldeman cũng được 100.000$ với cuốn The Ends of Power.

John W. Dean III kiếm ngót một triệu về cuốn Blind Ambition .

Nhưng trên hết phải là "văn sĩ" Nixon, vai chính trong vụ Watergate . Cuốn The Memoirs of Richard Nixon phát hành hồi trung tuần tháng 5-78 đem lại cho tác giả hơn 2 triệu mỹ kim . Khi sách sắp tung ra, một số người mở chiến dịch tẩy chay, nhưng mười ngày sau nhà xuất bản đã xoa tay hài lòng ngay: Kết quả đẹp dễ lắm.

Bạn đọc viết

..."Từ khi đến cái xứ lạ lùng , kỳ bí này, tôi cứ tưởng mình sẽ không còn có thể viết lách gì được nữa. Các ảo thuật gia mà trồng hoa thì hoa cũng trở thành huyền hoặc; các vườn cây cỏ ấy đã làm tôi thất vọng. Khi đọc được tờ báo đầu tiên của các ông thì cảm tưởng đầu tiên của tôi: êm đềm. Tôi liên tưởng đến các khuôn mặt quen thuộc của bè bạn trong một thành phố khó quên: Sài gòn. Những quán cà phê cóc không ồn ào sau giờ ăn sáng. Những gác gỗ nóng bức bày la liệt trà rượu ..Những thằng bạn trần tục chỉ thấy hay ho khi chúng viết văn. Tờ báo của các ông đã cho tôi cảm tưởng và hình ảnh đẹp vì vậy chúng tôi có làm một cuộc cổ động tìm độc giả mới cho vườn hoa thứ thiệt. Tôi tin rằng đó là điều ích lợi cho cá nhân chúng tôi vì bao lâu các ông còn của quầy được là chúng tôi còn có hoa để ngắm nghía. Tán dóc về một bài thơ, bài văn, truyện dịch cũng là một cái thú xa xưa của chúng tôi khi còn ở Saigòn..." (NGHI... Little Rock).

O

Cảm tạ ý kiến khích lệ của bạn. Tiếc quá,chúng tôi không đọc được trọn tên của bạn, biết sao xưng hô ?

Về câu hỏi riêng của bạn: chừng một nghìn tri kỷ là đủ... vui.

VHNT

đóng cửa trần gian

TRUYỆN DÀI MỚI NHẤT CỦA LÊ TẤT ĐIỀU VIẾT TRÊN ĐẤT MỸ, VỀ XÃ HỘI MỸ, TẠO DỰNG UY TÍN ĐẦU TIÊN CỦA TÁC GIẢ TRÊN ĐẤT MỸ. BẢN VIỆT NGỮ ĐANG IN.

BẢN DỊCH THUẬT ĐANG NỖ LỰC LÀM VIỆC ĐỂ BẢN ANH NGỮ (DƯỚI TỰA ĐỀ KHÁC) "WHERE YOU CAN SEE THE WHOLE RAINBOW".. ĐƯỢC ẤN HÀNH NGAY SAU KHI NGUYÊN BẢN ,,ĐÓNG CỬA TRẦN GIAN".. ĐẾN VỚI ĐỘC GIẢ VIỆT-NAM.

Mỗi cuốn giá 4$00;chi phiếu xin gửi về:
Ô. Lê sáng Nghiệp
P.O. Box 19555
San Diego, Ca. 92119

---

nguyên vẹn

□ truyện dài của VÕ PHIẾN

Trong "Nguyên Vẹn" có nhiều trang thật đẹp, thật thơ mộng tình tứ. Tôi tưởng một người đã hai thứ tóc trên đầu, với những bồn chồn lo lắng về đời sống hàng ngày, khó có thể viết được những trang tình tứ đó. Vậy mà Võ Phiến đã làm được...

Đọc xong NGUYÊN VẸN tôi cứ nhớ tới cuốn "Giờ thứ 25" của Georghiu và cuốn "Bác sĩ Jivago của Pasternak...

Tôi nghĩ rằng bất cứ một người Việt di cư nào, đọc NGUYÊN VẸN cũng phải lấy làm thích thú. Cái thích thú của kẻ, sau 3 năm lưu lạc giang hồ, chợt thấy lại một luỹ tre già, một giòng sông xưa, một mái tranh cũ...

Bác sĩ NGUYỄN ĐĂNG DIỆM
(Đất Mới)

VĂN HỌC NGHỆ THUẬT

P.O. BOX 19555
San Diego Ca. 92119

CƠ SỞ ẤN LOÁT VÀ XUẤT BẢN

VĂN NGHỆ

NHẬN IN
- Sách, báo, cùng tất cả các loại ấn phẩm
- Ấn chỉ, quảng cáo v.v....

Giá hạ ● Nhanh chóng ● Mỹ thuật

NHẬN XUẤT BẢN:
- Tiểu thuyết
- Thi ca
- Khảo luận v.v...

bằng Việt ngữ, Anh ngữ và Pháp ngữ.

Có họa sĩ trình bày miễn phí.

XIN LIÊN LẠC TẠI:

3127 W. Avenue 32
Los Angeles, Ca. 90065
Điện thoại: (213) 256–5038

GIÁ : $2.00